

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 492.1-22/BC-DSG-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng đào tạo của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn năm học 2021 - 2022
(Thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

A. Trình độ đào tạo đại học

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|---|--|--|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | Theo Đề án số 114-22/DATS-DSG-ĐT ngày 25/06/2022 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn - Đề án Tuyển sinh năm 2022 Tuyển sinh đại học và Liên thông đại học hệ chính quy. | Theo Đề án số 114-22/DATS-DSG-ĐT ngày 25/06/2022 của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn - Đề án Tuyển sinh năm 2022 Tuyển sinh đại học và Liên thông đại học hệ chính quy. |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | | |
| I | Thiết kế công nghiệp | | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|-------------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | – Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> – Mục tiêu và nhiệm vụ của Khoa Design, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực thiết kế, đáp ứng các nhu cầu mới của thị trường và môi trường thiết kế công nghiệp hiện đại của Việt Nam, đặc biệt là khu vực phía Nam. – Hệ đại học và cao đẳng chính quy ngành Design đào tạo ra những nhà thiết kế đa năng, chuyên nghiệp và sáng tạo, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp tương ứng với trình độ đào tạo, có sức khỏe và đáp ứng được yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước. | |
| | – Kiến thức | <ul style="list-style-type: none"> – CDR_A.01: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội và nhân văn đáp ứng cho việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, khả năng học tập ở trình độ cao hơn. – CDR_A.02: Có trình độ tin học tương đương trình độ B; có khả năng thiết kế, có khả năng sử dụng tốt các phần mềm chuyên về thiết kế: <ul style="list-style-type: none"> + Chuyên ngành Đồ họa: Adobe Photoshop, Illustrator, Corel Draw + Chuyên ngành Nội thất: Auto CAD, 3DS Max, Adobe Photoshop, Sketch up + Chuyên ngành Tạo dáng: Auto CAD, 3DS Max, Rhino + Chuyên ngành Thời trang: Adobe Photoshop, Illustrator, In Design – CDR_A.03: Hiểu biết các kiến thức cơ bản về mỹ thuật và thẩm mỹ, nhận diện các nguyên lý thiết kế chuyên ngành được ứng dụng trong lĩnh vực thiết kế. – CDR_A.04: Có kiến thức và biết phân tích về màu sắc, bố cục, cấu trúc của bản vẽ phác thảo, để phác họa được các mẫu sản phẩm, thiết kế cụ thể. – CDR_A.05: Nhận biết về tính chất các loại vật liệu, có khả năng chọn lựa, phối hợp và xử lý các loại vật liệu để tạo mới nguyên vật liệu dùng thiết kế, sản xuất | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|-----------|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>thành phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - CDR_A.06: Nắm vững nguyên lý, kỹ thuật, phương pháp thiết kế các loại sản phẩm trung bày, triển lãm và ứng dụng. - CDR_A.07: Biết áp dụng các nguyên lý sáng tạo vào lĩnh vực thiết kế và biết phương pháp phát triển sản phẩm từ các ý tưởng thiết kế. - CDR_A.08: Nhận biết được xu hướng phát triển trong lĩnh vực thiết kế, đánh giá và chọn lọc những tiến bộ khoa học kỹ thuật để áp dụng vào thiết kế sáng tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. - CDR_A.09: Biết tổ chức sản xuất và phát triển dịch vụ liên quan lĩnh vực thiết kế. - CDR_A.10: Nhận thức và hiểu được mối tương quan giữa các bước trong quy trình thiết kế, các giải pháp kỹ thuật trong quá trình thiết kế và triển khai sản xuất sản phẩm thực tế. | |
| | - Kỹ năng | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_B.01: Có phương pháp làm việc khoa học, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, làm việc hợp tác; giao tiếp hiệu quả trong nhóm làm việc. - CDR_B.02: Có khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ; có khả năng đọc hiểu các tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành. Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. - CDR_B.03: Biết phân tích và giải quyết vấn đề phát sinh trong quá trình làm việc. | |
| | - Thái độ | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_C.01: Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp; tự tin và tôn trọng tập thể. - CDR_C.02: Có ý thức cầu tiến, luôn cập nhật thông tin mới trong lĩnh vực nghề nghiệp, chủ động nghiên cứu sáng tạo và quyết đoán trong công việc. | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|----------|----------------------------|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | – Trình độ ngoại ngữ | – Có khả năng giao tiếp bằng ngoại ngữ; có khả năng đọc hiểu các tài liệu tiếng Anh trong lĩnh vực chuyên ngành. Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. | |
| 2 | Quản trị kinh doanh | | |
| | – Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> – Chương trình đào tạo đại học ngành quản trị kinh doanh cung cấp kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành thuộc các lĩnh vực quản trị, tài chính, marketing cùng những kiến thức cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. – Nội dung chương trình theo hướng ứng dụng, chú trọng kỹ năng chuyên môn, kỹ năng mềm nhằm giúp người học thích nghi với những thay đổi của môi trường kinh doanh. Từ đó, có được năng lực và phẩm chất cần thiết, đạo đức nghề nghiệp và hiểu biết xã hội để làm việc hiệu quả và có khả năng tham gia quản lý doanh nghiệp. – Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc ở các doanh nghiệp, công ty, các đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, thương mại, dịch vụ, xuất nhập khẩu, tài chính, ngân hàng, bất động sản... | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|-------------|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | - Kiến thức | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_A.01 Hiểu và giải thích được các kiến thức cơ bản về triết học, kinh tế, văn hóa, lý luận chính trị và pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh quản lý. - CDR_A.02 Giải thích các kiến thức cơ bản về hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra các hoạt động như kinh doanh, tài chính, marketing, sản xuất và nhân lực của doanh nghiệp. - CDR_A.03 Áp dụng các kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh, quản trị marketing, quản trị tài chính để định hướng chiến lược và lập kế hoạch kinh doanh cho doanh nghiệp. - CDR_A.04 Vận dụng các chức năng quản trị vào hoạt động kinh doanh như điều hành sản xuất, tổ chức nhân lực, tiếp thị sản phẩm, tài chính – kế toán để quản trị doanh nghiệp và giải quyết những tình huống kinh doanh trong thực tế. | |
| | - Kỹ năng | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_B.01 Ứng dụng các kỹ năng làm việc cơ bản: Giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và tự học để thích ứng nhanh với biến động của môi trường kinh doanh. Tư duy và giải quyết vấn đề trên tinh thần đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. - CDR_B.02 Tin học tương đương trình độ B để hỗ trợ công việc hiệu quả. Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng tiếng Anh một cách tự tin để ứng xử với các tình huống xảy ra thông thường. + Có thể đọc hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay một bài phát biểu chuẩn mực. + Có thể viết được một đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống và làm việc. - CDR_B.03 Sử dụng được các phần mềm thống kê chuyên ngành nhằm phân | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------------------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | tích và xử lý thông tin, tận dụng cơ hội và ra quyết định kịp thời. | |
| | - Thái độ | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_C.01 Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tự tin chủ động sáng tạo, tính kỷ luật cao, tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, hiểu biết và có trách nhiệm xã hội, chấp hành nghiêm pháp luật của nhà nước. - CDR_C.02 Biểu lộ tinh thần hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp và đối tác trong công việc. | |
| | - Trình độ ngoại ngữ | <ul style="list-style-type: none"> - Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. Cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Sử dụng tiếng Anh một cách tự tin để ứng xử với các tình huống xảy ra thông thường. + Có thể đọc hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay một bài phát biểu chuẩn mực. + Có thể viết được một đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống và làm việc. | |
| 3 | Công nghệ thông tin | | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|------------|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | – Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> – Đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin nắm vững kiến thức chuyên môn về công nghệ thông tin, có kiến thức khoa học cơ bản tương đối hoàn chỉnh, có phương pháp làm việc khoa học cùng với khả năng vận dụng kiến thức để giải quyết một số vấn đề thực tế trong công nghệ thông tin. Sinh viên tốt nghiệp hệ đại học, chuyên ngành công nghệ phần mềm ứng dụng (kỹ sư công nghệ phần mềm) là nguồn bổ sung nhân lực cho công nghệ thông tin và công nghiệp phần mềm, đáp ứng cho nhu cầu cần thiết về đội ngũ lao động kỹ thuật cao, có khả năng đóng góp công sức nhất định vào sự phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế - xã hội. – Về khả năng nghề nghiệp, các kỹ sư công nghệ phần mềm có thể phân tích thiết kế cũng như thi công (lập trình) các phần mềm cỡ vừa và nhỏ, có khả năng làm trưởng các đề án phần mềm cỡ vừa hay tham gia vào một số vai trò nhất định trong các dự án phần mềm lớn, có năng lực tự học để xây dựng và phát triển các phần mềm thông dụng, có thể được đào tạo nhanh để tham gia vào các đề án chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, có khả năng từng bước hoàn thiện và trưởng thành dần về mặt nghề nghiệp để trở thành chuyên gia trong một lĩnh vực đặc thù nào đó của công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm. – Ngoài ra, các kỹ sư công nghệ phần mềm cũng được trang bị tri thức để khởi đầu việc nghiên cứu khoa học, có thể tiếp tục trao đổi kiến thức ở các bậc học cao hơn, có năng lực hội nhập quốc tế, có khả năng giảng dạy một số chủ đề kỹ thuật chuyên ngành và tham gia những khâu nhất định trong các đề án nghiên cứu khoa học. | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|-------------|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | – Kiến thức | <p><i>Kiến thức cơ bản và cơ sở ngành:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – CDR_A01: Có khả năng vận dụng kiến thức khoa học, kỹ thuật cơ bản để giải quyết vấn đề mang tính kỹ thuật trong lĩnh vực công nghệ thông tin. – CDR_A02: Có khả năng thực hiện việc phân tích, thiết kế các hệ thống thông tin phù hợp với nhu cầu thực tế. – CDR_A03: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu, tự trau dồi kiến thức và tiếp cận các công nghệ mới. <p><i>Kiến thức chuyên ngành lập trình hệ thống:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – CDR_A04: Có khả năng phát triển các sản phẩm phần mềm theo nhu cầu xã hội dựa trên sự kết hợp kiến thức về quy trình xây dựng phần mềm, quản lý dự án với các công nghệ lập trình. – CDR_A05: Có khả năng xây dựng và phát triển phần mềm ứng dụng trên các môi trường khác nhau (window, mobile) trên nền tảng mã nguồn mở. <p><i>Kiến thức chuyên ngành hệ thống thông tin và web:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – CDR_A06: Có khả năng xây dựng và triển khai hệ thống thông tin phục vụ cho công tác quản lý kinh tế, hành chính và dịch vụ dựa trên kiến thức về phân tích và thiết kế hệ thống. – CDR_A07: Vận dụng được kiến thức về quản trị cơ sở dữ liệu cho việc điều hành và quản trị các hệ thống thông tin. – CDR_A08: Có khả năng thiết kế và vận hành website theo yêu cầu của khách hàng dựa trên các kiến thức về thiết kế web và lập trình. | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|--------------------------------------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | - Kỹ năng | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_B01: Có khả năng lên kế hoạch và dẫn dắt dự án đến thành công, đề xuất và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề, sự cố. - CDR_B02: Có khả năng tư duy độc lập và hệ thống, thích nghi và hòa nhập vào nhóm, tự học và tự tin khi tiếp cận tri thức mới. - CDR_B03: Có khả năng sử dụng tiếng anh hiệu quả trong giao tiếp, đọc hiểu tài liệu tiếng anh chuyên ngành. Đạt chuẩn đầu ra tiếng anh TOEIC 450 hoặc tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. | |
| | - Thái độ | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_C01: Có ý thức trách nhiệm công dân tốt, đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có tinh thần trách nhiệm với công việc, tính kỷ luật và tác phong làm việc chuyên nghiệp. | |
| | - Trình độ ngoại ngữ | <ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng sử dụng tiếng anh hiệu quả trong giao tiếp, đọc hiểu tài liệu tiếng anh chuyên ngành. Đạt chuẩn đầu ra tiếng anh TOEIC 450 hoặc tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. | |
| 4 | Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử | | |
| | - Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> - Đào tạo kỹ sư Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử (CNKT Cơ điện tử) có kiến thức chuyên môn tích hợp của nhiều lĩnh vực Cơ khí, Điện, Điện tử, Điều khiển tự động, ... có khả năng thiết kế, chế tạo, vận hành, cải tiến và bảo trì các hệ thống máy móc thiết bị cơ điện tử trong các quy trình sản xuất công nghiệp; có kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc, ứng dụng kỹ thuật cơ điện tử giải quyết các vấn đề thực tiễn; có đạo đức nghề nghiệp và tư duy độc lập; có khả năng lao động sáng tạo, thích ứng với những biến động của thị trường lao động; có khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu, làm việc và có khả năng học tiếp lên các bậc học cao hơn | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|---|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ điện tử có thể làm các công việc về kỹ thuật và quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đào tạo,... thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. | |
| | <ul style="list-style-type: none"> - Kiến thức | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_A01: Có thể vận dụng các kiến thức chính trị, khoa học tự nhiên do chương trình cung cấp người học các kiến thức khoa học cơ bản liên quan để làm nền tảng cho nghiên cứu các môn học cơ sở ngành CNKT Cơ điện tử trong các học kỳ sau: <ul style="list-style-type: none"> + Các nguyên lý của chủ nghĩa Mac - Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh. + Các kiến thức cơ bản như toán, vật lý, cơ học, điện học, tin học căn bản và văn phòng nhằm tạo cơ sở để học các môn chuyên ngành sau này. + Các lĩnh vực khoa học nhân văn, khoa học môi trường và an toàn lao động, pháp luật và quản lý, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng. - CDR_A02: Có khả năng phân tích, vận dụng các kiến thức chuyên ngành về cơ khí do chương trình đào tạo cung cấp cho người học các kiến thức chuyên môn cơ khí như động học, động lực học, tính toán thiết kế, chế tạo, bảo trì và vận hành thiết bị cơ khí bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Công nghệ cơ khí trong cơ điện tử + Nguyên lý máy và robot + Tính toán kết cấu truyền động cơ khí + Hệ thống đơn vị và các tiêu chuẩn công nghệ cơ khí hiện hành trên thế giới + Hệ thống thủy lực và khí nén thường dùng trong cơ điện tử + Biểu diễn kết cấu hệ thống cơ khí và robot | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <ul style="list-style-type: none"> + Cơ tính vật liệu và các quá trình công nghệ + Thiết kế hệ thống cơ khí cho tay máy và robot + Thiết kế, chế tạo lắp ráp thiết bị cơ khí + Vận hành và bảo trì hệ thống cơ khí - CDR_A03: Có khả năng phân tích, vận dụng các kiến thức chuyên ngành điện, điện tử do chương trình cung cấp cho người học các kiến thức về hệ thống điện, thiết bị điện tử, tính năng các loại động cơ điện, tự động hóa trong công nghiệp bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Công nghệ điều khiển trong cơ điện tử + Các thiết bị và linh kiện trong cơ điện tử + Các động cơ dùng trong cơ điện tử: động cơ bước, động cơ Servo, DC, AC, BL motor, ... phạm vi sử dụng + Công nghệ tự động hóa + Truyền thông công nghiệp + Công nghệ robot và tay máy công nghiệp - CDR_A04: Có khả năng phân tích, vận dụng các kiến thức chuyên ngành công nghệ thông tin do chương trình cung cấp cho người học các kiến thức về lập trình điều khiển hệ thống, trí tuệ nhân tạo, ... bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Công nghệ thông tin trong cơ điện tử + Phần mềm hỗ trợ trong cơ điện tử: tính sức bền vẽ kết cấu, vẽ mạch điện tử, điều khiển quá trình + Lập trình cơ bản + Lập trình điều khiển hệ thống cơ điện tử + Trí tuệ nhân tạo và máy học cho robot | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|-------------------------|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | + Công nghệ xử lý ảnh, âm thanh, xử lý ngôn ngữ | |
| | - Kỹ năng | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_B01: Phân tích lựa chọn phương án khai thác, vận hành dây chuyền sản xuất, đạt hiệu quả kinh tế, đảm bảo an toàn lao động; đề xuất những cải tiến, thiết kế mới; áp dụng công nghệ mới và chuyển giao công nghệ. - CDR_B02: Phát hiện, nhận diện các sự cố để xây dựng kế hoạch, hiệu chỉnh, bảo trì, sửa chữa các máy, thiết bị. - CDR_B03: Áp dụng tin học trong công việc văn phòng và giải quyết một số vấn đề cơ bản trong lĩnh vực công nghệ cơ điện tử và robot - CDR_B04: Sử dụng tiếng Anh phục vụ công việc chuyên môn, giao tiếp cơ bản và tham khảo tài liệu kỹ thuật chuyên ngành. Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. - CDR_B05: Thể hiện giao tiếp, ứng xử văn minh, kết hợp với đồng nghiệp làm việc nhóm thành thực, giao tiếp kỹ thuật thông bản vẽ, sơ đồ động học và động lực học. | |
| | - Thái độ | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_C01: Thể hiện tính trung thực, khiêm tốn, đạo đức nghề nghiệp, ý thức bảo vệ môi trường. - CDR_C02: Thể hiện sự nỗ lực, chịu khó, rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, tác phong công nghiệp, luôn cố gắng học tập nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu của công việc. | |
| | - Trình độ ngoại ngữ | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tiếng Anh phục vụ công việc chuyên môn, giao tiếp cơ bản và tham khảo tài liệu kỹ thuật chuyên ngành. Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. | |
| 5 | Công nghệ Kỹ thuật Điện | | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|-------------|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | điện tử | | |
| | - Mục tiêu | <p>- Khoa Điện – Điện tử, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đào tạo sinh viên phù hợp với các quy mô xí nghiệp khác nhau. Thông qua chương trình đào tạo thường xuyên đổi mới, thực tiễn và chất lượng, sinh viên có cơ hội phát triển về kiến thức và kỹ năng: kỹ năng phân tích, thiết kế, kỹ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, sáng tạo, ... đáp ứng sự phát triển ngày càng nhanh của lĩnh vực điện, điện tử và công nghệ thông tin. Ngoài ra, chương trình đào tạo còn trang bị kiến thức cho sinh viên có thể làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nghề nghiệp, đồng thời thích ứng với xu thế toàn cầu hóa.</p> | |
| | - Kiến thức | <p>- CDR_A.01: Khái quát hóa về Chủ nghĩa Mác – Lênin, lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; về rèn luyện thể chất và quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.</p> <p>- CDR_A.02: Sử dụng kiến thức các môn học về toán cao cấp (rời rạc, tuyến tính, giải tích, thống kê), vật lý (điện từ, quang lượng tử), công nghệ thông tin trong việc tiếp thu các kiến thức cơ sở của khối ngành kỹ thuật.</p> <p>- CDR_A.03: Sử dụng tiếng Anh tổng quát tối thiểu tương đương TOEIC 450 (hoặc, chứng chỉ tương đương). Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.</p> <p>- CDR_A.04: Áp dụng kiến thức cơ sở ngành về điện, điện tử, khí cụ điện, hệ thống điện, truyền động điện, an toàn điện trong việc thiết kế, vận hành và sửa chữa.</p> <p>- CDR_A.05: Áp dụng kiến thức chuyên ngành: hệ thống điện, cung cấp điện, năng lượng mới, kỹ thuật chiếu sáng, máy điện, robot, tự động hóa, kỹ thuật đo</p> | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|---------------------------------------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | lường công nghiệp, điện tử công suất để giải quyết các vấn đề chuyên môn. | |
| | – Kỹ năng | <ul style="list-style-type: none"> – CDR_B.01: Sử dụng được các phần mềm văn phòng (Word, Excel, Powerpoint), các phần mềm chuyên ngành (Autocad, Orcad, Proteus) và lập trình ứng dụng trong chuyên ngành (Matlab, C/C++, Vi xử lý, PLC). – CDR_B.02: Đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, giao tiếp và viết báo cáo bằng tiếng Anh. – CDR_B.03: Phân tích sự tương tác giữa các thiết bị, thành phần trong hệ thống. – CDR_B.04: Quản lý, tổ chức và vận hành phân xưởng, cơ quan, nhà máy, xí nghiệp và dự án. – CDR_B.05: Giao tiếp, làm việc độc lập và hợp tác nhóm hiệu quả. – CDR_B.06: Phân tích, thiết kế, sửa chữa và thử nghiệm từng phần hay toàn bộ hệ thống liên quan đến điện, điện tử, điều khiển tự động, cung cấp điện, ... | |
| | – Thái độ | <ul style="list-style-type: none"> – CDR_C.01: Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tác phong làm việc chuyên nghiệp và ứng xử phù hợp đạo đức nghề nghiệp. – CDR_C.02: Đảm bảo an toàn lao động đối với bản thân và đồng nghiệp; sử dụng an toàn và bảo vệ máy móc, trang thiết bị nơi làm việc. – CDR_C.03: Có ý thức tự phát triển kỹ năng và nâng cao kiến thức nghề nghiệp | |
| | – Trình độ ngoại ngữ | – Sử dụng tiếng Anh tổng quát tối thiểu tương đương TOEIC 450 (hoặc, chứng chỉ tương đương). Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. | |
| 6 | Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông | | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|-------------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | - Mục tiêu | <ul style="list-style-type: none"> - Khoa Điện – Điện tử, Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn đào tạo sinh viên phù hợp với các quy mô xí nghiệp khác nhau. Thông qua chương trình đào tạo thường xuyên đổi mới, thực tiễn và chất lượng, sinh viên có cơ hội phát triển về kiến thức và kỹ năng: kỹ năng phân tích, thiết kế, kỹ năng ra quyết định, giải quyết vấn đề, kỹ năng giao tiếp, sáng tạo, ... đáp ứng sự phát triển ngày càng nhanh của lĩnh vực điện, điện tử và công nghệ thông tin (ICT). - Ngoài ra, chương trình đào tạo còn trang bị kiến thức cho sinh viên có thể làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nghề nghiệp, đồng thời thích ứng với xu thế toàn cầu hóa. | |
| | - Kiến thức | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_A.01: Khái quát hóa về Chủ nghĩa Mác – Lênin, lý luận chính trị, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam; về rèn luyện thể chất và quốc phòng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. - CDR_A.02: Sử dụng kiến thức các môn học về toán cao cấp (rời rạc, tuyến tính, giải tích, thống kê), vật lý (điện từ, quang lượng tử), công nghệ thông tin trong việc tiếp thu các kiến thức cơ sở của khối ngành kỹ thuật. - CDR_A.03: Sử dụng tiếng Anh tổng quát tối thiểu tương đương TOEIC 450. Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. - CDR_A.04: Áp dụng kiến thức cơ sở ngành về điện, điện tử, kỹ thuật viễn thông, kỹ thuật lập trình, hệ thống nhúng trong phân tích, thiết kế, vận hành và sửa chữa. - CDR_A.05: Áp dụng kiến thức chuyên ngành về điện tử, viễn thông: thông tin quang, công nghệ chip, kỹ thuật chuyển mạch, mạng máy tính để giải quyết vấn đề chuyển môn của hệ thống thông tin, mạng lưới, truyền thông liên lạc trong dân dụng và công nghiệp. | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------------------------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | - Kỹ năng | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_B.01: Sử dụng được các phần mềm văn phòng (Word, Excel, Powerpoint), các phần mềm chuyên ngành (Orcad/ Proteus), lập trình ứng dụng trong chuyên ngành (C/C++, Matlab, Vi xử lý). - CDR_B.02: Đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, giao tiếp và viết báo cáo bằng tiếng Anh. - CDR_B.03: Phân tích sự tương tác giữa các thiết bị, thành phần trong hệ thống. - CDR_B.04: Quản lý, tổ chức và vận hành phân xưởng, cơ quan, nhà máy, xí nghiệp và dự án. - CDR_B.05: Giao tiếp, làm việc độc lập và hợp tác nhóm hiệu quả. - CDR_B.06: Phân tích, thiết kế, sửa chữa và thử nghiệm từng phần hay toàn bộ hệ thống điện, điện tử, viễn thông, mạng máy tính. | |
| | - Thái độ | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_C.01: Thể hiện tinh thần trách nhiệm cao, tác phong làm việc chuyên nghiệp và ứng xử phù hợp đạo đức nghề nghiệp. - CDR_C.02: Đảm bảo an toàn lao động đối với bản thân và đồng nghiệp; sử dụng an toàn và bảo vệ máy móc, trang thiết bị nơi làm việc. - CDR_C.03: Có ý thức tự phát triển kỹ năng và nâng cao kiến thức nghề nghiệp | |
| | - Trình độ ngoại ngữ | <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tiếng Anh tổng quát tối thiểu tương đương TOEIC 450. Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. | |
| 7 | Công nghệ Thực phẩm | | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|------------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | – Mục tiêu | <p><i>Mục tiêu chung:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – Chương trình được xây dựng dựa trên tầm nhìn, sứ mạng của trường Đại học Công nghệ Sài Gòn cũng như sứ mạng của Khoa Công nghệ Thực phẩm, với mục tiêu đào tạo đội ngũ kỹ sư Công nghệ Thực phẩm nhằm cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cho thị trường lao động khu vực phía Nam. – Sau khi tốt nghiệp các kỹ sư Công nghệ thực phẩm có thể đảm nhiệm các công việc tại các cơ sở chế biến, sản xuất, kinh doanh, đào tạo, nghiên cứu và quản lý thực phẩm. <p><i>Mục tiêu cụ thể:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – PO1: Người học có khả năng vận dụng được các kiến thức giáo dục đại cương, kiến thức cơ sở về khoa học và kỹ thuật, kiến thức và kỹ năng chuyên ngành trong công nghệ và quản lý thực phẩm, nhằm tạo ra sản phẩm có giá trị cao, an toàn và phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. – PO2: Người học có khả năng liên kết các quan hệ trong hệ thống kỹ thuật và công nghệ thực phẩm để tư duy sáng tạo, phân tích và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm trong lĩnh vực phát triển sản phẩm mới, sản xuất-chế biến, quản lý và dịch vụ thực phẩm. – PO3: Người học có trình độ chuyên môn cao, có phẩm chất đạo đức tốt, có tinh thần hướng nghiệp, yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm trong nghề nghiệp và khả năng học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ. | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|-------------|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | - Kiến thức | <p><i>Ngành Công nghệ thực phẩm - chuyên ngành Công nghệ Thực phẩm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐR_A.01: Có khả năng vận dụng các kiến thức nền tảng của Khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong quá trình phát triển nghề nghiệp và trong quá trình học tập tiếp theo. - CĐR_A.02: Có khả năng vận dụng các kiến thức cơ sở ngành và cập nhật các kiến thức chuyên ngành vào các hoạt động có liên quan tới thực phẩm. - CĐR_A.03: Có khả năng phân tích, thiết kế các hệ thống hoặc quá trình sản xuất và quản lý thực phẩm. - CĐR_A.04: Có khả năng đề xuất giải pháp và giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực thực phẩm. <p><i>Ngành Công nghệ thực phẩm - chuyên ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐR_A.01: Có khả năng vận dụng được các kiến thức nền tảng của Khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong quá trình phát triển nghề nghiệp và trong quá trình học tập tiếp theo. - CĐR_A.02: Có khả năng vận dụng các kiến thức cơ sở ngành và các kiến thức chuyên ngành vào các hoạt động trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm trên suốt chuỗi cung ứng thực phẩm từ trang trại đến bàn ăn. - CĐR_A.03: Có khả năng xây dựng, vận hành, đánh giá quá trình sản xuất và các hệ thống đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm. - CĐR_A.04: Có khả năng đề xuất giải pháp và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn sản xuất, đáp ứng yêu cầu của các bộ tiêu chuẩn trong nước, khu vực và quốc tế. | |
| | - Kỹ năng | <p><i>Ngành Công nghệ thực phẩm - chuyên ngành Công nghệ Thực phẩm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - CĐR_B.01: Có khả năng bố trí và thực hiện các thí nghiệm, xử lý dữ liệu và | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|-----------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>phân tích kết quả của các nghiên cứu trong lĩnh vực thực phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> – CDR_B.02: Có khả năng sử dụng các kỹ thuật, công cụ và thiết bị cần thiết trong nghiên cứu và sản xuất thực phẩm. – CDR_B.03: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin để đọc hiểu tài liệu khoa học chuyên ngành và làm việc trong lĩnh vực liên quan đến thực phẩm. Trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. – CDR_B.04: Có khả năng tư duy độc lập, tự học, tiếp cận tri thức mới. – CDR_B.05: Có khả năng giao tiếp, thuyết trình, lãnh đạo và làm việc nhóm hiệu quả. <p><i>Ngành Công nghệ thực phẩm - chuyên ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> – CDR_B.01: Có khả năng bố trí thí nghiệm, xử lý dữ liệu và phân tích kết quả của nghiên cứu trong lĩnh vực sản xuất và quản lý chất lượng thực phẩm. – CDR_B.02: Có khả năng sử dụng các kỹ thuật, công cụ và thiết bị cần thiết trong nghiên cứu sản xuất và đánh giá chất lượng thực phẩm. – CDR_B.03: Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin để đọc hiểu tài liệu khoa học chuyên ngành và làm việc trong lĩnh vực liên quan đến thực phẩm. Đạt trình độ Anh văn tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. – CDR_B.04: Có khả năng tư duy độc lập, tự học, tiếp cận tri thức mới. – CDR_B.05: Có khả năng giao tiếp, thuyết trình, lãnh đạo và làm việc nhóm hiệu quả. | |
| | – Thái độ | – CDR_C.01: Thể hiện tính trung thực, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm, tính chuyên nghiệp và khả năng thích nghi trong công việc. | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|----------|--------------------------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | – Trình độ ngoại ngữ | – Có khả năng sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin để đọc hiểu tài liệu khoa học chuyên ngành và làm việc trong lĩnh vực liên quan đến thực phẩm. Đạt trình độ Anh văn tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. | |
| 8 | Kỹ thuật xây dựng | | |
| | – Mục tiêu | – Cung cấp nguồn nhân lực có trình độ lý thuyết và kỹ năng thực hành đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động cùng với sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa của đất nước trong lĩnh vực kỹ thuật xây dựng chuyên ngành dân dụng và công nghiệp, có nền tảng kiến thức đủ để học tập liên tục theo yêu cầu phát triển của nghề nghiệp. | |
| | – Kiến thức | <ul style="list-style-type: none"> – CDR_A.01: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về toán, tin học, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong việc học tập và hành nghề. – CDR_A.02: Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành trong lĩnh vực xây dựng, đồng thời phục vụ cho việc học tập lâu dài. – CDR_A.03: Vận dụng được các kiến thức về quản lý và điều hành các hoạt động xây dựng như lập kế hoạch, tổ chức, giám sát. | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|--|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | - Kỹ năng | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_B.01: Có khả năng thiết kế, đánh giá công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. - CDR_B.02: Có khả năng phân tích, thiết kế, đánh giá các biện pháp thi công, quản lý tổ chức thi công và giám sát chất lượng công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. - CDR_B.03: Có khả năng thực hành phần mềm máy tính chuyên ngành để giải quyết các vấn đề của công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp. - CDR_B.04: Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, có khả năng khởi tạo doanh nghiệp xây dựng. - CDR_B.05: Có năng lực ngoại ngữ; trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. | |
| | - Thái độ | <ul style="list-style-type: none"> - CDR_C.01: Thể hiện tinh thần trách nhiệm trong công việc, tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, chấp hành quy định về an toàn lao động và bảo vệ môi trường, chấp hành pháp luật nhà nước. - CDR_C.02: Thể hiện tinh thần hợp tác, thân thiện và tôn trọng với đồng nghiệp, đối tác. Thích ứng với các nền văn hóa doanh nghiệp khác nhau và phát triển các hành vi chuyên nghiệp để làm việc thành công trong các tổ chức. - CDR_C.03: Thực hành việc rèn luyện thể chất cá nhân và vận động đồng nghiệp tham gia hoạt động thể dục thể thao trong đội nhóm, trong công ty. | |
| | - Trình độ ngoại ngữ | - Có năng lực ngoại ngữ; trình độ ngoại ngữ tương đương bậc 03/06 khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam. | |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh | <p>(1) Chính sách hỗ trợ học phí, khen thưởng, học bổng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quyết định về bằng tuyển sinh | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|--------------------|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | hoạt cho người học | <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định về việc cấp học bổng tuyển sinh năm 2021 + Quyết định về việc miễn giảm học phí học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 cho khóa tuyển sinh 2018 (duy trì) + Quyết định về việc cấp học bổng học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 cho khóa tuyển sinh 2019 (duy trì) + Quyết định về việc cấp học bổng học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 cho khóa tuyển sinh 2020 (duy trì) + Quyết định về việc miễn giảm học phí học kỳ 2 năm học 2021 - 2022 cho khóa tuyển sinh 2018 (duy trì) + Quyết định về việc cấp học bổng học kỳ 2 năm học 2021 - 2022 cho khóa tuyển sinh 2019 (duy trì) + Quyết định về việc cấp học bổng học kỳ 2 năm học 2021 - 2022 cho khóa tuyển sinh 2020 (duy trì) + Quyết định về việc cấp học bổng học kỳ 2 năm học 2021 - 2022 cho khóa tuyển sinh 2021 (duy trì) - Quyết định v/v miễn giảm học phí học kỳ 1 năm học 2021 - 2022 - Quyết định v/v miễn giảm học phí học kỳ 2 năm học 2021 - 2022 - Quyết định v/v tặng học bổng cho sinh viên có thành tích học tập tốt năm học 2021 - 2022 - Quyết định v/v khen thưởng SV đạt học bổng "Học tập tốt - Rèn luyện tốt" năm học 2021 - 2022 - Học bổng Lương Văn Can dành cho sinh viên năm học 2021 - 2022 - Thông tin về Quỹ máy tính cho mượn miễn phí 2022 của đơn vị The Dariu | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <p>Foundation</p> <p>(2) <i>Hoạt động hỗ trợ học tập:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Đầu khóa học nhà trường có trách nhiệm thông báo với sinh viên về quy chế học tập và các quy định của trường, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên, quy chế sinh viên trong các trường đại học và cao đẳng, chương trình đào tạo toàn khóa cho từng khóa – ngành đào tạo và một số thông tin khác giúp sinh viên làm quen với môi trường học tập mới. - Được cấp một hộp thư điện tử với tên miền là @student.stu.edu.vn; cấp tài khoản cá nhân để truy cập Cổng thông tin đào tạo trên trang thông tin điện tử của trường (website) để theo dõi các thông tin chung và thông tin cá nhân. - Đội ngũ cố vấn học tập là người cố vấn và hỗ trợ sinh viên phát huy tối đa khả năng học tập, lựa chọn môn học phù hợp để đáp ứng mục tiêu tốt nghiệp và khả năng tìm được việc làm thích hợp; theo dõi thành tích học tập của sinh viên nhằm giúp sinh viên điều chỉnh kịp thời hoặc đưa ra lựa chọn đúng trong quá trình học tập. - Sử dụng miễn phí hệ thống wifi, phòng học mở, tài liệu học tập phong phú tại Thư viện Trường. - Các phòng máy tính, thí nghiệm, thực hành, khu thể thao đa năng được trang bị các thiết bị đầy đủ, cần thiết đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên. - Được tạo điều kiện tham gia các hoạt động nghiên cứu, các hội thảo chuyên đề, hội thảo khoa học, ... <p>(3) <i>Các hoạt động giáo dục, kỹ năng sống, kỹ năng nghề nghiệp, việc làm cho sinh viên:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên đề "Bình an giữa Deadline" | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|----------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | | <ul style="list-style-type: none"> - Chuyên đề về Pháp luật “Các Bộ luật áp dụng năm 2021 liên quan đến SV”: Bộ Luật Lao động; Luật Thanh niên; Luật Cư trú; Bộ quy tắc ứng xử trên mạng xã hội - Chuyên đề “Quản lý bản thân – Vượt qua tri hoãn” - Chuyên đề “Sức khỏe & tâm lý sinh viên trong mùa dịch” - Thông tin về tình hình an ninh trật tự - Kỹ năng tự bảo vệ bản thân trước tệ nạn xã hội - Kỹ năng thích nghi với môi trường mới - Kỹ năng khai thác thông tin phục vụ cho học tập - Kỹ năng viết CV & trả lời phỏng vấn - Chuyên đề tư vấn tâm lý “Sức khỏe mùa dịch Covid-19” - Kỹ năng viết email hiệu quả - Buổi phát sóng các video tuyên truyền pháp luật về ATGT - Chương trình “Tuần lễ tuyển dụng trực tuyến năm 2021” - Cuộc thi trực tuyến Chung tay phòng chống dịch Covid-19 năm học 2021 - 2022 - Cuộc thi trực tuyến “Biên cương Tổ quốc tôi” năm 2021 - Cuộc thi chạy UPRACE - Chương trình “Bước chân tiếp sức tới trường” - Cuộc thi “Học tập & làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách HCM” năm 2021 - Hội thao Sinh viên STU năm học 2021 - 2022 - Giải bóng chuyền Sinh viên STU mở rộng lần 2 năm 2022 - Chương trình Đối thoại SV với lãnh đạo Nhà trường năm học 2021 - 2022 | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|--|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | | |
| | - Thiết kế công nghiệp | http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/09_CTDT%20TKCN%202022_update.pdf | |
| | - Quản trị kinh doanh | http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/07_CTDT%20QTKD%202022.pdf | |
| | - Công nghệ Thông tin | http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/05_CTDT%20CNTT%202022.pdf | |
| | - Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử | http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/01_CTDT%20CNKT%20CDT%202022.pdf | |
| | - Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử | http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/03_CTDT%20DDT%202022_update.pdf | |
| | - Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông | http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/04_CTDT%20DTV%202022_update.pdf | |
| | - Công nghệ Thực phẩm | http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/06_CTDT%20CNTP%202022.pdf | |
| | - Kỹ thuật Xây dựng | http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/08_CTDT%20KTCT%20K2022.pdf | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|--|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> Sinh viên tốt nghiệp Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn có kiến thức chuyên môn, có kỹ năng thực hành nghề nghiệp vững chắc, có khả năng lao động sáng tạo, có tư duy độc lập và nhạy bén, có năng lực giải quyết các vấn đề kinh tế, kỹ thuật thuộc lĩnh vực được đào tạo, có khả năng thích ứng cao với những biến động của thị trường lao động, có khả năng sử dụng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu, làm việc và có khả năng tiếp tục học tập lên bậc học cao hơn. | |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp | | |
| | <ul style="list-style-type: none"> Thiết kế công nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> Sinh viên ra trường có cơ hội trở thành chuyên viên thiết kế trong các ngành sản xuất đồ chơi, đồ gia dụng, đồ gỗ, quà tặng, xe đạp, xe máy, ô tô, đồ gốm, thiết bị nội thất, đồ trang trí nội thất và ngành nghề khác. Chuyên viên làm việc tại các phòng nghiên cứu đổi mới và phát triển sản phẩm của các doanh nghiệp. Nhà thiết kế thời trang cho các nhãn hàng thời trang trong và ngoài nước. Trở thành chuyên viên thiết kế độc lập cho các doanh nghiệp khác nhau. | |
| | <ul style="list-style-type: none"> Quản trị kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> Sau khi tốt nghiệp, sinh viên có thể làm việc ở các doanh nghiệp, công ty, các đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, thương mại – dịch vụ, xuất nhập khẩu, tài chính, ngân hàng, và bất động sản. Ngoài ra, sinh viên tốt nghiệp còn có thể xây dựng và tự làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, đào tạo với quy mô vừa và nhỏ. | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|---------------------------------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | – Công nghệ Thông tin | <ul style="list-style-type: none"> – Sinh viên tốt nghiệp hệ đại học, chuyên ngành công nghệ phần mềm ứng dụng (kỹ sư công nghệ phần mềm) là nguồn bổ sung nhân lực cho công nghệ thông tin và công nghiệp phần mềm, đáp ứng cho nhu cầu cần thiết về đội ngũ lao động kỹ thuật cao, có khả năng đóng góp công sức nhất định vào sự phát triển khoa học, công nghệ, kinh tế - xã hội. – Về khả năng nghề nghiệp, các kỹ sư công nghệ phần mềm có thể phân tích thiết kế cũng như thi công (lập trình) các phần mềm cỡ vừa và nhỏ, có khả năng làm trưởng các đề án phần mềm cỡ vừa hay tham gia vào một số vai trò nhất định trong các dự án phần mềm lớn, có năng lực tự học để xây dựng và phát triển các phần mềm thông dụng, có thể được đào tạo nhanh để tham gia vào các đề án chuyên giao công nghệ trong lĩnh vực công nghệ thông tin, có khả năng từng bước hoàn thiện và trưởng thành dần về mặt nghề nghiệp để trở thành chuyên gia trong một lĩnh vực đặc thù nào đó của công nghệ thông tin, công nghiệp phần mềm. – Ngoài ra, các kỹ sư công nghệ phần mềm cũng được trang bị tri thức để khởi đầu việc nghiên cứu khoa học, có thể tiếp tục trao đổi kiến thức ở các bậc học cao hơn, có năng lực hội nhập quốc tế, có khả năng giảng dạy một số chủ đề kỹ thuật chuyên ngành và tham gia những khâu nhất định trong các đề án nghiên cứu khoa học. | |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử | <ul style="list-style-type: none"> – Sau khi tốt nghiệp, kỹ sư Cơ điện tử có thể làm các công việc về kỹ thuật và quản lý tại các cơ quan quản lý nhà nước và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đào tạo thuộc các thành phần kinh tế khác nhau. | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|---|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử | <ul style="list-style-type: none"> – Sinh viên tốt nghiệp ngành điện, điện tử có thể làm việc tại xí nghiệp, cơ quan, đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đào tạo thuộc ngành điện và điện tử; – Có thể làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh điện và điện tử, có thể làm dịch vụ về điện và điện tử, nghiên cứu phát triển trong ngành điện, quản lý, đào tạo với quy mô vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực điện và điện tử. | |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông | <ul style="list-style-type: none"> – Chương trình đào tạo trang bị kiến thức và kỹ năng cho sinh viên có thể làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau của nghề nghiệp, thích ứng với xu thế toàn cầu hóa. Sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông, với hai chuyên ngành Điện tử viễn thông và Mạng máy tính có thể làm việc tại các cơ quan, công ty, xí nghiệp; đơn vị sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, đào tạo thuộc ngành nghề, cụ thể như: bưu điện; các công ty viễn thông; đài truyền hình, đài phát thanh; công ty truyền thông hay tại các trạm kiểm soát, trạm thu và phát sóng; các công ty tư vấn và cung cấp giải pháp mạng; các công ty phát triển phần mềm mạng. – Vị trí và công việc có thể đảm nhiệm: <ul style="list-style-type: none"> + Vận hành, lắp đặt, bảo trì hệ thống viễn thông, hệ thống mạng; + Điều hành kỹ thuật; + Lập kế hoạch, dự án liên quan đến hệ thống viễn thông, mạng máy tính cho tổ chức, công ty, xí nghiệp; + Thiết kế phần mềm, sửa chữa bảo hành phần mềm trên các thiết bị công nghệ: điện thoại, máy tính bảng, thiết bị mạng... + Chuyên viên tư vấn; + Làm việc với tư cách giảng viên tại các cơ sở đào tạo trong ngành Điện tử viễn thông hay Mạng máy tính. | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|-----------------------|---|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | - Công nghệ Thực phẩm | <p><i>Kỹ sư công nghệ thực phẩm:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể đảm nhiệm các công việc tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, đào tạo, nghiên cứu và quản lý thực phẩm. - Có thể làm chủ cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ, nghiên cứu, đào tạo với quy mô vừa và nhỏ thuộc lĩnh vực công nghệ thực phẩm. <p><i>Kỹ sư công nghệ thực phẩm, chuyên ngành Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm có thể đảm nhiệm các vị trí:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thanh tra viên tại các Chi cục Quản lý chất lượng, Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm của các tỉnh, thành. - Quản lý chất lượng hoặc quản lý an toàn vệ sinh thực phẩm ở các tập đoàn, các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong chuỗi sản xuất – cung ứng thực phẩm từ trang trại đến bàn ăn. - Nghiên cứu phát triển sản phẩm cho các tập đoàn, doanh nghiệp sản xuất vừa và nhỏ. - Cơ hội phát triển trở thành kiểm định viên tham gia các hội đồng đánh giá – kiểm định cấp chứng nhận chất lượng hoặc an toàn vệ sinh thực phẩm của các tổ chức, cơ quan trong nước. - Quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm trong các cơ sở dịch vụ cung ứng thực phẩm như cung cấp suất ăn công nghiệp, nhà hàng, khách sạn... | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|---------------------|--|----------------------|
| | | Đại học | |
| | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | - Kỹ thuật Xây dựng | Sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể làm việc tại: <ul style="list-style-type: none"> - Các doanh nghiệp xây dựng (tư vấn xây dựng và thi công); - Các cơ quan quản lý nhà nước ngành xây dựng; - Hành nghề tự do trong lĩnh vực xây dựng được pháp luật cho phép; - Hoặc, làm chủ cơ sở xây dựng vừa và nhỏ. | |

B. Trình độ đào tạo thạc sĩ

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo | |
|-----|------------------------------|---|--|
| | | Thạc sĩ | |
| I | Điều kiện đăng ký tuyển sinh | Người dự thi tuyển sinh Sau đại học phải thoả mãn các điều kiện sau đây: <ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Về văn bằng:</i> <ol style="list-style-type: none"> a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) của ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu. b) Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gắn với chuyên ngành đăng ký dự thi và đã học bổ sung kiến thức theo quy định trong chương trình đào tạo của chuyên ngành đăng ký dự thi. Việc tổ chức học bổ sung kiến thức cho thí sinh do Phòng QLKH & SDH thực hiện và cấp giấy chứng nhận kết quả học tập các môn học. c) Danh mục các loại văn bằng được quy định chi tiết trong chương trình đào tạo của mỗi chuyên ngành (đảm bảo điều kiện tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ). 2. <i>Về kinh nghiệm công tác chuyên môn:</i> Tùy theo yêu cầu của từng ngành đào tạo, có quy định cụ thể về thâm niên công tác chuyên môn trong chương trình đào tạo của mỗi chuyên ngành. | |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo |
|-----|---|--|
| | | Thạc sĩ |
| | | <p>3. Về ngoại ngữ: Có năng lực ngoại ngữ đầu vào từ Bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.</p> <p>4. Yêu cầu khác:</p> <p>a) Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.</p> <p>b) Có giấy xác nhận đủ sức khỏe để học tập, do một cơ sở y tế có thẩm quyền cấp với thời hạn không quá 06 tháng.</p> <p>a) Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn do Phòng QLKH & SDH quy định.</p> |
| II | Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ ngoại ngữ đạt được | |
| | Công nghệ Thực phẩm | |
| | - Mục tiêu | - Trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản cần thiết và những kiến thức chọn lọc, nâng cao, chuyên sâu về chuyên ngành; rèn luyện tư duy và phương pháp nghiên cứu khoa học cần thiết; trau dồi kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các dự án, ứng dụng công nghệ và những tiến bộ khoa học - kỹ thuật |
| | - Kiến thức | - Giúp học viên nắm vững lý thuyết, có trình độ cao về thực hành; có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo, và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc ngành, chuyên ngành đào tạo |
| | - Kỹ năng | <p>- Có kỹ năng thiết kế và thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ; có khả năng chủ động nghiên cứu và truyền đạt kiến thức cho mọi người.</p> <p>- Có khả năng sử dụng các kỹ thuật và công cụ hiện đại trong sản xuất và phân tích thực phẩm.</p> <p>- Có khả năng thu thập và xử lý thông tin bằng các phần mềm tin học, sử dụng các phần mềm chuyên dụng để</p> |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo |
|-----|--|---|
| | | Thạc sĩ |
| | | <p>bổ trí và xử lý kết quả khảo sát.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Có khả năng làm việc chủ động, sáng tạo trong lĩnh vực chuyên môn sâu trong tập thể đa lĩnh vực với sự tham gia của chuyên gia đến từ nhiều ngành khác nhau. |
| | – Thái độ | <ul style="list-style-type: none"> – Có ý thức học tập nâng cao trình độ chuyên môn; có lương tâm đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần trách nhiệm đối với xã hội. Thể hiện tác phong công nghiệp, tinh kỷ luật, chuyên nghiệp và khả năng thích nghi. |
| | – Trình độ ngoại ngữ | <ul style="list-style-type: none"> – Đạt trình độ năng lực ngôn ngữ tiếng Anh thạc sĩ theo quy định của Bộ GD&ĐT. Có khả năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp, đọc hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành, tổng quan được tài liệu phục vụ nghiên cứu và viết các báo cáo khoa học. |
| III | Các chính sách, hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho người học | <ul style="list-style-type: none"> – Được cung cấp đầy đủ, chính xác các thông tin về học tập của mình. – Được cung cấp tài khoản truy cập thông tin học vụ của chương trình đào tạo và cá nhân. – Được sử dụng thư viện, tài liệu khoa học, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị và cơ sở vật chất của Trường theo quy định. – Được tham gia hoạt động của các đoàn thể, tổ chức xã hội trong Trường. – Các quyền khác theo quy định của pháp luật. |
| IV | Chương trình đào tạo mà nhà trường thực hiện | <ul style="list-style-type: none"> – Định hướng đào tạo theo định hướng ứng dụng: Cung cấp cho người học kiến thức kỹ thuật, các kỹ năng giải quyết những vấn đề thực tế trong thực tiễn sản xuất ngành công nghệ thực phẩm một cách độc lập, sáng tạo. Vận dụng các kiến thức từ thực tế sản xuất, kinh doanh thực phẩm để đưa ra các giải pháp khoa học và công nghệ mới, đáp ứng đòi hỏi của nhà sản xuất, người tiêu dùng và xã hội. |
| V | Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> – Hệ thống hóa và nâng cao những kiến thức cơ bản và cơ sở ngành; các kiến thức chuyên sâu và các kiến thức công nghệ trong lĩnh vực Công nghệ thực phẩm. – Có khả năng ứng dụng công nghệ và những tiến bộ kỹ thuật mới; phân tích, tổng hợp, đánh giá và giải quyết |

| STT | Nội dung | Trình độ đào tạo |
|-----|------------------------------------|--|
| | | Thạc sĩ |
| | | <p>các vấn đề nảy sinh trong quản lý và sản xuất thực phẩm, thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ, chủ động nghiên cứu và truyền đạt kiến thức cho mọi người.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thể hiện tác phong làm việc và hành vi ứng xử chuyên nghiệp, chủ động đổi mới sáng tạo, có phẩm chất đạo đức chuyên nghiệp và trách nhiệm đối với xã hội, chấp hành nghiêm túc pháp luật của nhà nước. |
| VI | Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> – Tham gia công tác quản lý về thực phẩm tại các Cơ quan Quản lý Nhà nước. – Tham gia điều chỉnh sản xuất, nghiên cứu chuyên sâu về thực phẩm tại các Doanh nghiệp sản xuất và cung cấp các dịch vụ thực phẩm. – Tham gia nghiên cứu và giảng dạy tại các Trường Đại học, các Trung tâm, Viện nghiên cứu. – Tham gia quản lý, phụ trách chuyên môn tại các cơ quan phân tích, kiểm định, quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm. |

Người tổng hợp: Hoàng Thị Thu Nguyệt *HTT*



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

Số: 492.2-22/BC-DSG-ĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn năm học 2021 - 2022

(Thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

| STT | Khối ngành | Quy mô sinh viên hiện tại | | |
|-----|-----------------------------------|---------------------------|-------------|----------------------|
| | | Thạc sĩ | Đại học | |
| | | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | Tổng số | | 5847 | 44 |
| 1 | Khối ngành II | | 358 | 0 |
| | – Thiết kế công nghiệp | | 358 | 0 |
| 2 | Khối ngành III | | 2205 | 9 |
| | – Quản trị kinh doanh | | 2205 | 9 |
| 3 | Khối ngành V | 17 | 3284 | 35 |
| | – Công nghệ Thông tin | | 2201 | 4 |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử | | 277 | 3 |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử | | 203 | 3 |

| STT | Khối ngành | Quy mô sinh viên hiện tại | | |
|-----|---|---------------------------|-----------|----------------------|
| | | Thạc sĩ | Đại học | |
| | | | Chính quy | Liên thông chính quy |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông | | 91 | 1 |
| | – Công nghệ Thực phẩm | 17 | 231 | 1 |
| | – Kỹ thuật Xây dựng | | 281 | 23 |

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm ra trường

| STT | Khối ngành | Số sinh viên tốt nghiệp | Phân loại tốt nghiệp (%) | | | Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)* |
|-----|-----------------------------------|-------------------------|--------------------------|--------------|---------------|---|
| | | | Loại xuất sắc | Loại giỏi | Loại khá | |
| | Tổng số | 640 | / | 2.19% | 27.34% | |
| 1 | Khối ngành II | 26 | / | 7.69% | 73.08% | |
| | – Thiết kế công nghiệp | 26 | / | 7.69% | 73.08% | 91.18% |
| 2 | Khối ngành III | 328 | / | 1.52% | 22.56% | |
| | – Quản trị kinh doanh | 328 | / | 1.52% | 22.56% | 83.16% |
| 3 | Khối ngành V | 286 | / | 2.45% | 28.67% | |
| | – Công nghệ Thông tin | 72 | / | 2.78% | 38.89% | 85.19% |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử | 38 | / | 2.63% | 23.68% | 84.44% |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử | 56 | / | / | 35.71% | 87.01% |

| STT | Khối ngành | Số sinh viên tốt nghiệp | Phân loại tốt nghiệp (%) | | | Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)* |
|-----|---|-------------------------|--------------------------|-----------|----------|---|
| | | | Loại xuất sắc | Loại giỏi | Loại khá | |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông | 14 | / | 21.43% | 7.14% | 83.33% |
| | – Công nghệ Thực phẩm | 69 | / | / | 23.19% | 87.37% |
| | – Kỹ thuật Xây dựng | 37 | / | 2.70% | 21.62% | 92.73% |

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

1. Trình độ đào tạo Đại học

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|---|---------------------------------|--|------------|---|--------------------------------|
| <i>Xem tại Chương trình đào tạo chi tiết của từng ngành</i> | | | | | |
| | – Thiết kế công nghiệp | Xem mục 13: Mô tả tóm tắt môn học http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%2022/09_CTDT%20TKCN%202022_update.pdf | | Xem Phụ lục: Kế hoạch giảng dạy chi tiết Khóa 2022 http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%2022/09_CTDT%20TKCN%202022_update.pdf | |
| | – Quản trị kinh doanh | Xem mục 13: Mô tả tóm tắt môn học http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%2022/07_CTDT%20QTKD%202022.pdf | | Xem Phụ lục: Kế hoạch giảng dạy chi tiết Khóa 2022 http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%2022/07_CTDT%20QTKD%202022.pdf | |
| | – Công nghệ Thông tin | Xem mục 13: Mô tả tóm tắt môn học http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%2022/05_CTDT%20CNTT%202022.pdf | | Xem Phụ lục: Kế hoạch giảng dạy chi tiết Khóa 2022 http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%2022/05_CTDT%20CNTT%202022.pdf | |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử | Xem mục 13: Mô tả tóm tắt môn học http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%2022/01_CTDT%20CNKT%20CDT%202022.pdf | | Xem Phụ lục: Kế hoạch giảng dạy chi tiết Khóa 2022 http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%2022/01_CTDT%20CNKT%20CDT%202022.pdf | |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|---|--------------------------------|
| | – Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử | Xem mục 13: Mô tả tóm tắt môn học http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/03_CTDT%20DDT%202022_update.pdf | | Xem Phụ lục: Kế hoạch giảng dạy chi tiết_Khóa 2022 http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/03_CTDT%20DDT%202022_update.pdf | |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông | Xem mục 13: Mô tả tóm tắt môn học http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/04_CTDT%20DTVT%202022_update.pdf | | Xem Phụ lục: Kế hoạch giảng dạy chi tiết_Khóa 2022 http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/04_CTDT%20DTVT%202022_update.pdf | |
| | – Công nghệ Thực phẩm | Xem mục 13: Mô tả tóm tắt môn học http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/06_CTDT%20CNTP%202022.pdf | | Xem Phụ lục: Kế hoạch giảng dạy chi tiết_Khóa 2022 http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/06_CTDT%20CNTP%202022.pdf | |
| | – Kỹ thuật Xây dựng | Xem mục 13: Mô tả tóm tắt môn học http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/08_CTDT%20KTCT%20K2022.pdf | | Xem Phụ lục: Kế hoạch giảng dạy chi tiết_Khóa 2022 http://daotao1.stu.edu.vn/Upload/CTDT/KHOA%202022/08_CTDT%20KTCT%20K2022.pdf | |

2. Trình độ đào tạo Thạc sĩ

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|--|--------------------------|------------|----------------------|--|
| 1 | Triết học | Môn chung | | Học kỳ I | <ul style="list-style-type: none"> – Kiến thức và kỹ năng đào tạo có ích cho công việc hiện tại. – Ngành học có mục tiêu rõ ràng, phù hợp với yêu cầu xã hội. – Nội dung chương trình đào tạo và các học phần đảm bảo mục tiêu đào tạo. |
| 2 | Hóa học hóa sinh thực phẩm nâng cao | Kiến thức cơ sở bắt buộc | 3 | Học kỳ I | |
| 3 | Vi sinh thực phẩm nâng cao | | 2 | | |
| 4 | Độc tố học trong thực phẩm | | 2 | | |
| 5 | Các kỹ thuật tiên tiến trong phân tích thực phẩm | | 2 | | |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|------------|----------------------|---|
| 6 | Các tiến bộ trong kỹ thuật thực phẩm | | 3 | | <ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ phân bố lý thuyết/Thực hành, thảo luận hợp lý. - Có đầy đủ trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập. - Khóa học đáp ứng, cung cấp, cập nhật đủ kiến thức, phát triển kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp. |
| 7 | Thành tựu trong công nghệ sinh học thực phẩm | | 3 | | |
| 8 | Thực hành các kỹ thuật tiên tiến trong Công nghệ chế biến và Công nghệ sinh học thực phẩm | | 3 | | |
| 9 | Công nghệ sau thu hoạch và chế biến trà, cà phê, ca cao | Công nghệ sản xuất các sản phẩm thực phẩm chủ lực (chọn 2 trong 6 sáu môn) | 2 | Học kỳ II | |
| 10 | Công nghệ sau thu hoạch và chế biến ngũ cốc | | | | |
| 11 | Công nghệ sau thu hoạch và chế biến rau quả | | | | |
| 12 | Công nghệ sau thu hoạch và chế biến thịt | | | | |
| 13 | Công nghệ sau thu hoạch và chế biến thủy sản | | | | |
| 14 | Công nghệ sau thu hoạch và chế biến sữa và đồ uống | | | | |
| 15 | Dinh dưỡng nâng cao | Thực phẩm chức năng và Phát triển sản phẩm mới (chọn 4 trong 5 môn) | 2 | | |
| 16 | Thực phẩm chức năng | | | | |
| 17 | Bao bì và thành tựu trong công nghệ sau thu hoạch | | | | |
| 18 | Phát triển sản phẩm | | | | |
| 19 | Nghiên cứu thị trường và người tiêu dùng | | | | |

| STT | Tên môn học | Mục đích môn học | | Số tín chỉ | Lịch trình giảng dạy | Phương pháp đánh giá sinh viên |
|-----|---|--|--|------------|----------------------|--------------------------------|
| 20 | Luật thực phẩm và hệ thống quản lý chất lượng thực phẩm | Quản lý thực phẩm (chọn 3 trong 5 môn) | | 2 | | |
| 21 | Quản trị kinh doanh trong công nghệ thực phẩm | | | 2 | | |
| 22 | Marketing và quản trị marketing thực phẩm | | | 2 | | |
| 23 | Quản trị các dịch vụ thực phẩm | | | 2 | | |
| 24 | Quản trị môi trường | | | 2 | | |
| 25 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Kiến thức luận văn | | 2 | Học kỳ III | |
| 26 | Thiết kế và phân tích kết quả thí nghiệm | | | 2 | | |
| 27 | Bảo vệ đề cương nghiên cứu | Luận văn thạc sĩ | | 1 | | |
| 28 | Luận văn tốt nghiệp | | | 15 | | |

D. Công khai thông tin về giáo trình, tài liệu tham khảo do cơ sở giáo dục tổ chức biên soạn

| STT | Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử) | Năm xuất bản | Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử) |
|-----|---|--------------|--|
| 1 | Pháp luật Việt Nam đại cương | 2021 | Giáo trình Mạch điện |
| 2 | Kiến trúc | 2021 | Giáo trình Máy điện |
| 3 | Giáo trình Cơ học kết cấu | 2021 | Chủ nghĩa khoa học xã hội |

| STT | Tên giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử) | Năm xuất bản | Kế hoạch soạn thảo giáo trình, tài liệu tham khảo (kể cả giáo trình điện tử) |
|-----|--|--------------|---|
| 4 | Sức bền vật liệu | 2021 | Giáo trình Quản trị nguồn nhân lực |
| 5 | Vật liệu xây dựng | 2022 | Xây dựng chiến lược marketing trong thời đại số |
| 6 | Bê tông cốt thép | 2022 | Online marketing trong thời đại số |
| 7 | Nguyên lý quy hoạch đô thị | 2022 | Hành vi tổ chức |
| 8 | Cơ học đất | 2022 | Quản trị chất lượng |
| 9 | Giáo trình quản trị chất lượng dịch vụ trong du lịch | 2022 | Quản trị quan hệ khách hàng |
| 10 | Đầu tư tài chính | 2022 | |

E. Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|-------------------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| 1 | Đại học | | | | |
| | – Thiết kế công nghiệp | Thiết kế nút bàn phím nghệ thuật (Artisan Keycaps) | Diệp Thụy Tường Vy | Văn Thị Thu Hiền | Thiết kế nút bàn phím nghệ thuật (Artisan Keycaps) |
| | | Xây dựng hệ thống Concept art: Fanmade Game Genshin Arena | Phạm Hoàng Thiện | Trần Văn Lĩnh | Xây dựng hệ thống Concept art: Fanmade Game Genshin Arena |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì bột rau củ Behena | Nguyễn Hồng Minh Tấn | Nguyễn Hằng Nguyệt | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì bột rau củ Behena |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì rong biển Lam Sinh | Huỳnh Thị Thùy Dương | Nguyễn Hằng Nguyệt | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì rong biển Lam Sinh |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa truyện "Lạc về tuổi thơ" | Phan Thanh Sơn | Nguyễn Hằng Nguyệt | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa truyện "Lạc về tuổi thơ" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa Photobook "Cù lao xứ dừa" | Hồ Văn Quý | Trần Văn Lĩnh | Xây dựng hệ thống đồ họa Photobook "Cù lao xứ dừa" |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|---------------------------|---|
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa truyền thông nước tăng lực Space | Đặng Tông Năng | Trần Văn Lĩnh | Xây dựng hệ thống đồ họa truyền thông nước tăng lực Space |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa truyền thông và ứng dụng "Lâwander" | Hà Thái Hiệp Luân | Trần Văn Lĩnh | Xây dựng hệ thống đồ họa truyền thông và ứng dụng "Lâwander" |
| | | Hệ thống đồ họa Series Talk Show "Xung-sướng" | Huỳnh Bảo Nghi | Nguyễn Ly | Hệ thống đồ họa Series Talk Show "Xung-sướng" |
| | | TKNT Homestay J'ADORE | Nguyễn Hoàng Minh Tân | Bùi Ngọc Trinh | TKNT Homestay J'ADORE |
| | | TKNT khu lưu trú Winding House | Đỗ Thành Long | Phạm Thị Kiều Trang | TKNT khu lưu trú Winding House |
| | | TKNT Khu tắm khoáng trong Onsen Lady Hill Resort | Phạm Minh Ngọc | Bùi Ngọc Trinh | TKNT Khu tắm khoáng trong Onsen Lady Hill Resort |
| | | TKNT làng trẻ SOS giáo phận Vinh | Lưu Thanh Hân | Phùng Bá Đông | TKNT làng trẻ SOS giáo phận Vinh |
| | | TKNT Nhà hàng buffet lẩu nướng SIK DAK FOOK | Nguyễn Kim Huy | Phùng Bá Đông | TKNT Nhà hàng buffet lẩu nướng SIK DAK FOOK |
| | | TKNT nhà hàng chay Giác Ngộ | Nguyễn Huỳnh Nga | Lê Nguyễn Quỳnh Chi | TKNT nhà hàng chay Giác Ngộ |
| | | TKNT Nhà hàng MaMa | Nguyễn Thảo Duyên | Phạm Thị Kiều Trang | TKNT Nhà hàng MaMa |
| | | TKNT Nhà hàng Pao's | Phạm Hồ Phương Thảo | Nguyễn Thị Ngọc Thái | TKNT Nhà hàng Pao's |
| | | TKNT quán café "Slowee Coffee & Books" | Nguyễn Trường An | Mai Chi Mai | TKNT quán café "Slowee Coffee & Books" |
| | | TKNT showroom xe đạp "GIANT" | Nguyễn Tống Xuân Mãi | Mai Chi Mai | TKNT showroom xe đạp "GIANT" |
| | | TKNT văn phòng chia sẻ "DreamUp" | Nguyễn Thành Đạt | Lê Nguyễn Quỳnh Chi | TKNT văn phòng chia sẻ "DreamUp" |
| | | TKNT Văn Phòng DE SILK | Nguyễn Thành Tâm | Phạm Thị Kiều Trang | TKNT Văn Phòng DE SILK |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa Artbook "Gã lang thang với giấc mơ thiên thần" | Nguyễn Thanh Bình | Trần Văn Lĩnh | Xây dựng hệ thống đồ họa Artbook "Gã lang thang với giấc mơ thiên thần" |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì "Dumb hoa" | Trần Trung Thành | Nguyễn Hằng Nguyệt | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì "Dumb hoa" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì cá bóng sông Trà "Thiên Khúc" | Trần Quốc Khải | Nguyễn Hằng Nguyệt | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì cá bóng sông Trà "Thiên Khúc" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì kính áp tròng "Lendecon" | Phạm Ngọc Diệu | Trần Văn Linh | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì kính áp tròng "Lendecon" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì nến thơm "thơm thơm" | Phạm Nguyễn Huy Phúc | Nguyễn Hằng Nguyệt | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì nến thơm "thơm thơm" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì nước mắt "Giọt vàng Phú Quốc" | Nguyễn Thanh Nhã | Trần Thanh Mau | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì nước mắt "Giọt vàng Phú Quốc" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì thức ăn nhanh "Ghiền" | Hoàng Phong | Nguyễn Hằng Nguyệt | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì thức ăn nhanh "Ghiền" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì trà thảo dược "Liên Thảo" | Phạm Duy Khánh | Nguyễn Hằng Nguyệt | Xây dựng hệ thống đồ họa bao bì trà thảo dược "Liên Thảo" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa Chài Neo | Chung Tiến Phát | Nguyễn Ly | Xây dựng hệ thống đồ họa Chài Neo |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa chiến dịch truyền thông "Kết tóc" | Nguyễn Kim Ngọc Thành | Nguyễn Ly | Xây dựng hệ thống đồ họa chiến dịch truyền thông "Kết tóc" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa cho sự kiện "Chúa tể bóng tối" | Lê Vĩnh Tín | Nguyễn Đức Giang | Xây dựng hệ thống đồ họa cho sự kiện "Chúa tể bóng tối" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa cho ứng dụng giám sát giấc ngủ em bé "Moonie" | Phan Nhật Nam | Trần Văn Linh | Xây dựng hệ thống đồ họa cho ứng dụng giám sát giấc ngủ em bé "Moonie" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa cho ứng dụng mạng xã hội âm thanh "Stella" | Trần Đức Anh Hùng | Trần Văn Linh | Xây dựng hệ thống đồ họa cho ứng dụng mạng xã hội âm thanh "Stella" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa cho ứng dụng thuê xe máy "Kruh" | Lê Hồng Cường | Trần Văn Linh | Xây dựng hệ thống đồ họa cho ứng dụng thuê xe máy "Kruh" |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|---------------------------|---|
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa cho ứng dụng thương hiệu mỹ phẩm "NCare" | Nguyễn Long Triều | Nguyễn Đăng Quý | Xây dựng hệ thống đồ họa cho ứng dụng thương hiệu mỹ phẩm "NCare" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa Concept game "Hi-tech Venture" | Diệp Gia Hân | Nguyễn Đức Giang | Xây dựng hệ thống đồ họa Concept game "Hi-tech Venture" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa game "Vệ thần Snowy" | Trần Quốc Long | Nguyễn Đức Giang | Xây dựng hệ thống đồ họa game "Vệ thần Snowy" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa artbook "Danh tướng thời Trần" | Quách Phú Vinh | Trần Thanh Mau | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa artbook "Danh tướng thời Trần" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa Boardgame | Bùi Thị Loan Anh | Nguyễn Đăng Quý | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa Boardgame |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa Boardgame Chu Du Ký | Nguyễn Ngọc Yến Nhi | Trần Văn Lĩnh | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa Boardgame Chu Du Ký |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa sách "Vườn địa đàng" | Trần Mộng Kha | Nguyễn Thị Phương Dung | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa sách "Vườn địa đàng" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa sách âm thực Việt Nam | Phạm Lê Gia Hân | Nguyễn Hằng Nguyệt | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa sách âm thực Việt Nam |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa sách về nghệ thuật Cải lương "Dấu ấn tiếng tơ lòng" | Nguyễn Ngọc Hạnh | Trần Văn Lĩnh | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa sách về nghệ thuật Cải lương "Dấu ấn tiếng tơ lòng" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa truyện "Hành trình sắc màu" | Trần Hạnh Nguyên | Nguyễn Hằng Nguyệt | Xây dựng hệ thống đồ họa minh họa truyện "Hành trình sắc màu" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa nhận diện về "An táng xanh" | Lương Hàn Uyên | Nguyễn Ly | Xây dựng hệ thống đồ họa nhận diện về "An táng xanh" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa sự kiện quảng bá du lịch "Chợ phiên Bắc Hà" | Nguyễn Thanh Thuận | Nguyễn Đăng Quý | Xây dựng hệ thống đồ họa sự kiện quảng bá du lịch "Chợ phiên Bắc Hà" |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa sự kiện triển lãm mô hình "Modu Museum" | Trần Quốc Hoàn | Nguyễn Đức Giang | Xây dựng hệ thống đồ họa sự kiện triển lãm mô hình "Modu Museum" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa Talkshow "Em không shy" | Nguyễn Thị Lệ Ngân | Nguyễn Ly | Xây dựng hệ thống đồ họa Talkshow "Em không shy" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa thương hiệu rượu Gin "Nàng" | Đặng Thị Hồng Tươi | Nguyễn Ly | Xây dựng hệ thống đồ họa thương hiệu rượu Gin "Nàng" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa thương hiệu thực phẩm "Quán Khỏe" | Nguyễn Văn Quân | Nguyễn Đăng Quý | Xây dựng hệ thống đồ họa thương hiệu thực phẩm "Quán Khỏe" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa thương hiệu thức uống "SomedaySomeday" | Nguyễn Thùy Như Ngọc | Nguyễn Ly | Xây dựng hệ thống đồ họa thương hiệu thức uống "SomedaySomeday" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa thương hiệu, bao bì mỹ phẩm "Floral" | Nguyễn Thị Vi Tuyền | Nguyễn Đăng Quý | Xây dựng hệ thống đồ họa thương hiệu, bao bì mỹ phẩm "Floral" |
| | | Xây dựng hệ thống đồ họa website "Fimodo cửa hàng kinh doanh mô hình đồ chơi" | Sầm Nhuận Phát | Nguyễn Thị Phương Dung | Xây dựng hệ thống đồ họa website "Fimodo cửa hàng kinh doanh mô hình đồ chơi" |
| | | Xây dựng hệ thống minh họa sách "Hà Nội và hoa" | Nguyễn Thị Hồng Sơn | Nguyễn Thị Phương Dung | Xây dựng hệ thống minh họa sách "Hà Nội và hoa" |
| | | Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu com tấm Long Xuyên | Nguyễn Phát Triển | Nguyễn Đức Giang | Xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu com tấm Long Xuyên |
| | - Quản trị kinh doanh | Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Tổng công ty Bảo Việt - Ban giải quyết quyền lợi bảo hiểm Thành phố Hồ Chí Minh | Nguyễn Hiền Đức | Lưu Thiên Tú | Giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại Tổng công ty Bảo Việt - Ban giải quyết quyền lợi bảo hiểm Thành phố Hồ Chí Minh |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Giải pháp nâng cao chất lượng và giảm thiểu rủi ro hoạt động phát hành thẻ tín dụng tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Phú Lâm - PGD Bình Trị Đông 2019 - 2021 | Nguyễn Huỳnh Quốc Thắng | Nguyễn Thị Hồng Minh | Giải pháp nâng cao chất lượng và giảm thiểu rủi ro hoạt động phát hành thẻ tín dụng tại ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Phú Lâm - PGD Bình Trị Đông 2019 - 2021 |
| | | Kế toán công nợ tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Kiểm toán ICMA | Võ Thị Thu Trang | Lê Minh Tài | Kế toán công nợ tại Công ty Trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Kiểm toán ICMA |
| | | Phân tích báo cáo tài chính của CTCP Tài Việt | Trần Thị Minh Ngân | Trần Thị Hồng Thi | Phân tích báo cáo tài chính của CTCP Tài Việt |
| | | Thực trạng hoạt động Marketing và đề xuất giải pháp cho công ty XOTECH SOLUTION. | Phạm Thị Mỹ Linh | Nguyễn Vũ Quân | Thực trạng hoạt động Marketing và đề xuất giải pháp cho công ty XOTECH SOLUTION. |
| | - Công nghệ Thông tin | App luyện thi lái xe | Đỗ Ngọc Hoàng Hân | Đoàn Trinh Dục | App luyện thi lái xe |
| | | Block chain và bitcoin (nghiên cứu) | Trần Văn Hưng | Đoàn Trinh Dục | Block chain và bitcoin (nghiên cứu) |
| | | Mạng xã hội món ăn (flutter) | Ngô Tài Cơ | Đoàn Trinh Dục | Mạng xã hội món ăn (flutter) |
| | | Thiết kế website bán hàng điện tử | Nguyễn Văn Nam | Trần Thị Như ý | Thiết kế website bán hàng điện tử |
| | | Thiết kế website bán Laptop | Dương Quỳnh Thanh Vy | Trần Thị Như ý | Thiết kế website bán Laptop |
| | | ứng dụng bán hàng lưu niệm (react) | Trần Hoài Nam | Đoàn Trinh Dục | ứng dụng bán hàng lưu niệm (react) |
| | | Website đăng tin Bất động sản (mua/thuê) | Phạm Anh Duy | Đoàn Trinh Dục | Website đăng tin Bất động sản (mua/thuê) |
| | | Xây dựng hệ thống quản lý cửa hàng kinh doanh xe máy | Châu Nguyễn Quốc Anh | Hà Anh Vũ | Xây dựng hệ thống quản lý cửa hàng kinh doanh xe máy |
| | | Xây dựng ứng dụng đăng ký khóa học cho trung tâm luyện chữ | Trần Vũ Trường | Nguyễn Trần Phúc Thịnh | Xây dựng ứng dụng đăng ký khóa học cho trung tâm luyện chữ |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Xây dựng ứng dụng quản lý nhân sự | Hứa Chấn Thiên | Nguyễn Thanh Tùng | Xây dựng ứng dụng quản lý nhân sự |
| | | Xây dựng ứng dụng website blog về công nghệ | Phan Thanh Tuyển | Ngô Xuân Bách | Xây dựng ứng dụng website blog về công nghệ |
| | | Xây dựng web bán camera sử dụng Laravel | Trần Văn Sơn | Lương An Vinh | Xây dựng web bán camera sử dụng Laravel |
| | | Xây dựng web bán đồ thể thao sử dụng Laravel | Triệu Minh Chiến | Lương An Vinh | Xây dựng web bán đồ thể thao sử dụng Laravel |
| | | Xây dựng web bán đồ thể thao sử dụng Laravel | Lê Trương Tấn Lộc | Lương An Vinh | Xây dựng web bán đồ thể thao sử dụng Laravel |
| | | Xây dựng Web site bán Linh kiện Máy tính | Nguyễn Đồng Tính | Hồ Đình Khả | Xây dựng Web site bán Linh kiện Máy tính |
| | | Xây dựng website bán áo quần hãng Shein.com.us | Nguyễn Thành Liêm | Nguyễn Lạc An Thu | Xây dựng website bán áo quần hãng Shein.com.us |
| | | Xây dựng website bán áo quần hãng Shein.com.us | Nguyễn Phi Trần Quốc | Nguyễn Lạc An Thu | Xây dựng website bán áo quần hãng Shein.com.us |
| | | Xây dựng website bán điện thoại | Trương Tấn Trung | Lê Thị Mỹ Dung | Xây dựng website bán điện thoại |
| | | Xây dựng website bán điện thoại | Đào Hoàng Thiên Bảo | Trịnh Thanh Duy | Xây dựng website bán điện thoại |
| | | Xây dựng website bán Điện thoại | Nguyễn Hoàng Huy | Hồ Đình Khả | Xây dựng website bán Điện thoại |
| | | Xây dựng website bán điện thoại di động | Nguyễn Phước Hào | Nguyễn Trần Phúc Thịnh | Xây dựng website bán điện thoại di động |
| | | Xây dựng website bán điện thoại, laptop trực tuyến sử dụng công nghệ Laravel Framework | Lê Quang Đức | Trần Văn Hùng | Xây dựng website bán điện thoại, laptop trực tuyến sử dụng công nghệ Laravel Framework |
| | | Xây dựng website bán điện thoại, laptop trực tuyến sử dụng công nghệ Laravel Framework | Trần Quốc Sơn | Trần Văn Hùng | Xây dựng website bán điện thoại, laptop trực tuyến sử dụng công nghệ Laravel Framework |
| | | Xây dựng website bán đồ ăn | Trần Thế Anh | Lê Triệu Ngọc Đức | Xây dựng website bán đồ ăn |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|---------------------------|---|
| | | nhanh và nước uống | | | nhanh và nước uống |
| | | Xây dựng website bán đồ gia dụng | Nguyễn Thành Lợi | Nguyễn Thanh Tùng | Xây dựng website bán đồ gia dụng |
| | | Xây dựng website bán đồ gia dụng | Thái Châu Thanh | Nguyễn Thanh Tùng | Xây dựng website bán đồ gia dụng |
| | | Xây dựng website bán đồ gốm mỹ nghệ | Vũ Minh Hiếu | Nguyễn Trần Phúc Thịnh | Xây dựng website bán đồ gốm mỹ nghệ |
| | | Xây dựng website bán giày thể thao | Trần Đức Mạnh | Lê Thị Mỹ Dung | Xây dựng website bán giày thể thao |
| | | Xây dựng website bán laptop và các linh kiện điện tử | Trần Phúc Lộc | Nguyễn Trọng Nghĩa | Xây dựng website bán laptop và các linh kiện điện tử |
| | | Xây dựng website bán linh kiện máy tính bằng Laravel framework | Lê Vũ Bình | Ngô Xuân Bách | Xây dựng website bán linh kiện máy tính bằng Laravel framework |
| | | Xây dựng website bán linh kiện máy tính bằng Laravel framework | Lê Quang Nhật Tuấn | Ngô Xuân Bách | Xây dựng website bán linh kiện máy tính bằng Laravel framework |
| | | Xây dựng website bán Máy tính | Nguyễn Hoàng Bảo Việt | Hồ Đình Khả | Xây dựng website bán Máy tính |
| | | Xây dựng website bán máy tính sử dụng reactjs, Nodejs, và MongoDB | Đỗ Hoàng Gia | Trần Văn Hùng | Xây dựng website bán máy tính sử dụng reactjs, Nodejs, và MongoDB |
| | | Xây dựng website bán mỹ phẩm xách tay online | Nguyễn Thanh Bình | Phạm Liệu | Xây dựng website bán mỹ phẩm xách tay online |
| | | Xây dựng website bán nước hoa | Hà Minh Nguyên | Trịnh Thanh Duy | Xây dựng website bán nước hoa |
| | | Xây dựng website bán nước hoa | Dương Ngọc Sang | Trịnh Thanh Duy | Xây dựng website bán nước hoa |
| | | Xây dựng website bán nước hoa | Đình Huỳnh Phước Thành | Phạm Liệu | Xây dựng website bán nước hoa |
| | | Xây dựng website bán quần áo | Phạm Nguyễn Ngọc Nhân | Lê Triệu Ngọc Đức | Xây dựng website bán quần áo |
| | | Xây dựng website bán quần áo | Nguyễn Văn Sinh | Nguyễn Trần Phúc Thịnh | Xây dựng website bán quần áo |
| | | Xây dựng website bán quần áo thời trang | Phạm Quốc Tuấn | Lê Thị Mỹ Dung | Xây dựng website bán quần áo thời trang |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Xây dựng website bán sách cửa hàng Nam Phương | Đỗ Nhật Vĩ Khang | Lê Thị Mỹ Dung | Xây dựng website bán sách cửa hàng Nam Phương |
| | | Xây dựng website bán vật liệu xây dựng | Lương Văn Khả | Hà Anh Vũ | Xây dựng website bán vật liệu xây dựng |
| | | Xây dựng website bán xe mô tô | Dương Gia Thành | Trịnh Thanh Duy | Xây dựng website bán xe mô tô |
| | | Xây dựng website Công ty du lịch | Nguyễn Phúc Hậu | Hồ Đình Khả | Xây dựng website Công ty du lịch |
| | | Xây dựng website đặt phòng cho khách sạn Holiday Crown | Trương Duy Khánh | Hà Anh Vũ | Xây dựng website đặt phòng cho khách sạn Holiday Crown |
| | | Xây dựng website đặt vé xe | Phan Đắc Huỳnh | Hà Anh Vũ | Xây dựng website đặt vé xe |
| | | Xây dựng Website đặt vé xem phim bằng Laravel Framework | Trần Thiện An | Trần Văn Hùng | Xây dựng Website đặt vé xem phim bằng Laravel Framework |
| | | Xây dựng Website đặt vé xem phim bằng Laravel Framework | Nguyễn Minh Nhật | Trần Văn Hùng | Xây dựng Website đặt vé xem phim bằng Laravel Framework |
| | | Xây dựng website khắc dấu sử dụng NodeJS | Nguyễn Thái Quang Minh | Lương An Vinh | Xây dựng website khắc dấu sử dụng NodeJS |
| | | Xây dựng website kinh doanh giày Sneaker trên nền tảng Laravel | Trương Hoàng Bảo Đăng | Nguyễn Ngọc Lâm | Xây dựng website kinh doanh giày Sneaker trên nền tảng Laravel |
| | | Xây dựng website kinh doanh giày Sneaker trên nền tảng Laravel | Lê Tấn Quang Huy | Nguyễn Ngọc Lâm | Xây dựng website kinh doanh giày Sneaker trên nền tảng Laravel |
| | | Xây dựng website kinh doanh rau củ quả trên nền tảng Laravel | Phan Quang Thông | Nguyễn Ngọc Lâm | Xây dựng website kinh doanh rau củ quả trên nền tảng Laravel |
| | | Xây dựng website kinh doanh trang sức nữ | Trần Thành Đạt | Lê Triệu Ngọc Đức | Xây dựng website kinh doanh trang sức nữ |
| | | Xây dựng website quản lý bán nước hoa | Trương Vũ Vững | Bùi Nhật Bằng | Xây dựng website quản lý bán nước hoa |
| | | Xây dựng website quản lý bán quần áo | Hồ Tấn Thịnh | Bùi Nhật Bằng | Xây dựng website quản lý bán quần áo |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|---------------------------|---|
| | | Xây dựng website quản lý bán quần áo | Đặng Hoàng Trương | Bùi Nhật Bằng | Xây dựng website quản lý bán quần áo |
| | | Xây dựng website tuyển dụng LoopIT | Trần Huỳnh Quốc Bảo | Bùi Nhật Bằng | Xây dựng website tuyển dụng LoopIT |
| | | Xây dựng website tuyển dụng LoopIT | Lê Duy | Bùi Nhật Bằng | Xây dựng website tuyển dụng LoopIT |
| | | Cửa hàng mua bán điện thoại online | Trần Bảo Tiến | Trần Minh Thái | Cửa hàng mua bán điện thoại online |
| | | Nghiên cứu Spring Framework và xây dựng web quản lý nội dung | Nguyễn Thanh Sương | Trần Minh Thái | Nghiên cứu Spring Framework và xây dựng web quản lý nội dung |
| | | Nghiên cứu về kỹ thuật seo, và tối ưu website cho công ty content TD | Trần Thị Thùy Dương | Đoàn Trinh Dục | Nghiên cứu về kỹ thuật seo, và tối ưu website cho công ty content TD |
| | | Quản lý cửa hàng bán điện thoại di động | Võ Đức An Khang | Nguyễn Thanh Tùng | Quản lý cửa hàng bán điện thoại di động |
| | | Quản lý cửa hàng bán thú cưng | Phùng Hữu Đức | Nguyễn Thanh Tùng | Quản lý cửa hàng bán thú cưng |
| | | Quản lý cửa hàng kinh doanh café | Phạm Thị Huỳnh Như | Nguyễn Thanh Tùng | Quản lý cửa hàng kinh doanh café |
| | | Quản lý cửa hàng kinh doanh café trên máy POS | Trần Hí Đường | Nguyễn Thanh Tùng | Quản lý cửa hàng kinh doanh café trên máy POS |
| | | Quản lý cửa hàng kinh doanh café trên máy POS | Ngô Thùy Thương | Nguyễn Thanh Tùng | Quản lý cửa hàng kinh doanh café trên máy POS |
| | | Quản lý trung tâm ngoại ngữ | Trần Hoàng Hiệp | Nguyễn Thanh Tùng | Quản lý trung tâm ngoại ngữ |
| | | Thiết kế và xây dựng website quản lý giao hàng | Phạm Thanh Thuận | Trần Minh Thái | Thiết kế và xây dựng website quản lý giao hàng |
| | | Thiết kế và xây dựng website quản lý giao hàng | Trần Thị Ngọc Thùy | Trần Minh Thái | Thiết kế và xây dựng website quản lý giao hàng |
| | | Tìm hiểu framework Laravel và áp dụng xây dựng website bán linh kiện máy tính | Tôn Quốc Đạt | Dương Văn Đeo | Tìm hiểu framework Laravel và áp dụng xây dựng website bán linh kiện máy tính |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Tìm hiểu framework Laravel và áp dụng xây dựng website bán linh kiện máy tính | Phạm Dương Hoài Nam | Dương Văn Đeo | Tìm hiểu framework Laravel và áp dụng xây dựng website bán linh kiện máy tính |
| | | Tìm hiểu framework Laravel và VUE.JS. áp dụng xây dựng website bán sách | Nguyễn Quốc Khánh | Dương Văn Đeo | Tìm hiểu framework Laravel và VUE.JS. áp dụng xây dựng website bán sách |
| | | Tìm hiểu framework VUE.JS và Node.JS. áp dụng xây dựng website bán laptop | Phạm Đăng Hải Dương | Dương Văn Đeo | Tìm hiểu framework VUE.JS và Node.JS. áp dụng xây dựng website bán laptop |
| | | Tìm hiểu framework VUE.JS và Node.JS. áp dụng xây dựng website bán Laptop | Trần Khánh Duy | Dương Văn Đeo | Tìm hiểu framework VUE.JS và Node.JS. áp dụng xây dựng website bán Laptop |
| | | Tìm hiểu laravel Framework, xây dựng website bán thuốc tây. | Phùng Châu Hải | Nguyễn Lạc An Thư | Tìm hiểu laravel Framework, xây dựng website bán thuốc tây. |
| | | Tìm hiểu laravel Framework, xây dựng website bán thuốc tây. | Đặng Như Vũ | Nguyễn Lạc An Thư | Tìm hiểu laravel Framework, xây dựng website bán thuốc tây. |
| | | Tìm hiểu NodeJS, ReactJS, Blockchain, xây dựng website bán nhân vật game. | Nguyễn Tuấn Khang | Nguyễn Lạc An Thư | Tìm hiểu NodeJS, ReactJS, Blockchain, xây dựng website bán nhân vật game. |
| | | Tìm hiểu NodeJS, ReactJS, Blockchain, xây dựng website bán nhân vật game. | Đặng Phước Lộc | Nguyễn Lạc An Thư | Tìm hiểu NodeJS, ReactJS, Blockchain, xây dựng website bán nhân vật game. |
| | | Tìm hiểu thiết bị Jetson nano và các thư viện hỗ trợ xây dựng ứng dụng nhận diện gương mặt | Lê Thị Kim Ngân | Đoàn Trinh Dục | Tìm hiểu thiết bị Jetson nano và các thư viện hỗ trợ xây dựng ứng dụng nhận diện gương mặt |
| | | ứng dụng công nghệ Blockchain trong sản xuất nông nghiệp | Nguyễn Thái Anh Thư | Phạm Liệu | ứng dụng công nghệ Blockchain trong sản xuất nông nghiệp |
| | | ứng dụng hỗ trợ công tác giáo vụ trong thời gian dạy OMO | Nguyễn Ngọc Duy | Nguyễn Kiều Oanh | ứng dụng hỗ trợ công tác giáo vụ trong thời gian dạy OMO |
| | | ứng dụng hỗ trợ công tác giáo vụ trong thời gian dạy OMO | Lê Văn Hiếu | Nguyễn Kiều Oanh | ứng dụng hỗ trợ công tác giáo vụ trong thời gian dạy OMO |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|---------------------------|---|
| | | ứng dụng quản lý công việc của nhân viên | Nguyễn Trần Chính Huy | Nguyễn Kiều Oanh | ứng dụng quản lý công việc của nhân viên |
| | | ứng dụng quản lý công việc của nhân viên | Nguyễn Hoàng Minh Thy | Nguyễn Kiều Oanh | ứng dụng quản lý công việc của nhân viên |
| | | Xây dựng game RPG trên PC | Nguyễn Minh Triết | Hồ Đình Khả | Xây dựng game RPG trên PC |
| | | Xây dựng hệ thống quản lý chợ sách online | Trần Quốc Trọng | Dương Văn Đeo | Xây dựng hệ thống quản lý chợ sách online |
| | | Xây dựng hệ thống quản lý đơn hàng cho sản thương mại điện tử | Nguyễn Quang Huy | Hà Anh Vũ | Xây dựng hệ thống quản lý đơn hàng cho sản thương mại điện tử |
| | | Xây dựng hệ thống quản lý đơn hàng cho sản thương mại điện tử | Trần Đường Huy | Hà Anh Vũ | Xây dựng hệ thống quản lý đơn hàng cho sản thương mại điện tử |
| | | Xây dựng ứng dụng bán bánh cho công ty T&T sử dụng Android và Nodejs | Nguyễn Anh Thư | Đoàn Trinh Dục | Xây dựng ứng dụng bán bánh cho công ty T&T sử dụng Android và Nodejs |
| | | Xây dựng ứng dụng bán sách | Trần Tuấn Vũ | Lương An Vinh | Xây dựng ứng dụng bán sách |
| | | xây dựng ứng dụng đặt food trên điện thoại | Phan Mai Thiên Vũ | Đoàn Trinh Dục | xây dựng ứng dụng đặt food trên điện thoại |
| | | Xây dựng ứng dụng hỗ trợ quản lý nhà hàng | Nguyễn Phong Phú | Lương An Vinh | Xây dựng ứng dụng hỗ trợ quản lý nhà hàng |
| | | Xây dựng ứng dụng hỗ trợ quản lý nhà hàng | Trần Bảo Phúc | Lương An Vinh | Xây dựng ứng dụng hỗ trợ quản lý nhà hàng |
| | | Xây dựng ứng dụng Mobile hỗ trợ quản lý nhân sự | Lê Đình Mẫn | Hồ Đình Khả | Xây dựng ứng dụng Mobile hỗ trợ quản lý nhân sự |
| | | Xây dựng ứng dụng web đặt lịch khám bệnh sử dụng công nghệ nodejs, react và mysql | Đỗ Văn Gia Huyền | Trần Văn Hùng | Xây dựng ứng dụng web đặt lịch khám bệnh sử dụng công nghệ nodejs, react và mysql |
| | | Xây dựng ứng dụng web đặt lịch khám bệnh sử dụng công nghệ nodejs, react và mysql | Phạm Xuân Khả Vy | Trần Văn Hùng | Xây dựng ứng dụng web đặt lịch khám bệnh sử dụng công nghệ nodejs, react và mysql |
| | | Xây dựng website bán điện thoại | Trần Xuân Nhon | Mai Xuân Hùng | Xây dựng website bán điện thoại |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|---------------------------|---|
| | | Xây dựng website bán điện thoại | Nguyễn Lê Trường Thiện | Mai Xuân Hùng | Xây dựng website bán điện thoại |
| | | Xây dựng website bán điện thoại di động | Võ Phương Nam | Nguyễn Ngọc Lâm | Xây dựng website bán điện thoại di động |
| | | Xây dựng website bán điện thoại di động | Nguyễn Tấn Phát | Nguyễn Ngọc Lâm | Xây dựng website bán điện thoại di động |
| | | Xây dựng website bán đồ thể thao | Trương Ngọc Khánh | Lê Triệu Ngọc Đức | Xây dựng website bán đồ thể thao |
| | | Xây dựng website bán đồ thể thao bằng React và NodeJS | Nguyễn Quang Thông | Bùi Nhật Bằng | Xây dựng website bán đồ thể thao bằng React và NodeJS |
| | | Xây dựng website bán đồ thời trang online | Vũ Công Tuấn Anh | Hà Anh Vũ | Xây dựng website bán đồ thời trang online |
| | | Xây dựng website bán đồ thời trang online | Nguyễn Kim Hiếu | Hà Anh Vũ | Xây dựng website bán đồ thời trang online |
| | | Xây dựng website bán đồ uống online | Trần Khánh Vy | Hà Anh Vũ | Xây dựng website bán đồ uống online |
| | | Xây dựng website bán đồ uống sử dụng công nghệ nodejs, react và mongodb | Vòng Say Dấu | Trần Văn Hùng | Xây dựng website bán đồ uống sử dụng công nghệ nodejs, react và mongodb |
| | | Xây dựng website bán đồng hồ bằng React và NodeJS | Nguyễn Nhị Long | Bùi Nhật Bằng | Xây dựng website bán đồng hồ bằng React và NodeJS |
| | | Xây dựng website bán giày | Nguyễn Phương Hoài Việt | Mai Xuân Hùng | Xây dựng website bán giày |
| | | Xây dựng website bán giày thể thao | Đặng Hồng Bảo Thái | Lê Thị Mỹ Dung | Xây dựng website bán giày thể thao |
| | | Xây dựng website bán giày thể thao | Nhâm Trung Tiến | Lê Thị Mỹ Dung | Xây dựng website bán giày thể thao |
| | | Xây dựng website bán giày thời trang | Nguyễn Duy Đức Quý | Phạm Liệu | Xây dựng website bán giày thời trang |
| | | Xây dựng website bán laptop | Phạm Hữu Lợi | Nguyễn Ngọc Lâm | Xây dựng website bán laptop |
| | | Xây dựng website bán laptop | Nguyễn Minh Tú | Phạm Liệu | Xây dựng website bán laptop |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|---------------------------|---|
| | | Xây dựng website bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô | Đông Đình Quân | Lê Thị Mỹ Dung | Xây dựng website bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô |
| | | Xây dựng website bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô | Trần Phú Yên | Lê Thị Mỹ Dung | Xây dựng website bán linh kiện, phụ tùng xe ô tô |
| | | Xây dựng website bán phụ kiện cho thú cưng | Phạm Đức Long | Trịnh Thanh Duy | Xây dựng website bán phụ kiện cho thú cưng |
| | | Xây dựng website bán phụ kiện cho thú cưng | Phan Lê Hữu Nhân | Trịnh Thanh Duy | Xây dựng website bán phụ kiện cho thú cưng |
| | | Xây dựng website bán phụ kiện và quà tặng | Trần Trung Dũng | Trịnh Thanh Duy | Xây dựng website bán phụ kiện và quà tặng |
| | | Xây dựng website bán quần áo | Mông Hà Trung Huyền | Ngô Xuân Bách | Xây dựng website bán quần áo |
| | | Xây dựng website bán quần áo | Nhan Hồng Hải Yến | Ngô Xuân Bách | Xây dựng website bán quần áo |
| | | Xây dựng website bán quần áo | Nguyễn Thị Mỹ Kim | Nguyễn Ngọc Lâm | Xây dựng website bán quần áo |
| | | Xây dựng website bán quần áo thời trang | Phạm Minh Tính | Lê Thị Mỹ Dung | Xây dựng website bán quần áo thời trang |
| | | Xây dựng website bán quần áo. | Tân Bình Nam | Bùi Nhật Bằng | Xây dựng website bán quần áo. |
| | | Xây dựng website bán sách | Phạm Anh Thi | Bùi Nhật Bằng | Xây dựng website bán sách |
| | | Xây dựng website bán sách | Lê Nguyễn ánh Tiên | Bùi Nhật Bằng | Xây dựng website bán sách |
| | | Xây dựng website bán thiết bị điện tử, điện máy | Nguyễn Mai Hữu Trí | Trịnh Thanh Duy | Xây dựng website bán thiết bị điện tử, điện máy |
| | | Xây dựng website bán thiết bị PSN | Phạm Tiến Long | Lê Triệu Ngọc Đức | Xây dựng website bán thiết bị PSN |
| | | Xây dựng website bán thiết bị PSN | Đặng Kiến Phong | Lê Triệu Ngọc Đức | Xây dựng website bán thiết bị PSN |
| | | Xây dựng website bán thiết bị và phụ tùng công nghệ | Nguyễn Thanh Bình Phước | Hồ Đình Khả | Xây dựng website bán thiết bị và phụ tùng công nghệ |
| | | Xây dựng website bán thiết bị y tế | Cao Lê Tuấn Vũ | Ngô Xuân Bách | Xây dựng website bán thiết bị y tế |
| | | Xây dựng website bán trang phục thể thao | Lê Nhật Anh | Hồ Đình Khả | Xây dựng website bán trang phục thể thao |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|---------------------------|---|
| | | Xây dựng website bán trang sức | Trần Hồng Quân | Bùi Nhật Bằng | Xây dựng website bán trang sức |
| | | Xây dựng website bán truyện tranh | Hàng Ngọc Hưng | Lê Thị Mỹ Dung | Xây dựng website bán truyện tranh |
| | | Xây dựng website bán xe máy | Lê Nhật Minh | Phạm Liệu | Xây dựng website bán xe máy |
| | | Xây dựng website cho cửa hàng bán giày | Lê Quốc Khánh | Trần Quang | Xây dựng website cho cửa hàng bán giày |
| | | Xây dựng website cho cửa hàng bán laptop | Nguyễn Hoàng Tiến | Trần Quang | Xây dựng website cho cửa hàng bán laptop |
| | | Xây dựng website cho cửa hàng bán laptop | Trương Ngọc Toàn | Trần Quang | Xây dựng website cho cửa hàng bán laptop |
| | | Xây dựng website cho cửa hàng bán sách | Lưu Vĩnh Hân | Trần Quang | Xây dựng website cho cửa hàng bán sách |
| | | Xây dựng website cho cửa hàng bán sách | Nguyễn Đỗ Minh Nhất | Trần Quang | Xây dựng website cho cửa hàng bán sách |
| | | Xây dựng website cho cửa hàng bán thực phẩm tươi sống | Huỳnh Quốc Dương | Trần Quang | Xây dựng website cho cửa hàng bán thực phẩm tươi sống |
| | | Xây dựng website cho cửa hàng bán thực phẩm tươi sống | Phạm Đình Vương | Trần Quang | Xây dựng website cho cửa hàng bán thực phẩm tươi sống |
| | | Xây dựng website cho một công ty bán giày | Hoàng Ngọc Hà | Hồ Đình Khả | Xây dựng website cho một công ty bán giày |
| | | Xây dựng website cho một công ty bán giày | Lê Phước Thịnh | Hồ Đình Khả | Xây dựng website cho một công ty bán giày |
| | | Xây dựng website cho trung tâm dạy lái xe UCAN | Ngô Anh Cường | Nguyễn Trần Phúc Thịnh | Xây dựng website cho trung tâm dạy lái xe UCAN |
| | | Xây dựng website đăng tin mua bán | Nguyễn Trọng Trí | Lê Triệu Ngọc Đức | Xây dựng website đăng tin mua bán |
| | | Xây dựng website đăng tin mua bán | Bùi Lê Hoàng Nhật Trường | Lê Triệu Ngọc Đức | Xây dựng website đăng tin mua bán |
| | | Xây dựng website đặt lịch khám chữa bệnh | Nguyễn Đức Long | Hà Anh Vũ | Xây dựng website đặt lịch khám chữa bệnh |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Xây dựng website đặt vé xem phim cho hệ thống rạp ĐK cinema | Phan Châu Đức | Nguyễn Trần Phúc Thịnh | Xây dựng website đặt vé xem phim cho hệ thống rạp ĐK cinema |
| | | Xây dựng website đặt vé xem phim cho hệ thống rạp ĐK cinema | Nguyễn Anh Khoa | Nguyễn Trần Phúc Thịnh | Xây dựng website đặt vé xem phim cho hệ thống rạp ĐK cinema |
| | | Xây dựng website dịch vụ xuất bản | Lầy Vân Long | Nguyễn Hồng Bửu Long | Xây dựng website dịch vụ xuất bản |
| | | Xây dựng website đọc truyện online | Nguyễn Phước Ngọc ánh | Phạm Liệu | Xây dựng website đọc truyện online |
| | | Xây dựng website giới thiệu sách | Lý Hoàng Thư | Nguyễn Hồng Bửu Long | Xây dựng website giới thiệu sách |
| | | Xây dựng website hỗ trợ đọc sách điện tử trực tuyến | Lê Quang Nhật | Nguyễn Hồng Bửu Long | Xây dựng website hỗ trợ đọc sách điện tử trực tuyến |
| | | Xây dựng website kinh doanh quần áo online | Trần Nhật Bản | Trần Minh Thái | Xây dựng website kinh doanh quần áo online |
| | | Xây dựng website mạng xã hội | Nguyễn Hữu Lê Vinh | Mai Xuân Hùng | Xây dựng website mạng xã hội |
| | | Xây dựng website quản lý khách sạn | Lê Anh Hào | Lương An Vinh | Xây dựng website quản lý khách sạn |
| | | Xây dựng website quản lý khách sạn | Nguyễn Trọng Nhân | Lương An Vinh | Xây dựng website quản lý khách sạn |
| | | Xây dựng website quản lý kho hàng | Tống Khánh Nhật An | Trần Minh Thái | Xây dựng website quản lý kho hàng |
| | | Xây dựng website quản lý việc mượn và trả sách điện tử | Trần Thị Nguyệt | Nguyễn Hồng Bửu Long | Xây dựng website quản lý việc mượn và trả sách điện tử |
| | | Xây dựng website quản lý việc mượn và trả sách điện tử | Trần Đại Nhã | Nguyễn Hồng Bửu Long | Xây dựng website quản lý việc mượn và trả sách điện tử |
| | | Xây dựng website quảng bá và hỗ trợ đăng ký lịch tập cho hệ thống GH Gym | Dương Trường Giang | Nguyễn Trần Phúc Thịnh | Xây dựng website quảng bá và hỗ trợ đăng ký lịch tập cho hệ thống GH Gym |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|--|---|---------------------------|--|---|
| | | Xây dựng website quảng bá và hỗ trợ đăng ký lịch tập cho hệ thống GH Gym | Nguyễn Nhật Huy | Nguyễn Trần Phúc Thịnh | Xây dựng website quảng bá và hỗ trợ đăng ký lịch tập cho hệ thống GH Gym |
| | | Xây dựng website thương mại điện tử bán đồ trang sức sử dụng công nghệ nodejs, react và mongodb | Nguyễn Dương Anh Huy | Trần Văn Hùng | Xây dựng website thương mại điện tử bán đồ trang sức sử dụng công nghệ nodejs, react và mongodb |
| | | Xây dựng website thương mại điện tử bán đồ trang sức sử dụng công nghệ nodejs, react và mongodb | Nguyễn Quốc Vương | Trần Văn Hùng | Xây dựng website thương mại điện tử bán đồ trang sức sử dụng công nghệ nodejs, react và mongodb |
| | | Xây dựng website thương mại điện tử bán Laptop sử dụng công nghệ nodejs, react và Mysql | Phạm Anh Quốc | Trần Văn Hùng | Xây dựng website thương mại điện tử bán Laptop sử dụng công nghệ nodejs, react và Mysql |
| | | Xây dựng website thương mại điện tử bán Laptop sử dụng công nghệ nodejs, react và Mysql | Phan Văn Thành | Trần Văn Hùng | Xây dựng website thương mại điện tử bán Laptop sử dụng công nghệ nodejs, react và Mysql |
| | | Xây dựng website tin tức | Lưu Phước Nhân | Nguyễn Hồng Bửu Long | Xây dựng website tin tức |
| | - Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử | Thiết kế băng tải ép định hình rom | Lê Tiến Đạt | Lê Nguyên Trinh | Thiết kế băng tải ép định hình rom |
| | | Thiết kế băng tải ép định hình rom | Trần Tấn Phúc | Lê Nguyên Trinh | Thiết kế băng tải ép định hình rom |
| | | Thiết kế hệ điều khiển tay máy khí nén | Nguyễn Cao Hon | Huỳnh Long Triết Giang; Vũ Đình Hải | Thiết kế hệ điều khiển tay máy khí nén |
| | | Thiết kế hệ điều khiển tay máy khí nén | Nguyễn Minh Luân | Huỳnh Long Triết Giang; Vũ Đình Hải | Thiết kế hệ điều khiển tay máy khí nén |
| | | Thiết kế hệ thống giám sát và chăm sóc cây tự động | Quảng Hoàng Minh | Phạm Văn Thắng; Lê Tấn Tín | Thiết kế hệ thống giám sát và chăm sóc cây tự động |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|--|---------------------------|--|--|
| | | Thiết kế hệ thống giám sát và chăm sóc cây tự động | Lê Phú Vĩnh | Phạm Văn Thắng; Lê Tấn Tín | Thiết kế hệ thống giám sát và chăm sóc cây tự động |
| | | Thiết kế máy cắt lát ổ qua tự động | Bùi Thế Lâm | Phạm Văn Thắng; Lê Tấn Tín | Thiết kế máy cắt lát ổ qua tự động |
| | | Thiết kế máy cắt lát ổ qua tự động | Nguyễn Văn Phú | Phạm Văn Thắng; Lê Tấn Tín | Thiết kế máy cắt lát ổ qua tự động |
| | | Thiết kế máy CNC gia công gỗ ứng dụng trong ngành điêu khắc gỗ | Cao Minh Đạt | Trần Trung Lê; Hồ Hữu Hân | Thiết kế máy CNC gia công gỗ ứng dụng trong ngành điêu khắc gỗ |
| | | Thiết kế máy CNC gia công gỗ ứng dụng trong ngành điêu khắc gỗ | Nguyễn Thanh Đạt | Trần Trung Lê; Hồ Hữu Hân | Thiết kế máy CNC gia công gỗ ứng dụng trong ngành điêu khắc gỗ |
| | | Thiết kế máy phay 3 trục CNC | Nguyễn Hoàng Nam | Nguyễn Quốc Cường; Nguyễn Thái Nho | Thiết kế máy phay 3 trục CNC |
| | | Thiết kế máy phay 3 trục CNC | Lương Hoàng Vĩ | Nguyễn Quốc Cường; Nguyễn Thái Nho | Thiết kế máy phay 3 trục CNC |
| | | Thiết kế máy phay mộng gỗ bán tự động | Phạm Duy | Huỳnh Long Triết Giang; Vũ Đình Hải | Thiết kế máy phay mộng gỗ bán tự động |
| | | Thiết kế và chế tạo đồ gá phục vụ gia công MSPIF | Ngô Nhật Tân | Trần Trung Lê; Hồ Hữu Hân | Thiết kế và chế tạo đồ gá phục vụ gia công MSPIF |
| | | Thiết kế và chế tạo đồ gá phục vụ gia công MSPIF | Đình Quốc Trí | Trần Trung Lê; Hồ Hữu Hân | Thiết kế và chế tạo đồ gá phục vụ gia công MSPIF |
| | | Thiết kế cải tiến cánh tay robot ASYST UTX-1200 | Nguyễn Phùng Trọng Đức | Nguyễn Quốc Cường; Nguyễn Thái Nho | Thiết kế cải tiến cánh tay robot ASYST UTX-1200 |
| | | Thiết kế cải tiến cánh tay robot ASYST UTX-1200 | Lê Đình Khôi | Nguyễn Quốc Cường; Nguyễn Thái Nho | Thiết kế cải tiến cánh tay robot ASYST UTX-1200 |
| | | Thiết kế cánh tay robot 4 bậc tự do | Trần Tú Hào | Huỳnh Long Triết Giang | Thiết kế cánh tay robot 4 bậc tự do |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|---------------------------------------|---|
| | | Thiết kế cánh tay robot 4 bậc tự do | Lưu Lập Hòa | Huỳnh Long Triết Giang | Thiết kế cánh tay robot 4 bậc tự do |
| | | Thiết kế cánh tay robot cơ mềm | Lê Huy Hoàng | Nguyễn Quốc Cường; Nguyễn Thái Nho | Thiết kế cánh tay robot cơ mềm |
| | | Thiết kế cánh tay robot cơ mềm | Trần Nhã Trúc | Nguyễn Quốc Cường; Nguyễn Thái Nho | Thiết kế cánh tay robot cơ mềm |
| | | Thiết kế dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng tự động | Phạm An Khang | Trần Trung Lê; Hồ Hữu Hân | Thiết kế dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng tự động |
| | | Thiết kế dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng tự động | Trần Quốc Toàn | Trần Trung Lê; Hồ Hữu Hân | Thiết kế dây chuyền mạ kẽm nhúng nóng tự động |
| | | Thiết kế dây chuyền phân loại gạch Granite | Bùi Quang Huy | Lê Nguyên Trinh | Thiết kế dây chuyền phân loại gạch Granite |
| | | Thiết kế dây chuyền phân loại gạch Granite | Nguyễn Duy Khang | Lê Nguyên Trinh | Thiết kế dây chuyền phân loại gạch Granite |
| | | Thiết kế hệ điều khiển thủy lực dùng card giao tiếp máy tính NI6001 | Nguyễn Thái Hiếu | Nguyễn Thanh Hùng; Vũ Đình Hải | Thiết kế hệ điều khiển thủy lực dùng card giao tiếp máy tính NI6001 |
| | | Thiết kế hệ điều khiển thủy lực dùng card giao tiếp máy tính NI6001 | Lê Minh Trường | Nguyễn Thanh Hùng; Vũ Đình Hải | Thiết kế hệ điều khiển thủy lực dùng card giao tiếp máy tính NI6001 |
| | | Thiết kế hệ thống điều khiển tay máy khí nén MX150 | Hoàng Ngọc Linh | Nguyễn Thanh Hùng; Vũ Đình Hải | Thiết kế hệ thống điều khiển tay máy khí nén MX150 |
| | | Thiết kế hệ thống điều khiển tay máy khí nén MX150 | Lê Thanh Nhân | Nguyễn Thanh Hùng; Vũ Đình Hải | Thiết kế hệ thống điều khiển tay máy khí nén MX150 |
| | | Thiết kế hệ thống thủy lực điều khiển vị trí dùng van servo | Khuông Khánh Điện | Nguyễn Thanh Hùng; Vũ Đình Hải | Thiết kế hệ thống thủy lực điều khiển vị trí dùng van servo |
| | | Thiết kế hệ thống thủy lực điều khiển vị trí dùng van servo | Vũ Đức Thắng | Nguyễn Thanh Hùng; Vũ Đình Hải | Thiết kế hệ thống thủy lực điều khiển vị trí dùng van servo |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|------------------------------------|---|
| | | Thiết kế máy dán nhãn và đóng gói tự động chai nhựa 5 lít | Phan Anh Đức | Phạm Văn Thắng | Thiết kế máy dán nhãn và đóng gói tự động chai nhựa 5 lít |
| | | Thiết kế máy dán nhãn và đóng gói tự động chai nhựa 5 lít | Hà Văn Trung | Phạm Văn Thắng | Thiết kế máy dán nhãn và đóng gói tự động chai nhựa 5 lít |
| | | Thiết kế máy đóng gói gạch Granite tự động | Châu Tú Khải | Lê Nguyên Trinh | Thiết kế máy đóng gói gạch Granite tự động |
| | | Thiết kế máy đóng gói gạch Granite tự động | Nguyễn Khánh Linh | Lê Nguyên Trinh | Thiết kế máy đóng gói gạch Granite tự động |
| | | Thiết kế máy đùn nhựa | Lâm Trung Hậu | Nguyễn Đàm Tấn; Huỳnh Ngọc Hiệp | Thiết kế máy đùn nhựa |
| | | Thiết kế máy đùn nhựa | Nguyễn Hoàng Phước Toàn | Nguyễn Đàm Tấn; Huỳnh Ngọc Hiệp | Thiết kế máy đùn nhựa |
| | | Thiết kế máy gấp hộp carton tự động | Võ Hoàng Long | Phạm Văn Thắng | Thiết kế máy gấp hộp carton tự động |
| | | Thiết kế máy gấp hộp carton tự động | Lê Giang Thành | Phạm Văn Thắng | Thiết kế máy gấp hộp carton tự động |
| | | Thiết kế máy in 3D | Trần Thanh Lâm | Nguyễn Đàm Tấn; Huỳnh Ngọc Hiệp | Thiết kế máy in 3D |
| | | Thiết kế máy in 3D | Võ Ngọc Gia Thoại | Nguyễn Đàm Tấn; Huỳnh Ngọc Hiệp | Thiết kế máy in 3D |
| | | Thiết kế máy in Flexo 1 màu và máy đóng gói bánh biscuit | Võ Minh Tâm | Lê Khánh Điền | Thiết kế máy in Flexo 1 màu và máy đóng gói bánh biscuit |
| | | Thiết kế máy in Flexo 1 màu và máy đóng gói bánh biscuit | Nguyễn Hoàng Tiến | Lê Khánh Điền | Thiết kế máy in Flexo 1 màu và máy đóng gói bánh biscuit |
| | | Thiết kế máy khắc laser cấp phối tự động | Dương Gia Khang | Huỳnh Long Triết Giang | Thiết kế máy khắc laser cấp phối tự động |
| | | Thiết kế máy khắc laser cấp phối tự động | Trần Phú Thọ | Huỳnh Long Triết Giang | Thiết kế máy khắc laser cấp phối tự động |
| | | Thiết kế máy khắc laser tự động | Hồ Trung Hiếu | Lê Tấn Tín | Thiết kế máy khắc laser tự động |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|---------------------------------------|---|
| | | Thiết kế máy khắc laser tự động | Nguyễn Hữu Quang Huy | Lê Tấn Tín | Thiết kế máy khắc laser tự động |
| | | Thiết kế máy rửa chén | Phan Nhật Đăng | Nguyễn Đàm Tấn; Huỳnh Ngọc Hiệp | Thiết kế máy rửa chén |
| | | Thiết kế máy rửa chén | Nguyễn Ngọc Quỳnh | Nguyễn Đàm Tấn; Huỳnh Ngọc Hiệp | Thiết kế máy rửa chén |
| | | Thiết kế máy sản xuất khăn giấy ướt | Lê Ngọc Hậu | Nguyễn Đàm Tấn; Huỳnh Ngọc Hiệp | Thiết kế máy sản xuất khăn giấy ướt |
| | | Thiết kế máy sản xuất khăn giấy ướt | Đặng Minh Tâm | Nguyễn Đàm Tấn; Huỳnh Ngọc Hiệp | Thiết kế máy sản xuất khăn giấy ướt |
| | | Thiết kế robot hút bụi và lau nhà tự động | Đồng Xuân Hào | Lê Khánh Điền | Thiết kế robot hút bụi và lau nhà tự động |
| | | Thiết kế robot mềm điều khiển bằng khí nén | Trần Toàn Bảo | Trần Trung Lê; Hồ Hữu Hân | Thiết kế robot mềm điều khiển bằng khí nén |
| | | Thiết kế robot mềm điều khiển bằng khí nén | Dương Gia Hoàng | Trần Trung Lê; Hồ Hữu Hân | Thiết kế robot mềm điều khiển bằng khí nén |
| | | Thiết kế robot thông minh cho gia đình | Lưu Kiên Thắng | Trần Trung Lê; Hồ Hữu Hân | Thiết kế robot thông minh cho gia đình |
| | | Thiết kế robot thông minh cho gia đình | Đặng Lộc Tùng | Trần Trung Lê; Hồ Hữu Hân | Thiết kế robot thông minh cho gia đình |
| | | Thiết kế xe điện 5 bánh DRIF 360 | Lê Quốc Đạt | Lê Tấn Tín | Thiết kế xe điện 5 bánh DRIF 360 |
| | | Thiết kế xe điện 5 bánh DRIF 360 | Lê Phạm Hoàng Vĩ | Lê Tấn Tín | Thiết kế xe điện 5 bánh DRIF 360 |
| | | ứng dụng công nghệ ZIGBEE điều khiển vận hành ngôi nhà thông minh | Nguyễn Văn Cảnh | Nguyễn Quốc Cường; Nguyễn Thái Nho | ứng dụng công nghệ ZIGBEE điều khiển vận hành ngôi nhà thông minh |
| | | ứng dụng công nghệ ZIGBEE điều khiển vận hành ngôi nhà thông minh | Châu Mạnh Phát | Nguyễn Quốc Cường; Nguyễn Thái Nho | ứng dụng công nghệ ZIGBEE điều khiển vận hành ngôi nhà thông minh |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|--|---|---------------------------|---------------------------|---|
| | – Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử | Chuyển đổi quạt thông thường thành quạt điều khiển vận tốc và quay từ xa dùng Bluetooth | Lê Phạm Nhật Huy | Nguyễn Đức Thành | Chuyển đổi quạt thông thường thành quạt điều khiển vận tốc và quay từ xa dùng Bluetooth |
| | | Điều khiển cửa cuốn bằng Bluetooth smartphone | Trương Xuân Hoàng | Nguyễn Đức Thành | Điều khiển cửa cuốn bằng Bluetooth smartphone |
| | | Hệ thống điều hướng pin mặt trời | Đỗ Minh Nhật | Đinh Đỗ Quang | Hệ thống điều hướng pin mặt trời |
| | | Hệ thống IoT cho nông nghiệp sử dụng công nghệ Lora | Huỳnh Nguyễn Quang Mão | Đinh Đỗ Quang | Hệ thống IoT cho nông nghiệp sử dụng công nghệ Lora |
| | | Máy rửa tay, đo thân nhiệt, đếm số người tự động | Huỳnh Nguyễn Gia Tuấn | Nguyễn Hùng | Máy rửa tay, đo thân nhiệt, đếm số người tự động |
| | | Mô hình điều khiển thiết bị điện bằng wifi | Nguyễn Hoàng Thương | Nguyễn Đình Sơn | Mô hình điều khiển thiết bị điện bằng wifi |
| | | Mô hình khóa bảo mật | Lê Anh Minh | Đinh Đỗ Quang | Mô hình khóa bảo mật |
| | | Mô hình lò ấp trứng | Lê Trung Nghĩa | Đinh Đỗ Quang | Mô hình lò ấp trứng |
| | | Mô hình ngôi nhà thông minh | Lê Minh Khánh | Trần Văn Lợi | Mô hình ngôi nhà thông minh |
| | | Mô hình nhà thông minh dùng IoT | Võ Văn Thăng | Nguyễn Hùng | Mô hình nhà thông minh dùng IoT |
| | | Mô hình nhà vườn thông minh | Đỗ Tiến Đức | Tổng Văn On | Mô hình nhà vườn thông minh |
| | | Mô hình phân loại sản phẩm theo hình dạng | Châu Chí Dũng | Đào Duy Liêm | Mô hình phân loại sản phẩm theo hình dạng |
| | | Mô hình phân loại trái cây theo màu sắc và cân nặng | Nguyễn Quốc Cường | Đào Duy Liêm | Mô hình phân loại trái cây theo màu sắc và cân nặng |
| | | Mô hình xe robot 2 bánh tự cân bằng điều khiển bằng wifi | Nguyễn Đông Tùng | Nguyễn Đình Sơn | Mô hình xe robot 2 bánh tự cân bằng điều khiển bằng wifi |
| | | Mở khóa tủ thông minh bằng mã QR | Phạm Minh Trung | Nguyễn Hùng | Mở khóa tủ thông minh bằng mã QR |
| | | Robot hút bụi tự động | Lương Giang Điền | Đào Duy Liêm | Robot hút bụi tự động |
| | | Robot vệ sinh pin năng lượng mặt trời | Nguyễn Văn Sơn | Nguyễn Hùng | Robot vệ sinh pin năng lượng mặt trời |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|---------------------------|---|
| | | Thiết kế cung cấp điện cho bệnh viện Nam Anh | Trương Đỗ Nhật Hoàng | Vũ Hùng Cường | Thiết kế cung cấp điện cho bệnh viện Nam Anh |
| | | Thiết kế cung cấp điện cho biệt thự A1, khu villa An Khánh | Trương Thanh Bình | Vũ Hùng Cường | Thiết kế cung cấp điện cho biệt thự A1, khu villa An Khánh |
| | | Thiết kế cung cấp điện cho cao ốc 10 tầng Phan Xích Long | Nguyễn Mạnh Đức | Vũ Hùng Cường | Thiết kế cung cấp điện cho cao ốc 10 tầng Phan Xích Long |
| | | Thiết kế cung cấp điện cho văn phòng dự án Phú Mỹ | Lê Đại Trường An | Vũ Hùng Cường | Thiết kế cung cấp điện cho văn phòng dự án Phú Mỹ |
| | | Thiết kế và thi công mô hình giàn phơi thông minh cảm biến mưa nắng và hoạt động theo giờ đặt trước trên điện thoại | Vũ Văn Đức | Nguyễn Đức Thành | Thiết kế và thi công mô hình giàn phơi thông minh cảm biến mưa nắng và hoạt động theo giờ đặt trước trên điện thoại |
| | | ứng dụng IoT cho mô hình nhà vườn | Vũ Trường Mạnh | Trần Thị Thu Thảo | ứng dụng IoT cho mô hình nhà vườn |
| | | Điều khiển xe 2 bánh tự cân bằng | Đỗ Thành Linh | Nguyễn Hùng | Điều khiển xe 2 bánh tự cân bằng |
| | | Giám sát và điều khiển tốc độ động cơ 3 pha sử dụng PLC và biến tần | Nguyễn Quang Vinh | Trần Văn Lợi | Giám sát và điều khiển tốc độ động cơ 3 pha sử dụng PLC và biến tần |
| | | Hệ thống ATS kết hợp giám sát điện năng qua wifi | Phạm Hữu Tài | Võ Văn Nguyên | Hệ thống ATS kết hợp giám sát điện năng qua wifi |
| | | Hệ thống điều hướng và giám sát điện năng lượng mặt trời qua APP | Lê Tấn Đạt | Võ Văn Nguyên | Hệ thống điều hướng và giám sát điện năng lượng mặt trời qua APP |
| | | Hệ thống giám sát chỉ số môi trường ứng dụng IoT | Trịnh Vũ Luân | Võ Văn Nguyên | Hệ thống giám sát chỉ số môi trường ứng dụng IoT |
| | | Hệ thống phân loại sản phẩm theo màu sắc và khối lượng sử dụng cánh tay Robot và công nghệ xử lý ảnh | Nguyễn Trọng Nhân | Nguyễn Đình Sơn | Hệ thống phân loại sản phẩm theo màu sắc và khối lượng sử dụng cánh tay Robot và công nghệ xử lý ảnh |
| | | Máy dò kim loại | Phạm Xuân Thắng | Đình Đỗ Quang | Máy dò kim loại |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Máy gia công CNC | Huỳnh Vỹ An | Nguyễn Đình Sơn | Máy gia công CNC |
| | | Mô hình bãi giữ xe ứng dụng công nghệ RFID | Đình Lê Anh Khôi | Võ Văn Nguyên | Mô hình bãi giữ xe ứng dụng công nghệ RFID |
| | | Mô hình bãi rửa xe thông minh | Nguyễn Quang Huy | Nguyễn Hùng | Mô hình bãi rửa xe thông minh |
| | | Mô hình cân điện tử | Nguyễn Trường Giang | Nguyễn Đình Sơn | Mô hình cân điện tử |
| | | Mô hình điều khiển và giám sát thiết bị điện bằng Smartphone | Đoàn Phúc Lộc | Trần Thị Thu Thảo | Mô hình điều khiển và giám sát thiết bị điện bằng Smartphone |
| | | Mô hình hệ thống an ninh gia đình | Huỳnh Thanh Duy | Tổng Văn On | Mô hình hệ thống an ninh gia đình |
| | | Mô hình máy sấy vệ sinh giày | Nguyễn Sanh Thành | Đình Đỗ Quang | Mô hình máy sấy vệ sinh giày |
| | | Mô hình nhà thông minh | Nguyễn Bá Hùng | Tổng Văn On | Mô hình nhà thông minh |
| | | Mô hình nhà thông minh | Lưu Bá Giàu | Trần Thị Thu Thảo | Mô hình nhà thông minh |
| | | Mô hình phân loại sản phẩm theo màu sắc sử dụng cánh tay robot | Dương Tấn Khoa | Trần Thị Thu Thảo | Mô hình phân loại sản phẩm theo màu sắc sử dụng cánh tay robot |
| | | Mô hình vườn thông minh | Phạm Chí Hiếu | Trần Thị Thu Thảo | Mô hình vườn thông minh |
| | | Nhà thông minh | Nguyễn Hòa Thuận | Đình Đỗ Quang | Nhà thông minh |
| | | Nhận dạng và theo dõi đối tượng dùng ESP32-CAM | Điền Quốc Lương | Võ Văn Nguyên | Nhận dạng và theo dõi đối tượng dùng ESP32-CAM |
| | | Thiết kế cung cấp điện cho chung cư 18 tầng, F2, Quận Bình Thạnh | Trần Mậu Hào | Vũ Hùng Cường | Thiết kế cung cấp điện cho chung cư 18 tầng, F2, Quận Bình Thạnh |
| | | Thiết kế cung cấp điện cho chung cư Phúc Yên | Võ Văn Thiên | Đỗ Quang Đạo | Thiết kế cung cấp điện cho chung cư Phúc Yên |
| | | Thiết kế cung cấp điện cho nhà xưởng | Nguyễn Văn Hoàng Hùng | Nguyễn Đình Sơn | Thiết kế cung cấp điện cho nhà xưởng |
| | | Thiết kế cung cấp điện cho phân xưởng cơ khí | Nguyễn Quang Phương | Trần Lê Quốc Việt | Thiết kế cung cấp điện cho phân xưởng cơ khí |
| | | Thiết kế cung cấp điện cho phân xưởng điện tử | Nguyễn Công Thắng | Trần Lê Quốc Việt | Thiết kế cung cấp điện cho phân xưởng điện tử |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|---------------------------|---|
| | | Thiết kế cung cấp điện cho tòa nhà Trụ sở văn phòng Công ty CP Xây dựng số 5 | Nguyễn Cao Trường Vũ | Vũ Hùng Cường | Thiết kế cung cấp điện cho tòa nhà Trụ sở văn phòng Công ty CP Xây dựng số 5 |
| | | Thiết kế cung cấp điện cho tòa nhà văn phòng 5 tầng | Nguyễn Lê Quốc Khánh | Trần Lê Quốc Việt | Thiết kế cung cấp điện cho tòa nhà văn phòng 5 tầng |
| | | Thiết kế cung cấp điện cho tòa nhà văn phòng Chu Văn An | Phạm Hồng Quân | Vũ Hùng Cường | Thiết kế cung cấp điện cho tòa nhà văn phòng Chu Văn An |
| | | Thiết kế cung cấp điện cho villa H27, Khu biệt thự cao cấp An Phú, Quận 2 | Đặng Văn Cường | Vũ Hùng Cường | Thiết kế cung cấp điện cho villa H27, Khu biệt thự cao cấp An Phú, Quận 2 |
| | | Thiết kế mô hình cửa tự động sử dụng RFID và dấu vân tay | Nguyễn Quốc Bình | Trần Văn Lợi | Thiết kế mô hình cửa tự động sử dụng RFID và dấu vân tay |
| | | Thiết kế thi công mạch quang báo chữ Việt có dấu, giao tiếp điện thoại nhập liệu | Lữ Huỳnh Thái | Nguyễn Đức Thành | Thiết kế thi công mạch quang báo chữ Việt có dấu, giao tiếp điện thoại nhập liệu |
| | | Thiết kế thi công máy ấp trứng gà tự động | Lê Phúc Đạt | Nguyễn Hùng | Thiết kế thi công máy ấp trứng gà tự động |
| | | Thiết kế thi công máy đo nhịp tim và cảnh báo té ngã ở người cao tuổi, gửi thông tin qua điện thoại | Mã Anh Kiệt | Nguyễn Đức Thành | Thiết kế thi công máy đo nhịp tim và cảnh báo té ngã ở người cao tuổi, gửi thông tin qua điện thoại |
| | | Thiết kế thi công mô hình smarthome | Nguyễn Minh Thông | Nguyễn Hùng | Thiết kế thi công mô hình smarthome |
| | | Thiết kế thi công mô hình thang máy 4 tầng | Thái Bảo Ngọc | Nguyễn Đức Thành | Thiết kế thi công mô hình thang máy 4 tầng |
| | | Thiết kế thi công ngôi nhà thông minh | Hồ Hoàng Tuấn | Trần Lê Quốc Việt | Thiết kế thi công ngôi nhà thông minh |
| | | Thiết kế thi công vườn rau thông minh | Huỳnh Ngọc Thiện | Trần Lê Quốc Việt | Thiết kế thi công vườn rau thông minh |
| | | Thiết kế trạm biến áp và tủ phân phối hạ thế cho nhà máy Daito | Tạ Vũ Khoa | Đỗ Quang Đạo | Thiết kế trạm biến áp và tủ phân phối hạ thế cho nhà máy |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|--|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Việt Nam | | | Daito Việt Nam |
| | | Thiết kế và thi công mô hình khóa điện tử | Nguyễn Quốc Bảo | Trần Văn Lợi | Thiết kế và thi công mô hình khóa điện tử |
| | | Thiết kế và thi công tủ điện điều khiển hệ thống ATS | Nguyễn Tuấn Kiệt | Trần Lê Quốc Việt | Thiết kế và thi công tủ điện điều khiển hệ thống ATS |
| | - Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông | Hệ thống IP PBX sử dụng Raspberry Pi | Hồ Tuấn Phong | Hoàng Xuân Dương | Hệ thống IP PBX sử dụng Raspberry Pi |
| | | Robot chuyển hàng | Phan Anh Tuấn | Nguyễn Thị Minh Thy | Robot chuyển hàng |
| | | Thiết bị đo nồng độ cồn và nhịp tim | Trần Khánh Trung | Nguyễn Vũ Thùy | Thiết bị đo nồng độ cồn và nhịp tim |
| | | Xe robot bám đối tượng dùng SSD Tensorflow trên Android | Nguyễn Thanh Sinh | Huỳnh Thanh Tú | Xe robot bám đối tượng dùng SSD Tensorflow trên Android |
| | | Điều khiển cánh tay robot bằng cử chỉ | Nguyễn Hưng Thịnh | Huỳnh Thanh Tú | Điều khiển cánh tay robot bằng cử chỉ |
| | | Điều khiển thiết bị trong nhà dùng ESPHome và Home Assistant | Nguyễn Đức Vũ | Huỳnh Thanh Tú | Điều khiển thiết bị trong nhà dùng ESPHome và Home Assistant |
| | | Hệ thống khóa cửa và chống trộm | Đỗ Hoàng Nam | Lê Phước Lâm | Hệ thống khóa cửa và chống trộm |
| | | Lập trình ứng dụng rèn luyện sức khỏe trên nền tảng Android Studio | Phạm Hoàng Phúc | Hoàng Xuân Dương | Lập trình ứng dụng rèn luyện sức khỏe trên nền tảng Android Studio |
| | | Mạch điều khiển thiết bị và cảnh báo qua internet | Hoàng Phúc Trung | Nguyễn Thị Đê | Mạch điều khiển thiết bị và cảnh báo qua internet |
| | | Máy đo nhịp tim và nồng độ SPO2 | Lưu Minh Đức | Lê Xuân Kỳ | Máy đo nhịp tim và nồng độ SPO2 |
| | | Mô hình camera an ninh dựa trên ESP32 CAM & BLYNK APP | Huỳnh Minh Khánh | Nguyễn Thị Quỳnh Dư | Mô hình camera an ninh dựa trên ESP32 CAM & BLYNK APP |
| | | Mô hình điều khiển thiết bị bằng giọng nói | Trần Tuấn Cảnh | Nguyễn Vũ Thùy | Mô hình điều khiển thiết bị bằng giọng nói |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|----------------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Mô hình khóa cửa dùng vân tay | Lê Văn Vinh | Nguyễn Vũ Thùy | Mô hình khóa cửa dùng vân tay |
| | | Mô hình xe giao hàng tự hành | Phạm Lê Minh Hùng | Huỳnh Thanh Tú | Mô hình xe giao hàng tự hành |
| | | Mô hình xe hai bánh tự cân bằng | Nguyễn Tấn Sơn | Nguyễn Quốc Bình | Mô hình xe hai bánh tự cân bằng |
| | | Nhận dạng biển báo giao thông qua camera | Trần Minh Khải | Nguyễn Thị Quỳnh Dư | Nhận dạng biển báo giao thông qua camera |
| | | Robot hút bụi | Trần Anh Trường | Nguyễn Quốc Bình | Robot hút bụi |
| | | Robot hút bụi | Trương Thế Sơn | Nguyễn Vũ Thùy | Robot hút bụi |
| | | Thiết kế mạch quang báo hiển thị thông tin tự động | K' Trương Ngọc Duy | Huỳnh Thanh Tú | Thiết kế mạch quang báo hiển thị thông tin tự động |
| | | Thiết kế mô hình thiết bị đo nồng độ cồn và theo dõi nhịp tim | Du Trần Thành Công | Trần Thị Huyền Trang | Thiết kế mô hình thiết bị đo nồng độ cồn và theo dõi nhịp tim |
| | | Thiết kế xe tự hành giao hồ sơ giữa các phòng ban | Võ Hiền Lâm | Trần Thị Huyền Trang | Thiết kế xe tự hành giao hồ sơ giữa các phòng ban |
| | | Triển khai PGP bảo mật cho email | Võ Minh Anh | Nguyễn Vũ Thùy | Triển khai PGP bảo mật cho email |
| | | Tủ đựng hồ sơ mở khóa bằng vân tay | Huỳnh Minh Đạo | Lê Xuân Kỳ | Tủ đựng hồ sơ mở khóa bằng vân tay |
| | | Xây dựng ứng dụng Android đặt thức ăn tại nhà hàng | Lê Vũ Duy | Huỳnh Thanh Tú | Xây dựng ứng dụng Android đặt thức ăn tại nhà hàng |
| | | Xe robot điều khiển bằng cử chỉ tay | Nguyễn Gia Thuận | Hoàng Xuân Dương | Xe robot điều khiển bằng cử chỉ tay |
| | Công nghệ Thực phẩm | ảnh hưởng của việc bổ sung com dừa đến đặc tính dinh dưỡng của bánh mì | Nguyễn Thị Mỹ Ngân | Nguyễn Quỳnh Dao | ảnh hưởng của việc bổ sung com dừa đến đặc tính dinh dưỡng của bánh mì |
| | | Chế tạo bao bì chỉ thị sự thay đổi nhiệt độ bảo quản | Đặng Quốc Anh | Tạ Lê Quốc An | Chế tạo bao bì chỉ thị sự thay đổi nhiệt độ bảo quản |
| | | Chế tạo bao bì chỉ thị sự thay đổi nhiệt độ bảo quản | Lê Thị Ngọc Mai | Tạ Lê Quốc An | Chế tạo bao bì chỉ thị sự thay đổi nhiệt độ bảo quản |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Chế tạo mực in bao bì từ dịch trích hoa đậu biếc (<i>clitoria ternatea</i>) để nhận biết sự hư hỏng của cá tươi | Phạm Ngọc Lan Vi | Tạ Lê Quốc An | Chế tạo mực in bao bì từ dịch trích hoa đậu biếc (<i>clitoria ternatea</i>) để nhận biết sự hư hỏng của cá tươi |
| | | Chế tạo mực in bao bì từ dịch trích hoa đậu biếc (<i>clitoria ternatea</i>) để nhận biết sự hư hỏng của cá tươi | Lê Cao Trí | Lưu Mai Hương | Chế tạo mực in bao bì từ dịch trích hoa đậu biếc (<i>clitoria ternatea</i>) để nhận biết sự hư hỏng của cá tươi |
| | | Đánh giá khả năng bổ sung bột vỏ trứng gà đến chất lượng của bánh mì | Võ Thị Thanh Trúc | Nguyễn Quỳnh Dao | Đánh giá khả năng bổ sung bột vỏ trứng gà đến chất lượng của bánh mì |
| | | Khảo sát ảnh hưởng của các điều kiện nảy mầm lên các tính chất chức năng và một số giá trị dinh dưỡng của bột đậu ván | Nguyễn Hiệp Thuận | Trần Ngọc Hiếu | Khảo sát ảnh hưởng của các điều kiện nảy mầm lên các tính chất chức năng và một số giá trị dinh dưỡng của bột đậu ván |
| | | Khảo sát ảnh hưởng của các điều kiện nảy mầm lên thành phần dinh dưỡng và hoạt tính sinh học của đậu ván (<i>Lablab purpureus</i>) | Lê Thị Thu Hiền | Trần Ngọc Hiếu | Khảo sát ảnh hưởng của các điều kiện nảy mầm lên thành phần dinh dưỡng và hoạt tính sinh học của đậu ván (<i>Lablab purpureus</i>) |
| | | Khảo sát ảnh hưởng của các điều kiện nảy mầm lên thành phần dinh dưỡng và hoạt tính sinh học của đậu ván (<i>Lablab purpureus</i>) | Hồ Thụy Thanh Trúc | Trần Ngọc Hiếu | Khảo sát ảnh hưởng của các điều kiện nảy mầm lên thành phần dinh dưỡng và hoạt tính sinh học của đậu ván (<i>Lablab purpureus</i>) |
| | | Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung bột đậu xanh nảy mầm đến các đặc điểm tính chất của xúc xích ít béo | Lê Thị Thùy Linh | Hoàng Kim Anh | Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung bột đậu xanh nảy mầm đến các đặc điểm tính chất của xúc xích ít béo |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung bột đậu xanh này mầm đến các đặc điểm tính chất của xúc xích ít béo | Lê Anh Tùng | Hoàng Kim Anh | Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung bột đậu xanh này mầm đến các đặc điểm tính chất của xúc xích ít béo |
| | | Nghiên cứu các đặc điểm tính chất của một số loại gạo và xác định ảnh hưởng của thành phần nguyên liệu đến tính chất của bánh phở từ gạo màu | Lê Khắc Huy | Hoàng Kim Anh | Nghiên cứu các đặc điểm tính chất của một số loại gạo và xác định ảnh hưởng của thành phần nguyên liệu đến tính chất của bánh phở từ gạo màu |
| | | Nghiên cứu các đặc điểm tính chất của một số loại gạo và xác định ảnh hưởng của thành phần nguyên liệu đến tính chất của bánh phở từ gạo màu | Tô Thị Mỹ Thương | Hoàng Kim Anh | Nghiên cứu các đặc điểm tính chất của một số loại gạo và xác định ảnh hưởng của thành phần nguyên liệu đến tính chất của bánh phở từ gạo màu |
| | | Nghiên cứu chế biến bánh mì bổ sung bột bí đỏ | Lê Thị Lan Trinh | Phan Ngọc Hòa | Nghiên cứu chế biến bánh mì bổ sung bột bí đỏ |
| | | Nghiên cứu chế biến bánh muffin bổ sung bột bí đỏ | Phan Ngọc Diễm Quỳnh | Phan Ngọc Hòa | Nghiên cứu chế biến bánh muffin bổ sung bột bí đỏ |
| | | Nghiên cứu chế biến bánh quy bổ sung bột bí đỏ | Phan Thị Kiều Trang | Phan Ngọc Hòa | Nghiên cứu chế biến bánh quy bổ sung bột bí đỏ |
| | | Nghiên cứu độ ổn định của dịch trích giàu betacyanin từ củ dền đỏ bằng phương pháp vi gói Alginate/Chitosan | Nguyễn Yến Nhi | Ngô Trịnh Tác Đạt | Nghiên cứu độ ổn định của dịch trích giàu betacyanin từ củ dền đỏ bằng phương pháp vi gói Alginate/Chitosan |
| | | Nghiên cứu phương pháp chiết tách annatto từ hạt điều màu (Bixa orellana) sử dụng trong thực phẩm | Đoàn Hữu Định | Phan Thế Đồng | Nghiên cứu phương pháp chiết tách annatto từ hạt điều màu (Bixa orellana) sử dụng trong thực phẩm |
| | | Nghiên cứu phương pháp chiết tách annatto từ hạt điều màu (Bixa orellana) sử dụng trong | Nguyễn Thị Lụa | Phan Thế Đồng | Nghiên cứu phương pháp chiết tách annatto từ hạt điều màu (Bixa orellana) sử dụng trong |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---|---------------------------|---------------------------|---|
| | | thực phẩm | | | thực phẩm |
| | | Nghiên cứu quá trình chế biến bột vỏ chanh dây dùng làm phụ gia thực phẩm | Cát Thị Ngọc Quỳnh | Lưu Mai Hương | Nghiên cứu quá trình chế biến bột vỏ chanh dây dùng làm phụ gia thực phẩm |
| | | Nghiên cứu quá trình chế biến bột vỏ chanh dây dùng làm phụ gia thực phẩm | Lê Thị Kim Thao | Lưu Mai Hương | Nghiên cứu quá trình chế biến bột vỏ chanh dây dùng làm phụ gia thực phẩm |
| | | Nghiên cứu quy trình công nghệ sơ chế, xử lý và bảo quản xoài | Tiêu Vỹ Khang | Lê Minh Hùng | Nghiên cứu quy trình công nghệ sơ chế, xử lý và bảo quản xoài |
| | | Nghiên cứu quy trình công nghệ sơ chế, xử lý và bảo quản xoài | Võ Ngọc Phương Trinh | Lê Minh Hùng | Nghiên cứu quy trình công nghệ sơ chế, xử lý và bảo quản xoài |
| | | Nghiên cứu quy trình sản xuất bột đạm khoáng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản | Huỳnh Thị Hồng Loan | Trần Văn Dũng | Nghiên cứu quy trình sản xuất bột đạm khoáng làm nguyên liệu thức ăn chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản |
| | | Nghiên cứu quy trình sản xuất bột đạm tự nhiên (Natural protein powder NPP) ứng dụng làm ngọt nước sôcôla | Kiều Lý Ngọc Hằng | Trần Văn Dũng | Nghiên cứu quy trình sản xuất bột đạm tự nhiên (Natural protein powder NPP) ứng dụng làm ngọt nước sôcôla |
| | | Nghiên cứu quy trình sản xuất bột đạm tự nhiên (Natural protein powder NPP) ứng dụng làm ngọt nước sôcôla | Huỳnh Thị Kim Nhon | Trần Văn Dũng | Nghiên cứu quy trình sản xuất bột đạm tự nhiên (Natural protein powder NPP) ứng dụng làm ngọt nước sôcôla |
| | | Nghiên cứu quy trình sản xuất một số sản phẩm từ lươn nguyên con | Lê Tuấn Vinh | Trần Văn Dũng | Nghiên cứu quy trình sản xuất một số sản phẩm từ lươn nguyên con |
| | | Nghiên cứu thử nghiệm lên men rượu vang từ sáoche | Hà Thị Ngọc Trâm | Nguyễn Minh Hải | Nghiên cứu thử nghiệm lên men rượu vang từ sáoche |
| | | Nghiên cứu thu nhận bột bơ bằng phương pháp sấy thăng hoa | Phan Thị Thùy Tiên | Ngô Trịnh Tác Đạt | Nghiên cứu thu nhận bột bơ bằng phương pháp sấy thăng hoa |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Nghiên cứu trích ly Anthocyanin từ hoa đậu biếc và ứng dụng làm chất chỉ thị màu phát hiện hàn the trong thực phẩm | Võ Trần Mỹ Duyên | Nguyễn Văn Hải | Nghiên cứu trích ly Anthocyanin từ hoa đậu biếc và ứng dụng làm chất chỉ thị màu phát hiện hàn the trong thực phẩm |
| | | Nghiên cứu trích ly Anthocyanin từ hoa đậu biếc và ứng dụng làm chất chỉ thị màu phát hiện hàn the trong thực phẩm | Chế Thị Cẩm Hồng | Nguyễn Văn Hải | Nghiên cứu trích ly Anthocyanin từ hoa đậu biếc và ứng dụng làm chất chỉ thị màu phát hiện hàn the trong thực phẩm |
| | | Nghiên cứu trích ly polyphenol từ vỏ dưa hấu bằng hỗn hợp enzyme và tạo chế phẩm dạng bột | Trương Thanh Nhã | Ngô Trịnh Tác Đạt | Nghiên cứu trích ly polyphenol từ vỏ dưa hấu bằng hỗn hợp enzyme và tạo chế phẩm dạng bột |
| | | Sử dụng kỹ thuật mô tả Check - All - That - Apply (CATA) để xây dựng khái niệm và tìm hiểu về mức độ quan trọng các thuộc tính của sản phẩm bánh ăn kiêng đến với người tiêu dùng trong độ tuổi từ 18-25 tại khu vực Quận 8, TP. HCM | Nguyễn Thị Minh Ngọc | Đoàn Nguyễn Thúy Quỳnh | Sử dụng kỹ thuật mô tả Check - All - That - Apply (CATA) để xây dựng khái niệm và tìm hiểu về mức độ quan trọng các thuộc tính của sản phẩm bánh ăn kiêng đến với người tiêu dùng trong độ tuổi từ 18-25 tại khu vực Quận 8, TP. HCM |
| | | Thử nghiệm kỹ thuật lên men Lactic và lên men Kefir trên nước quả sori | Trần Nguyễn Tú Như | Nguyễn Minh Hải | Thử nghiệm kỹ thuật lên men Lactic và lên men Kefir trên nước quả sori |
| | | Thử nghiệm kỹ thuật lên men Lactic và lên men Kefir trên nước quả sori | Trịnh Thị Thùy Trang | Nguyễn Minh Hải | Thử nghiệm kỹ thuật lên men Lactic và lên men Kefir trên nước quả sori |
| | | Thu nhận Anthocyanin từ bắp cải tím, lá cẩm và bước đầu ứng dụng sản phẩm thực phẩm | Nguyễn Bảo Nghi | Trương Thị Mỹ Linh | Thu nhận Anthocyanin từ bắp cải tím, lá cẩm và bước đầu ứng dụng sản phẩm thực phẩm |
| | | Thu nhận Anthocyanin từ bắp cải tím, lá cẩm và bước đầu ứng dụng sản phẩm thực phẩm | Viên Bích Thuận | Trương Thị Mỹ Linh | Thu nhận Anthocyanin từ bắp cải tím, lá cẩm và bước đầu ứng dụng sản phẩm thực phẩm |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|----------------------------|---|---------------------------|---------------------------|---|
| | | Thu nhận Cordycepin từ <i>Corsyceps Militaris</i> (nấm Đông trùng hạ thảo) và ứng dụng vào chế biến thực phẩm | Đặng Công Hậu | Trương Nguyễn Như Quỳnh | Thu nhận Cordycepin từ <i>Corsyceps Militaris</i> (nấm Đông trùng hạ thảo) và ứng dụng vào chế biến thực phẩm |
| | | Thu nhận Cordycepin từ <i>Corsyceps Militaris</i> (nấm Đông trùng hạ thảo) và ứng dụng vào chế biến thực phẩm | Cao Thị Kim Mẫn | Trương Nguyễn Như Quỳnh | Thu nhận Cordycepin từ <i>Corsyceps Militaris</i> (nấm Đông trùng hạ thảo) và ứng dụng vào chế biến thực phẩm |
| | | Trích ly hoạt chất Adenosine và Cordycepin từ đông trùng hạ thảo và điều chế hệ nano từ cao chiết | Trịnh Hoàng Nguyên | Trần Quang Hiếu | Trích ly hoạt chất Adenosine và Cordycepin từ đông trùng hạ thảo và điều chế hệ nano từ cao chiết |
| | | Trích ly hợp chất Betalain từ củ dền và bước đầu ứng dụng trong thực phẩm | Hồ Thị Mai Phương | Nguyễn Văn Hải | Trích ly hợp chất Betalain từ củ dền và bước đầu ứng dụng trong thực phẩm |
| | | Xác định Acid Amin trong yến sào bằng phương pháp HPLC - FLD (Sắc ký lỏng hiệu năng cao kết hợp đầu dò huỳnh quang) | Phạm Thanh Hiếu | Phạm Kim Phương | Xác định Acid Amin trong yến sào bằng phương pháp HPLC - FLD (Sắc ký lỏng hiệu năng cao kết hợp đầu dò huỳnh quang) |
| | | Xác định Acid Amin trong yến sào bằng phương pháp HPLC - FLD (Sắc ký lỏng hiệu năng cao kết hợp đầu dò huỳnh quang) | Lê Trần Bảo Như | Phạm Kim Phương | Xác định Acid Amin trong yến sào bằng phương pháp HPLC - FLD (Sắc ký lỏng hiệu năng cao kết hợp đầu dò huỳnh quang) |
| | - Kỹ thuật Xây dựng | Căn Hộ ánh Dương Plaza | Trần Hoàng Phúc | Hà Công Huy | Căn Hộ ánh Dương Plaza |
| | | Cao ốc An Thịnh | Nguyễn Trần Thế Hiệp | Khương Văn Huân | Cao ốc An Thịnh |
| | | Cao ốc Ree Tower, Quận 4 | Võ Tấn Tài | Nguyễn Quang Huy | Cao ốc Ree Tower, Quận 4 |
| | | Cao ốc văn phòng Bến Nghé | Kiều Minh Vũ | Nguyễn Công Huân | Cao ốc văn phòng Bến Nghé |
| | | Cao ốc văn phòng Duy Nguyễn | Bùi Văn Thạnh | Bùi Thanh Tâm | Cao ốc văn phòng Duy Nguyễn |
| | | Cao ốc văn phòng ITAXA | Trần Minh Thành | Khương Văn Huân | Cao ốc văn phòng ITAXA |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Cao ốc văn phòng Quận 11 | Lê Tường Vi | Khương Văn Huân | Cao ốc văn phòng Quận 11 |
| | | Chung cư A5 Phan Xích Long, Quận Phú Nhuận | Tiêu Thanh Đại | Nguyễn Quang Huy | Chung cư A5 Phan Xích Long, Quận Phú Nhuận |
| | | Chung cư Hùng Vương | Nguyễn Tấn Lộc | Bùi Thanh Tâm | Chung cư Hùng Vương |
| | | Chung cư KCN Tân Bình | Nguyễn Đức Huy | Bùi Công Thành | Chung cư KCN Tân Bình |
| | | Chung cư Lê Kha | Võ Ngọc Hà | Bùi Công Thành | Chung cư Lê Kha |
| | | Chung cư Long Phú | Đặng Vũ Tuyên | Trần Tấn Quốc | Chung cư Long Phú |
| | | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Cà Mau | Nguyễn Trung Hữu | Nguyễn Công Huân | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - chi nhánh Cà Mau |
| | | Nhà khách và nhà làm việc Quốc Oai - Hà Nội | Nguyễn Minh Hiếu | Đoàn Thị Anh Thủy | Nhà khách và nhà làm việc Quốc Oai - Hà Nội |
| | | Tòa Nhà Văn Phòng Công Ty Trường Thành | Huỳnh Tấn Tài | Hà Công Huy | Tòa Nhà Văn Phòng Công Ty Trường Thành |
| | | Tower Hồng Đức | Nguyễn Đức Vinh | Đoàn Thị Anh Thủy | Tower Hồng Đức |
| | | Trụ sở chi cục thuế Quận 3 | Trịnh Hải Long | Nguyễn Công Huân | Trụ sở chi cục thuế Quận 3 |
| | | Trụ sở chi cục thuế Quận 3 | Trần Quốc Duy | Đoàn Thị Anh Thủy | Trụ sở chi cục thuế Quận 3 |
| | | Trụ sở Công an TP. Biên Hòa | Phạm Tiến Dũng | Ngô Thanh Đức | Trụ sở Công an TP. Biên Hòa |
| | | Căn hộ Apartment Quận Tân Phú | Trần Duy Khang | Bùi Công Thành | Căn hộ Apartment Quận Tân Phú |
| | | Cao ốc căn hộ Long Phú | Lê Tường Lâm | Trần Công Lai | Cao ốc căn hộ Long Phú |
| | | Cao ốc HTC | Dương Trung Hưng | Nguyễn Quang Huy | Cao ốc HTC |
| | | Cao ốc LPG | Trần Anh Kiệt | Trần Công Lai | Cao ốc LPG |
| | | Cao ốc Nghi Phú | Phan Thị Quỳnh Ngân | Nguyễn Duy Cường | Cao ốc Nghi Phú |
| | | Cao ốc văn phòng | Nguyễn Hữu Đình | Nguyễn Duy Cường | Cao ốc văn phòng |
| | | Cao ốc văn phòng | Lê Hoàng Quốc Duy | Phạm Trường Giang | Cao ốc văn phòng |
| | | Cao ốc văn phòng | Trần Văn Tý | Khương Văn Huân | Cao ốc văn phòng |
| | | Cao ốc văn phòng | Nguyễn Hoàng Anh Tuấn | Huỳnh Thanh Vũ | Cao ốc văn phòng |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|---------------------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------------------|
| | | Cao ốc văn phòng Bến Tre | Nguyễn Thanh Phương | Hà Công Huy | Cao ốc văn phòng Bến Tre |
| | | Cao ốc văn phòng cho thuê | Bùi Văn Minh | Bùi Thanh Tâm | Cao ốc văn phòng cho thuê |
| | | Cao ốc văn phòng ITAXA | Trần Nhật Linh | Nguyễn Công Huân | Cao ốc văn phòng ITAXA |
| | | Cao ốc văn phòng Khang Thông | Bùi Nguyễn Đình Thi | Bùi Thanh Tâm | Cao ốc văn phòng Khang Thông |
| | | Cao ốc văn phòng Phát Tài | Lê Thành Phát | Ngô Thanh Đức | Cao ốc văn phòng Phát Tài |
| | | Cao ốc văn phòng Phú Cường | Nguyễn Thanh Phong | Ngô Thanh Đức | Cao ốc văn phòng Phú Cường |
| | | Cao ốc văn phòng Quận 11 | Hồ Thanh Vinh | Phạm Trường Giang | Cao ốc văn phòng Quận 11 |
| | | Cao ốc văn phòng Quận 2 | Nguyễn Bùi Phúc Hậu | Bùi Công Thành | Cao ốc văn phòng Quận 2 |
| | | Cao ốc văn phòng Thanh Hải | Nguyễn Tấn Phước | Bùi Thanh Tâm | Cao ốc văn phòng Thanh Hải |
| | | Cao ốc văn phòng Trần Khánh Dư | Nguyễn Hoài Nam | Bùi Thanh Tâm | Cao ốc văn phòng Trần Khánh Dư |
| | | Chung cư An Phú Building | Nguyễn Toàn Vũ | Phạm Quốc Lâm | Chung cư An Phú Building |
| | | Chung cư Becamex | Hồ Thị Thu Thủy | Huỳnh Văn Khanh | Chung cư Becamex |
| | | Chung cư cao cấp An Phú | Chu Quốc Triệu | Nguyễn Công Huân | Chung cư cao cấp An Phú |
| | | Chung cư cao cấp Hoàng Long | Nguyễn Hoàng Hồng Long | Phạm Quốc Lâm | Chung cư cao cấp Hoàng Long |
| | | Chung cư cao tầng Tân Minh | Trương Đắc Trường | Huỳnh Thanh Vũ | Chung cư cao tầng Tân Minh |
| | | Chung cư Flora Panorama 2 Mizuki Park | Võ Văn Phúc | Thân Trọng Trần Hoan | Chung cư Flora Panorama 2 Mizuki Park |
| | | Chung cư Green Quận 3, TP. HCM | Huỳnh Nguyễn Hoàng Duy | Hà Công Huy | Chung cư Green Quận 3, TP. HCM |
| | | Chung cư Phú Thịnh | Nguyễn Ngọc Đức | Ngô Thanh Đức | Chung cư Phú Thịnh |
| | | Chung cư Pitaco | Mã Trường Phi | Trần Công Lai | Chung cư Pitaco |
| | | Chung cư Pitaco | Vũ Duy Thanh | Bùi Thanh Tâm | Chung cư Pitaco |
| | | Chung cư RCL Quận 8 | Ma Anh Giang | Khương Văn Huân | Chung cư RCL Quận 8 |
| | | Chung cư Sài Gòn Apartment | Hoàng Tấn Phát | Phạm Quốc Lâm | Chung cư Sài Gòn Apartment |
| | | Chung cư Sài Gòn Apartment chữ nhật | Lâm Khả Phi | Phạm Trường Giang | Chung cư Sài Gòn Apartment chữ nhật |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Chung cư Tân Đô Thị | Võ Khánh Duy | Phạm Trường Giang | Chung cư Tân Đô Thị |
| | | Chung cư Tân Minh | Trần Văn Thanh | Nguyễn Công Huân | Chung cư Tân Minh |
| | | Chung cư Tân Minh | Lê Nguyễn Trường Giang | Trần Tấn Quốc | Chung cư Tân Minh |
| | | Chung cư Tân Minh | Hồ Tiến Cường | Tạ Thùy Trang | Chung cư Tân Minh |
| | | Chung cư Thịnh Vượng | Đình Hoàng Hùng Anh | Tạ Thùy Trang | Chung cư Thịnh Vượng |
| | | Chung cư Topaz | Phạm Chu Thiện | Nguyễn Quang Huy | Chung cư Topaz |
| | | Công trình Natural Pearl | Phan Văn Tiến | Trương Đình Thảo Anh | Công trình Natural Pearl |
| | | Công ty đầu tư & phát triển xây dựng Vinaconex | Nguyễn Tấn Đạt | Hà Công Huy | Công ty đầu tư & phát triển xây dựng Vinaconex |
| | | Công ty Hồng Đức | Võ Nguyên Vương | Nguyễn Duy Cường | Công ty Hồng Đức |
| | | DAT Building | Nguyễn Đỗ Xuân Hoàng Huy | Trần Tấn Quốc | DAT Building |
| | | Hoàng Gia Plaza | Lê Đình Thắng | Trần Công Lai | Hoàng Gia Plaza |
| | | Ký túc xá chuyên gia | Nguyễn Quang Sến | Huỳnh Văn Khanh | Ký túc xá chuyên gia |
| | | Ký túc xá chuyên gia Bình Dương | Trần Đình Phước | Huỳnh Văn Khanh | Ký túc xá chuyên gia Bình Dương |
| | | Ký túc xá công nhân Bình Dương | Trần Văn Thanh | Huỳnh Văn Khanh | Ký túc xá công nhân Bình Dương |
| | | Ngân hàng Sacombank chi nhánh Cần Thơ | Trần Thanh Hiếu | Hà Công Huy | Ngân hàng Sacombank chi nhánh Cần Thơ |
| | | Ngân hàng Thương mại cổ phần Thương Tín | Kiều Minh Vũ | Nguyễn Công Huân | Ngân hàng Thương mại cổ phần Thương Tín |
| | | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Cà Mau | Trần Doãn Tú | Tạ Thùy Trang | Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Cà Mau |
| | | Nhà khách và nhà làm việc Quốc Oai Hà Nội | Lê Vũ Duy | Bùi Công Thành | Nhà khách và nhà làm việc Quốc Oai Hà Nội |
| | | Residence D-INSA de Lyon | Nguyễn Thành Thắng | Thân Trọng Trần Hoan | Residence D-INSA de Lyon |
| | | Sài Gòn Apartment | Dương Huỳnh Anh Kiệt | Trần Tấn Quốc | Sài Gòn Apartment |
| | | Thiết kế chung cư D160 | Huỳnh Văn Thuận | Lê Đức Tuấn | Thiết kế chung cư D160 |
| | | Thiết kế chung cư Gia Định | Trần Xuân Hậu | Trần Tấn Quốc | Thiết kế chung cư Gia Định |

| STT | Trình độ đào tạo | Tên đề tài | Họ và tên người thực hiện | Họ và tên người hướng dẫn | Nội dung tóm tắt |
|-----|----------------------------|--|---------------------------|---------------------------|--|
| | | Tòa nhà AV | Ngô Hùng Anh | Tạ Thùy Trang | Tòa nhà AV |
| | | Trụ sở chi cục thuế Quận 3 | Đặng Hoàng Bi | Bùi Công Thành | Trụ sở chi cục thuế Quận 3 |
| | | Trụ sở dịch vụ công Đồng Nai | Trịnh Anh Cường | Trần Tấn Quốc | Trụ sở dịch vụ công Đồng Nai |
| | | Trung tâm giám định hàng hóa TP. HCM, Quận 9, TP. HCM | Phan Văn Thảo | Trần Công Lai | Trung tâm giám định hàng hóa TP. HCM, Quận 9, TP. HCM |
| | | Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn - Giai đoạn 2 | Võ Quốc Việt | Nguyễn Duy Cường | Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn - Giai đoạn 2 |
| | | Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn - Giai đoạn 2 | Phạm Đặng Hoàng Kha | Nguyễn Quang Huy | Trường Đại học Công Nghệ Sài Gòn - Giai đoạn 2 |
| | | Văn phòng Công ty TNHH Hồng Đức | Lê Thanh Bình Dương | Bùi Công Thành | Văn phòng Công ty TNHH Hồng Đức |
| 2 | Liên thông đại học | | | | |
| | - Kỹ thuật Xây dựng | Chung cư An Phú Long | Ngô Ngọc Trung | Trần Tấn Quốc | Chung cư An Phú Long |
| | | Chung cư Ascont Lakeside, Quận 7, TP. HCM | Trương Quang Trung | Thân Trọng Trần Hoan | Chung cư Ascont Lakeside, Quận 7, TP. HCM |
| | | Chung cư Đại Hoàng Dương | Nguyễn Tiến Dũng | Châu Minh Hiếu | Chung cư Đại Hoàng Dương |
| | | Chung cư Đình Tiên Hoàng | Huỳnh Phong Phú | Nguyễn Công Huân | Chung cư Đình Tiên Hoàng |
| | | Chung cư Green Town | Nguyễn Thành Đạt | Châu Minh Hiếu | Chung cư Green Town |
| | | Chung cư Mỹ Long | Nguyễn Văn Phú | Hà Công Huy | Chung cư Mỹ Long |
| | | Chung cư Tân Mỹ, Quận 7, TP. HCM | Phạm Cao Thế | Thân Trọng Trần Hoan | Chung cư Tân Mỹ, Quận 7, TP. HCM |
| | | Ngân hàng đầu tư & phát triển Long An | Lê Hữu Ân | Phạm Trường Giang | Ngân hàng đầu tư & phát triển Long An |
| | | Tòa nhà văn phòng, Quận 12, TP. HCM | Trần Quang Huy | Lê Đức Tuấn | Tòa nhà văn phòng, Quận 12, TP. HCM |
| | | Văn phòng làm việc trung tâm xử lý bom mìn kết hợp nhà ở xã hội Quận 4 | Âu Dương Khương | Khương Văn Huân | Văn phòng làm việc trung tâm xử lý bom mìn kết hợp nhà ở xã hội Quận 4 |

F. Công khai hội nghị, hội thảo khoa học do cơ sở giáo dục tổ chức

| STT | Tên chủ đề hội nghị, hội thảo khoa học, workshop | Thời gian tổ chức | Địa điểm tổ chức | Số lượng đại biểu tham dự |
|-----|---|-------------------|---|---|
| 1 | Báo cáo chuyên đề cấp khoa | 30/12/2021 | Khoa Kỹ thuật công trình Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn | 30 |
| 2 | Workshop " Tư duy thiết kế và Thiết kế thương hiệu " | 22/04/2021 | Khoa Design Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn | GV và SV 04 chuyên ngành đào tạo của khoa |
| 3 | Workshop "Kỹ thuật nhuộm CHĂM và BATIK" | 05/05/2022 | Khoa Design Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn | GV và SV Ngành Thiết kế Thời trang |
| 4 | Nâng cao chất lượng đào tạo và nội dung giảng dạy | 17/07/2022 | Khách sạn Majestic - Nha Trang Khoa Điện – Điện tử Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn | 24 |
| 5 | Seminar chuyên đề "Phát triển kỹ năng nghề nghiệp và năng lực bản thân của Kỹ sư Công nghệ thực phẩm" | 27/11/2021 | Khoa Công nghệ Thực phẩm Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn | 84 |
| 6 | Hội thi "Giải thưởng phát triển thực phẩm STU 2021" | 24/01/2022 | Khoa Công nghệ Thực phẩm Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn | 67 |
| 7 | Hội nghị Khoa học và chung kết trao giải cuộc thi "Nghiên cứu khoa học Sinh viên" | 05/08/2022 | Khoa Công nghệ Thực phẩm Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn | 78 |
| 8 | Seminar "Sáng tạo cùng bánh kem", đồng tổ chức cùng Công ty Tân Nhất Hương | 25/03/2022 | Khoa Công nghệ Thực phẩm Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn | 54 |

G. Công khai thông tin về các hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử và tư vấn

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|--|-------------------------------|---------------------|--------------------|--|
| 1 | Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tiến độ hoàn thành các dự án PPP xây dựng công trình giao thông đường bộ ở thành phố Hồ Chí Minh. | <ul style="list-style-type: none"> - ThS. Trương Đình Thảo Anh - ThS. Tạ Thùy Trang <i>Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn</i> | | 2019 - 2021 | 30.000.000 | <p>Các mục tiêu, câu hỏi nghiên cứu của đề tài nghiên cứu liên quan đến tiến độ hoàn thành dự án PPP xây dựng công trình giao thông ở TP. Hồ Chí Minh, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định cá nhân tổ ảnh hưởng - Đo lường mức độ ảnh hưởng của các nhân tố - Đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy các dự án hoàn thành đúng tiến độ. |
| 2 | Xây dựng trạm lắp ráp và hệ thống vận chuyển cho hệ thống linh hoạt | <ul style="list-style-type: none"> - SV Dương Phi Long - SV Trần Công Ninh - SV Lê Đình Tường - SV Hồ Thanh Đạt - ThS. Phạm Văn Thắng <i>Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn</i> | | 2021 - 2022 | 10.000.000 | <ul style="list-style-type: none"> - Tạo hệ thống lắp ghép tự động làm giáo cụ giảng dạy sinh viên cơ điện tử - Kết nối một số mô đun hiện có để tạo thành hệ thống sản xuất tự động - Thiết kế hệ thống điều khiển |
| 3 | Chế tạo mô hình máy phay CNC 5 trục phục vụ cho việc giảng dạy và học tập | <ul style="list-style-type: none"> - SV Lê Anh Huy - SV Nguyễn Văn Khánh - SV Lê Quốc Duy - SV Lương Hoàng Vĩ - ThS. Nguyễn Đàm Tấn <i>Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn</i> | | 2021 - 2022 | 10.000.000 | Chế tạo và vận hành mô hình máy phay CNC 5 trục |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|---|-------------------------------|---------------------|--------------------|---|
| 4 | Các yếu tố ảnh hưởng đến thương hiệu của ngân hàng thương mại tại Tp. HCM | ThS. Phan Hà Thanh Nhã <i>Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn</i> | | 2021 - 2022 | 30.000.000 | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu định tính: dựa trên cơ sở lý thuyết và các nghiên cứu trước, mô hình nghiên cứu dự kiến được phác thảo. Tuy nhiên, do tồn tại nhiều đặc điểm khác nhau giữa các quốc gia, dẫn đến mô hình nghiên cứu cần phải được điều chỉnh và bổ sung cho phù hợp với đặc điểm của Việt Nam. Vì vậy, nghiên cứu định tính được sử dụng được thực hiện thông qua thảo luận nhóm với 8 khách hàng cá nhân đang sử dụng dịch vụ của ngân hàng thương mại tại TP.HCM. Mục đích của nghiên cứu này nhằm kiểm tra mức độ rõ ràng của từ ngữ và khả năng hiểu các phát biểu cũng như tính trùng lặp của các phát biểu trong thang đo và điều chỉnh thang đo trước khi tiến hành nghiên cứu định lượng. Dàn bài thảo luận trực tiếp được viết và thực hiện khảo sát từ tháng 4/2021 - Bảng khảo sát sẽ được sử dụng để khảo sát khách hàng cá nhân nhằm đánh giá sơ bộ |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|---------------------------------|-------------------------------|---------------------|--------------------|--|
| | | | | | | <p>độ tin cậy và giá trị của các thang đo trong nghiên cứu định lượng. Đánh giá sơ bộ thang đo bằng cách sử dụng hệ số đo lường độ tin cậy Cronbach's Alpha và thực hiện phân tích nhân tố khám phá (EFA). Mục đích trong nghiên cứu định lượng: được dùng để kiểm định mô hình lý thuyết, các giả thuyết trong mô hình. Thời gian thiết kế phiếu khảo sát và thực hiện phỏng vấn trực tiếp khách hàng cá nhân từ tháng 5/2021 đến 7/2021.</p> |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|--|-------------------------------|---------------------|--------------------|---|
| 5 | Nghiên cứu giải pháp giảm nhiệt khối đổ đầm bê tông cốt thép nhà ở dân dụng | TS. Khương Văn Huân <i>Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn</i> | | 2021 - 2022 | 30.000.000 | <p>(1) Tổng quan về các kết quả nghiên cứu nguyên nhân gây nứt kết cấu bê tông cốt thép; thu thập một số thông tin liên quan đến tình trạng nứt nẻ các công trình nhà cao tầng hiện nay ở khu vực TP.HCM; thống kê qua một số loại cốt pha sử dụng hiện nay và một số tính chất vật lý của nó; những giải pháp hạ thấp nhiệt độ khối đổ. Vai trò ảnh hưởng của sự chênh lệch nhiệt độ giữa khối đổ và môi trường không khí tới hiện tượng nứt kết cấu BTCT trong quá trình thi công.</p> <p>(2) Khảo sát đo đạc thử nghiệm</p> <p>(3) Phân tích và đánh giá kết quả</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá tác động của các giải pháp tản nhiệt tới nhiệt khối đổ đầm BTCT trong quá trình thi công. - Phân tích, so sánh, đánh giá hiệu quả giảm nhiệt khối đổ cho đầm khi sử dụng các giải pháp đề xuất. |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|--|-------------------------------|---------------------|--------------------|--|
| 6 | Sự phát triển của kiến trúc thuộc địa Pháp trong các công trình công quyền tại Lào | ThS. KTS. Ôn Ngọc Yến Nhi <i>Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn</i> | | 2021 - 2022 | 30.000.000 | <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp khảo sát điền dã: chụp ảnh, quan sát trực tiếp, nghiên cứu, dnash giá thực trạng các công trình công quyền mang phong cách kiến trúc thuộc địa trên địa bàn các tỉnh thành lớn của Lào. Trong quá trình điền dã, tác giả đã cố gắng tiếp cận với các công trình để xác định năm xây dựng của công trình. Đồng thời xin phép quản lý công trình được quan sát gần để có thể chụp ở phạm vi gần các chi tiết trên mặt đứng của công trình một cách chính xác nhất. - Phương pháp lịch sử-Logic: giúp cho chúng ta có cái nhìn bao quát về lịch sử đối với những vấn đề của kiến trúc phương Tây, kiến trúc thuộc địa Pháp Pháp và kiến trúc truyền thống tại Lào. - Phương pháp hệ thống hóa và thống kê: Kiến trúc thuộc địa Pháp tại Lào được nhiều nhà thiết kế, lý luận quan tâm nên khối lượng thông tin và nguồn tài liệu vẫn chưa phong phú, đa dạng. Do đó, cần thu thập |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|--|-------------------------------|---------------------|--------------------|--|
| | | | | | | <p>thêm dữ liệu nhằm hệ thống hóa và thống kê bằng các bảng biểu, phân loại theo trình tự thời gian, quan điểm...</p> <p>– Phương pháp phân tích tổng hợp: trên cơ sở kiến thức đã thu thập và thống kê, tác giả phân tích, chứng minh cho những vấn đề chuyên đề đang đề cập.</p> |
| 7 | Nghiên cứu bộ truyền động điện thủy lực tiết kiệm năng lượng | <p>Nguyễn Thanh Hùng <i>Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn</i></p> <p>Hồ Triết Hưng <i>Đại học Bách Khoa Tp. HCM</i></p> | Tạp chí Cơ khí Việt Nam | 2021 | / | NCKH phục vụ đào tạo |


| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|---|-------------------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------------|
| 8 | Using Machine Learning Algorithms Combined with Deep Learning in Speech Recognition | <p>Vũ Thanh Nguyên <i>Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM</i></p> <p>– Mai Việt Tiếp – Lương Thế Dũng <i>Học viện Kỹ thuật Mật mã, TP. Hồ Chí Minh</i></p> <p>Phù Phước Huy <i>Viện Công nghệ Thông tin Quân đội, TP. Hồ Chí Minh</i></p> <p>Nguyễn Thái Nho <i>Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn</i></p> <p>Vũ Thanh Hiền <i>Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh</i></p> <p>Phan Thanh Toàn <i>Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, TP. HCM</i></p> | Hội thảo quốc tế | 2021 | / | NCKH phục vụ đào tạo |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|---|---|-------------------------------|---------------------|--------------------|--------------------------------------|
| 9 | Using Some Machine Learning Methods for Time Series Forecasting Regarding Gold Prices | <p>– Vũ Thanh Nguyên – Đào Minh Châu – Nguyễn Thị Hồng Thảo <i>Trường Đại học Công nghiệp Thực phẩm TP. HCM</i></p> <p>Đình Tuấn Lê <i>Trường Đại học Kinh tế và Công nghiệp Long An, Tân An</i></p> <p>Phù Phước Huy <i>Viện Công nghệ Thông tin Quân đội, TP. Hồ Chí Minh</i></p> <p>Nguyễn Thái Nho <i>Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn</i></p> <p>Mai Việt Tiệp <i>Học viện Kỹ thuật Mật mã, TP. Hồ Chí Minh</i></p> <p>Vũ Thanh Hiền <i>Trường Đại học Công nghệ TP. Hồ Chí Minh</i></p> <p>Phan Trung Hiếu <i>Trường Đại học Công nghệ Thông tin, TP. Hồ Chí Minh</i></p> | Hội thảo quốc tế | 2021 | / | NCKH phục vụ đào tạo |

| STT | Tên dự án, nhiệm vụ khoa học công nghệ | Người chủ trì và các thành viên | Đối tác trong nước và quốc tế | Thời gian thực hiện | Kinh phí thực hiện | Tóm tắt sản phẩm, ứng dụng thực tiễn |
|-----|--|---|-------------------------------|---------------------|--------------------|--|
| 10 | Công ty CP Đầu Tư và Phát Triển Thương Mại Thiên Ý | ThS Lưu Mai Hương Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn | | 2021 - 2022 | 50,000,000 | Nghiệm thu quy trình phát triển sản phẩm |

H. Công khai thông tin kiểm định cơ sở giáo dục và chương trình giáo dục

| STT | Tên cơ sở đào tạo hoặc các chương trình đào tạo | Thời điểm đánh giá ngoài | Kết quả đánh giá/ Công nhận | Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD | Công nhận đạt/ không đạt chất lượng giáo dục | Giấy chứng nhận/ Công nhận | |
|-----|--|--------------------------|-----------------------------|--------------------------------|--|----------------------------|-------------|
| | | | | | | Ngày cấp | Giá trị đến |
| 1 | Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn - Chu kỳ 1 | 23 - 27/01/2018 | 83.61% | 07/NQ-HĐKĐCLGD | Công nhận đạt chất lượng giáo dục | 04/06/2018 | 04/06/2023 |
| 2 | Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Thực phẩm | 12 - 16/10/2020 | 4,27/7 | | Công nhận đạt chất lượng giáo dục | 16/11/2020 | 15/11/2025 |
| 3 | Chương trình đào tạo ngành Ngành Quản trị Kinh doanh | 16 - 18/11/2021 | 90% | 21/NQ-HĐKĐCLGD | Công nhận đạt chất lượng giáo dục | 04/04/2022 | 04/04/2027 |

Người tổng hợp: Hoàng Thị Thu Nguyệt 



HIỆU TRƯỞNG 

PGS. TS. Cao Hào Thi

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 492.3-22/BC-DSG-DT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn năm học 2021 - 2022
(Thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

A. Công khai thông tin về diện tích đất, tổng diện tích sàn xây dựng

| STT | Nội dung | Diện tích (m ²) | Hình thức sử dụng | | |
|-----|--|-----------------------------|-------------------|----------|------|
| | | | Sở hữu | Liên kết | Thuê |
| 1 | Tổng diện tích đất cơ sở đào tạo quản lý sử dụng. Trong đó | 20,000 | X | | |
| a | Trụ sở chính | 20,000 | X | | |
| b | Phân hiệu tại... | | | | |
| c | Cơ sở 2 tại... | | | | |
| 2 | Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học. Trong đó | 21,628 | X | | |
| a | Trụ sở chính | 21,628 | X | | |
| b | Phân hiệu tại... | | | | |
| c | Cơ sở 2 tại... | | | | |

B. Công khai thông tin về các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, xưởng thực tập, nhà tập đa năng, hội trường, phòng học, thư viện, trung tâm học liệu

| STT | Tên | Số lượng | Mục đích sử dụng | Đối tượng sử dụng | Diện tích sàn xây dựng (m ²) | Hình thức sử dụng | | |
|-----|-----------------------------|----------|--------------------------|-------------------|--|-------------------|----------|------|
| | | | | | | Sở hữu | Liên kết | Thuê |
| 1 | Phòng thí nghiệm... | 31 | Phục vụ đào tạo | CB, GV, NV, SV | 2258 | X | | |
| 2 | Xưởng, phòng thực hành... | 19 | Phục vụ đào tạo | CB, GV, NV, SV | 1896 | X | | |
| 3 | Hội trường | 2 | Phục vụ đào tạo | CB, GV, NV, SV | 1115 | X | | |
| 4 | Phòng học 50 - 200 chỗ | 71 | Phục vụ đào tạo | CB, GV, NV, SV | 7042 | X | | |
| 5 | Phòng học dưới 50 chỗ | 43 | Phục vụ đào tạo | CB, GV, NV, SV | 2578 | X | | |
| 6 | Phòng làm việc GS, PGS | 9 | Phục vụ đào tạo | CB, GV, NV, SV | 270 | X | | |
| 7 | Thư viện/Trung tâm học liệu | 2 | Phục vụ đào tạo | CB, GV, NV, SV | 686 | X | | |
| 8 | Sân thể thao | 3 | Phục vụ thể dục thể thao | CB, GV, NV, SV | 5783 | X | | |

C. Công khai thông tin về học liệu (sách, tạp chí, e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) của thư viện và trung tâm học liệu

| STT | Tên | Số lượng |
|-----|--------------------------|----------|
| 1 | Số phòng đọc | 2 |
| 2 | Số chỗ ngồi đọc | 140 |
| 3 | Số máy tính của thư viện | 33 |
| 4 | Số lượng đầu sách | 19479 |

| STT | Tên | Số lượng |
|-----|---|----------|
| | Số lượng tạp chí | 27 |
| | Số lượng e-book | 698 |
| | Số lượng cơ sở dữ liệu | 7 |
| 5 | Số thư viện điện tử liên kết ngoài trường | 1 |

D. Diện tích đất/sinh viên; diện tích sàn/sinh viên

| STT | Tên | Tỷ lệ |
|-----|-------------------------|---------------------------------|
| 1 | Diện tích đất/sinh viên | 3,39 m ² / sinh viên |
| 2 | Diện tích sàn/sinh viên | 3,38 m ² / sinh viên |

Người tổng hợp: Hoàng Thị Thu Nguyệt



THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn năm học 2021 - 2022

(Thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

A. Công khai thông tin về đội ngũ giảng viên cơ hữu

| STT | Nội dung | Tổng số | Chức danh | | Trình độ đào tạo | | | | | Hạng chức danh nghề nghiệp | | |
|----------|-------------------------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------|-----------|----------|---------------|----------------------------|---------|--------|
| | | | Giáo sư | Phó Giáo sư | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Trình độ khác | Hạng III | Hạng II | Hạng I |
| I | Đại học | | | | | | | | | | | |
| | Tổng số | 313 | 1 | 12 | 41 | 223 | 36 | 0 | 0 | | | |
| 1 | Giảng viên cơ hữu theo ngành | 313 | 1 | 12 | 41 | 223 | 36 | 0 | 0 | | | |
| 1.1 | Khối ngành II | 31 | 0 | 1 | 4 | 23 | 3 | 0 | 0 | | | |
| | – Thiết kế công nghiệp | 31 | 0 | 1 | 4 | 23 | 3 | 0 | 0 | | | |
| 1.2 | Khối ngành III | 71 | 0 | 1 | 17 | 51 | 2 | 0 | 0 | | | |
| | – Quản trị kinh doanh | 71 | 0 | 1 | 17 | 51 | 2 | 0 | 0 | | | |
| 1.3 | Khối ngành V | 211 | 1 | 10 | 20 | 149 | 31 | 0 | 0 | | | |

| STT | Nội dung | Tổng số | Chức danh | | Trình độ đào tạo | | | | | Hạng chức danh nghề nghiệp | | |
|-----------|---|----------|-----------|-------------|------------------|----------|----------|----------|---------------|----------------------------|---------|--------|
| | | | Giáo sư | Phó Giáo sư | Tiến sĩ | Thạc sĩ | Đại học | Cao đẳng | Trình độ khác | Hạng III | Hạng II | Hạng I |
| | – Công nghệ Thông tin | 134 | 0 | 2 | 7 | 102 | 23 | 0 | 0 | | | |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử | 13 | 0 | 0 | 5 | 5 | 3 | 0 | 0 | | | |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử | 10 | 0 | 2 | 1 | 6 | 1 | 0 | 0 | | | |
| | – Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông | 10 | 0 | 0 | 1 | 9 | 0 | 0 | 0 | | | |
| | – Công nghệ Thực phẩm | 22 | 1 | 4 | 2 | 11 | 4 | 0 | 0 | | | |
| | – Kỹ thuật Xây dựng | 22 | 0 | 2 | 4 | 16 | 0 | 0 | 0 | | | |
| 2 | Giảng viên cơ hữu môn chung | / | / | / | / | / | / | / | / | | | |
| II | Thạc sĩ | | | | | | | | | | | |
| | Tổng số | 8 | 1 | 4 | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| 1 | Giảng viên cơ hữu theo ngành | 8 | 1 | 4 | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| | Khối ngành V | | | | | | | | | | | |
| | – Công nghệ Thực phẩm | 8 | 1 | 4 | 3 | 0 | 0 | 0 | 0 | | | |
| 2 | Giảng viên cơ hữu môn chung | / | / | / | / | / | / | / | / | | | |

B. Công khai thông tin về danh sách chi tiết đội ngũ giảng viên cơ hữu theo khối ngành

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|----------|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|---|
| I | Đại học | | | | | |
| 1 | Nguyễn Quốc Cường | 25/12/1952 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử |
| 2 | Lê Khánh Điền | 21/09/1956 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử |
| 3 | Huỳnh Long Triết Giang | 01/11/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử |
| 4 | Nguyễn Văn Giáp | 30/07/1954 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử |
| 5 | Vũ Đình Hải | 01/01/1977 | Nam | | Đại học | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử |
| 6 | Hồ Hữu Hân | 14/11/1978 | Nam | | Đại học | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử |
| 7 | Huỳnh Ngọc Hiệp | 20/03/1956 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử |
| 8 | Nguyễn Thanh Hùng | 27/12/1987 | Nam | | Đại học | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử |
| 9 | Trần Trung Lê | 20/10/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử |
| 10 | Trương Quang Mùi | 19/12/1944 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử |
| 11 | Lê Minh Ngọc | 11/10/1941 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử |
| 12 | Phạm Văn Thắng | 09/06/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử |
| 13 | Lê Nguyên Trinh | 10/03/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật cơ - điện tử |
| 14 | Vũ Hùng Cường | 13/12/1955 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông |
| 15 | Nguyễn Văn Hiền | 15/10/1964 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông |
| 16 | Lê Xuân Kỳ | 16/12/1972 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông |
| 17 | Lê Phước Lâm | 27/07/1967 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông |
| 18 | Đào Duy Liêm | 07/03/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông |
| 19 | Phan Thanh | 26/03/1963 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-------------|------------------|---|
| 20 | Nguyễn Vũ Thùy | 04/10/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông |
| 21 | Nguyễn Thị Minh Thy | 28/02/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông |
| 22 | Trần Thị Huyền Trang | 23/05/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông |
| 23 | Lê Hiệp Tuyền | 15/09/1950 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện tử – viễn thông |
| 24 | Đỗ Quang Đạo | 05/03/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 25 | Nguyễn Thị Phương Hà | 30/06/1950 | Nữ | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 26 | Nguyễn Bá Lập | 30/10/1960 | Nam | | Đại học | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 27 | Trần Văn Lợi | 30/05/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 28 | Võ Văn Nguyên | 02/04/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 29 | Nguyễn Hữu Phúc | 14/12/1954 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 30 | Đinh Đỗ Quang | 07/04/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 31 | Nguyễn Đình Sơn | 15/01/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 32 | Nguyễn Đức Thành | 05/02/1953 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 33 | Trần Thị Thu Thảo | 14/04/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử |
| 34 | Dương Nguyễn Khánh An | 19/09/1991 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 35 | Trịnh Ngọc An | 01/01/1962 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 36 | Nguyễn Ngọc Anh | 26/02/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 37 | Trần Thế Anh | 04/11/1980 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 38 | Ngô Xuân Bách | 25/01/1975 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 39 | Bùi Nhật Bằng | 10/06/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 40 | Nguyễn Văn Bạo | 02/02/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 41 | Nguyễn Quốc Bình | 19/11/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|---------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 42 | Trần Thanh Bình | 23/10/1975 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 43 | Khuru Minh Cảnh | 08/01/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 44 | Ngô Trần Trúc Chi | 03/04/1981 | Nữ | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 45 | Nguyễn Đình Chính | 13/07/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 46 | Phan Công Chính | 28/04/1972 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 47 | Mã Trường Chu | 17/08/1984 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 48 | Huỳnh Hữu Có | 26/04/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 49 | Bùi Quang Đạt | 31/03/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 50 | Nguyễn Thị Đề | 19/12/1976 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 51 | Phạm Đức Đệ | 06/07/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 52 | Nguyễn Thị Như Diệp | 12/09/1976 | Nữ | | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 53 | Trịnh Duy Đông | 23/10/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 54 | Nguyễn Thị Quỳnh Dư | 22/08/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 55 | Đoàn Trình Dục | 13/08/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 56 | Lê Triệu Ngọc Đức | 22/02/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 57 | Lê Thị Mỹ Dung | 29/01/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 58 | Nguyễn Hữu Dũng | 03/03/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 59 | Hoàng Xuân Dương | 31/07/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 60 | Huỳnh Khắc Duy | 22/12/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 61 | Trịnh Thanh Duy | 12/01/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 62 | Nguyễn Trường Giang | 28/07/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 63 | Võ Lê Giang | 20/05/1984 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|----------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 64 | Giảng Lê Hồng Hà | 28/05/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 65 | Nguyễn Thị Ngân Hà | 08/10/1994 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 66 | Nguyễn Đức Hải | 14/11/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 67 | Nguyễn Văn Hải | 17/08/1961 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 68 | Nguyễn Thị Hồng Hạnh | 15/07/1973 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 69 | Trương Thị Thúy Hạnh | 08/11/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 70 | Võ Thị Minh Hạnh | 11/09/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 71 | Trần Quang Hiếu | 01/01/1978 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 72 | Phạm Ngọc Hoài | 02/01/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 73 | Trần Minh Hoàng | 21/11/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 74 | Nguyễn Hùng | 01/05/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 75 | Nguyễn Mạnh Hùng | 20/09/1990 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 76 | Phan Mạnh Hùng | 12/11/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 77 | Trần Văn Hùng | 26/01/1970 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 78 | Lê Quang Hưng | 30/10/1980 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 79 | Vũ Quốc Hưng | 11/12/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 80 | Vũ Thị Bích Hương | 04/01/1963 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 81 | Hoàng Công Quang Huy | 24/09/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 82 | Nguyễn Quốc Huy | 25/08/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 83 | Trần Thị Mỹ Huỳnh | 17/04/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 84 | Võ Quốc Kha | 10/08/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 85 | Hồ Đình Khả | 25/03/1968 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 86 | Huỳnh Bách Khoa | 20/05/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 87 | Nguyễn Minh Lai | 22/04/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 88 | Khuất Bá Duy Lâm | 16/01/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 89 | Nguyễn Ngọc Lâm | 12/12/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 90 | Nguyễn Thị Lệ | 26/01/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 91 | Phạm Liệu | 17/08/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 92 | Cao Quang Lộc | 20/10/1979 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 93 | Hồ Tấn Lộc | 04/07/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 94 | Cao Văn Long | 28/04/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 95 | Kam Kim Long | 30/10/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 96 | Nguyễn Văn Long | 20/04/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 97 | Nguyễn Quang Minh | 10/10/1984 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 98 | Phan Lữ Trí Minh | 04/02/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 99 | Võ Văn Mười | 10/12/1970 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 100 | Nguyễn Hồng Nam | 23/01/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 101 | Nguyễn Ngọc Nam | 20/07/1987 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 102 | Nguyễn Thành Nam | 22/03/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 103 | Thái Mỹ Ngân | 26/10/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 104 | Nguyễn Trọng Nghĩa | 18/06/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 105 | Lưu Minh Ngọc | 26/11/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 106 | Hoàng Thị Thu Nguyệt | 14/11/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 107 | Nguyễn Văn Nhân | 06/11/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 108 | Nguyễn Văn Nhân | 30/05/1973 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 109 | Nguyễn Thái Nho | 21/06/1974 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 110 | Nguyễn Kiều Oanh | 30/04/1974 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 111 | Tổng Văn On | 13/12/1953 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 112 | Lê Thanh Phong | 26/05/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 113 | Võ Trường Phong | 03/03/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 114 | Hoàng Xuân Phương | 07/10/1972 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 115 | Lương Tuấn Phương | 14/07/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 116 | Nguyễn Thị Trúc Phương | 10/05/1989 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 117 | Phạm Kim Phương | 22/02/1952 | Nữ | | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 118 | Phạm Đào Võ Nhật Quang | 19/10/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 119 | Hồ Hoàng Thục Quý | 04/11/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 120 | Nguyễn Quốc Quyền | 08/02/1991 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 121 | Vũ Ngọc Sen | 10/06/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 122 | Đặng Trường Sơn | 09/01/1966 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 123 | Nguyễn Minh Tâm | 08/06/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 124 | Huỳnh Anh Tấn | 25/05/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 125 | Nguyễn Đàm Tấn | 10/07/1955 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 126 | Nguyễn Thiện Thành | 02/08/1957 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 127 | Phạm Ngọc Thảo | 24/10/1992 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 128 | Nguyễn Trần Phúc Thịnh | 01/01/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 129 | Võ Xuân Thịnh | 27/02/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|----------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 130 | Nguyễn Lạc An Thư | 21/10/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 131 | Tổng Hồ Phú Thuận | 11/03/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 132 | Dương Thái Thương | 15/12/1988 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 133 | Nguyễn Thị Thùy | 12/02/1966 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 134 | Huỳnh Văn Tiên | 01/01/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 135 | Nguyễn Việt Tiến | 17/12/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 136 | Trần Duy Tiến | 20/12/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 137 | Lê Tấn Tín | 28/01/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 138 | Tăng Văn Tơ | 25/01/1954 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 139 | Phan Thị Bích Trâm | 14/08/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 140 | Phan Thị Mỹ Trang | 13/10/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 141 | Nguyễn Thanh Trông | 06/10/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 142 | Võ Quang Trọng | 06/01/1987 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 143 | Nguyễn Thị Minh Trúc | 20/02/1981 | Nữ | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 144 | Trần Quốc Trường | 24/07/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 145 | Hoàng Văn Trường | 13/06/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 146 | Huỳnh Thanh Tú | 11/08/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 147 | Nguyễn Thị Ngọc Tú | 16/12/1993 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 148 | Trương Văn Tú | 14/06/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 149 | Bùi Hoàng Tuấn | 27/11/1981 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 150 | Hà Vũ Tuấn | 29/06/1980 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 151 | Hà Minh Tuấn | 07/10/1986 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-----------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 152 | Nguyễn Hoàng Tùng | 09/11/1992 | Nam | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 153 | Nguyễn Thanh Tùng | 04/12/1967 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 154 | Phan Thị Thanh Tuyền | 31/01/1989 | Nữ | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 155 | Trần Vũ Hoàng Ứng | 21/11/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 156 | Lê Hoàng Vân | 01/06/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 157 | Phạm Cao Vân | 01/09/1985 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 158 | Trần Thị Hoàng Vân | 09/02/1984 | Nữ | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 159 | Trần Thị Hồng Vân | 29/12/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 160 | Nguyễn Thành Vãn | 15/06/1954 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ thông tin |
| 161 | Trần Lê Quốc Việt | 09/11/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 162 | Lương An Vinh | 08/09/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 163 | Phan Thành Vinh | 26/10/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 164 | Hà Anh Vũ | 11/03/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 165 | Ngô Nguyễn Nguyên Vy | 18/10/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 166 | Nguyễn Thị Thanh Xuân | 10/12/1978 | Nữ | | Đại học | Công nghệ thông tin |
| 167 | Trần Thị Như Ý | 14/01/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thông tin |
| 168 | Tạ Lê Quốc An | 22/02/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 169 | Hoàng Kim Anh | 11/09/1972 | Nữ | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 170 | Nguyễn Quỳnh Dao | 16/10/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 171 | Ngô Trịnh Tắc Đạt | 08/10/1992 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 172 | Phan Thế Đồng | 08/10/1955 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 173 | Lưu Duẩn | 03/03/1938 | Nam | Giáo sư | Tiến sĩ khoa học | Công nghệ thực phẩm |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-------------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 174 | Trần Văn Dũng | 21/10/1969 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 175 | Nguyễn Minh Hải | 27/09/1977 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 176 | Nguyễn Văn Hải | 16/04/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 177 | Trần Ngọc Hiếu | 14/04/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 178 | Phan Ngọc Hòa | 08/03/1966 | Nữ | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 179 | Lưu Mai Hương | 08/01/1970 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 180 | Trương Thị Mỹ Linh | 19/07/1972 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 181 | Nguyễn Tấn Anh Nguyên | 06/11/1992 | Nam | | Đại học | Công nghệ thực phẩm |
| 182 | Đoàn Nguyễn Thúy Quỳnh | 17/04/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 183 | Trương Nguyễn Như Quỳnh | 04/07/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 184 | Nguyễn Thanh Sang | 15/07/1988 | Nam | | Thạc sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 185 | Nguyễn Duy Thịnh | 25/10/1944 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 186 | Đông Thị Thanh Thu | 11/10/1945 | Nữ | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ thực phẩm |
| 187 | Nguyễn Phương Tuyền | 02/03/1982 | Nữ | | Đại học | Công nghệ thực phẩm |
| 188 | Nguyễn Nhã Uyên | 15/02/1971 | Nữ | | Đại học | Công nghệ thực phẩm |
| 189 | Lê Thị Kim Yên | 16/01/1993 | Nữ | | Đại học | Công nghệ thực phẩm |
| 190 | Nguyễn Duy Cường | 13/07/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 191 | Phạm Đình Cường | 10/08/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 192 | Huỳnh Xuân Đình | 21/12/1933 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 193 | Ngô Hồng Đức | 20/08/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 194 | Phạm Trường Giang | 27/08/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 195 | Đỗ Đào Hải | 11/03/1940 | Nam | | Tiến sĩ | Kỹ thuật xây dựng |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|----------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 196 | Châu Minh Hiếu | 08/08/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 197 | Khương Văn Huân | 08/05/1957 | Nam | | Tiến sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 198 | Nguyễn Công Huân | 08/04/1985 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 199 | Hà Công Huy | 27/01/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 200 | Nguyễn Quang Huy | 08/01/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 201 | Huỳnh Văn Khanh | 10/10/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 202 | Trần Công Lai | 14/08/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 203 | Phạm Quốc Lâm | 26/05/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 204 | Trần Tấn Quốc | 09/07/1953 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 205 | Bùi Thanh Tâm | 04/07/1956 | Nam | | Tiến sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 206 | Bùi Công Thành | 10/10/1954 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 207 | Đoàn Thị Anh Thùy | 20/10/1975 | Nữ | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 208 | Tạ Thùy Trang | 26/03/1985 | Nữ | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 209 | Trần Anh Trung | 16/04/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 210 | Lê Đức Tuấn | 13/10/1978 | Nam | | Tiến sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 211 | Huỳnh Thanh Vũ | 11/08/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Kỹ thuật xây dựng |
| 212 | Mai Nhật Minh Anh | 06/06/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 213 | Trương Đình Thảo Anh | 13/10/1979 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 214 | Trương Thị Lan Anh | 03/06/1974 | Nữ | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 215 | Vũ Trần Anh | 25/09/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 216 | Vũ Trọng Anh | 17/05/1962 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 217 | Trương Mỹ Châu | 25/10/1979 | Nữ | | Đại học | Quản trị kinh doanh |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 218 | Nguyễn Ngọc Sĩ Đan | 21/10/1994 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 219 | Bùi Văn Danh | 01/01/1958 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 220 | Ngô Thanh Đức | 01/08/1969 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 221 | Huỳnh Công Dương | 23/05/1973 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 222 | Phạm Văn Đan Duy | 06/03/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 223 | Tôn Thất Hoàng Hải | 27/08/1968 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 224 | Lê Thị Phương Hằng | 18/04/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 225 | Huỳnh Công Hiếu | 13/09/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 226 | Nguyễn Thị Như Hoa | 30/05/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 227 | Nguyễn Lê Thái Hòa | 20/01/1976 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 228 | Thân Trọng Trần Hoan | 16/06/1983 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 229 | Nguyễn Thiện Hùng | 20/10/1976 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 230 | Võ Văn Hưng | 11/11/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 231 | Nguyễn Thị Thiên Hương | 31/03/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 232 | Hoàng Ngọc Khải | 30/08/1957 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 233 | Trần Nguyễn Cẩm Lai | 24/06/1971 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 234 | Ung Thị Minh Lệ | 02/11/1961 | Nữ | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 235 | Vũ Tiến Long | 23/10/1978 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 236 | Nguyễn Thị Thúy Mai | 20/10/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 237 | Hà Thị Phương Minh | 01/05/1967 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 238 | Lê Đăng Minh | 05/08/1967 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 239 | Mai Xuân Nhật Minh | 18/02/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 240 | Nguyễn Thị Hồng Minh | 17/04/1972 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 241 | Trần Thị Mười | 22/06/1963 | Nữ | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 242 | Dương Quang Mỹ | 11/03/1959 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 243 | Trần Kim Ngọc | 26/11/1969 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 244 | Phan Hà Thanh Nhã | 22/06/1979 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 245 | Phạm Hoàng Nhân | 21/11/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 246 | Phùng Việt Nhiên | 04/02/1976 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 247 | Trần Phương Như | 11/09/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 248 | Nguyễn Thị Tuyết Nhung | 03/07/1987 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 249 | Nguyễn Thị Kiều Oanh | 20/12/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 250 | Phạm Thiên Phú | 19/05/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 251 | Hoàng Văn Phúc | 29/07/1956 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 252 | Lê Thị Ngọc Phượng | 14/07/1973 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 253 | Nguyễn Vũ Quân | 01/01/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 254 | Phạm Ngọc Quý | 20/12/1975 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 255 | Lê Thanh Sang | 17/11/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 256 | Trần Hồi Sinh | 20/10/1946 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 257 | Lê Thái Sơn | 15/09/1965 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 258 | Lê Minh Tài | 15/08/1989 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 259 | Nguyễn My Huy Thạch | 15/11/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 260 | Lê Hữu Yến Thanh | 24/12/1986 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 261 | Nguyễn Thị Thu Thảo | 08/02/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |


| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|----------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 262 | Tôn Nữ Hoàng Thảo | 21/10/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 263 | Cao Hào Thi | 25/09/1956 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 264 | Trần Thị Hồng Thi | 01/09/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 265 | Nguyễn Văn Thọ | 10/10/1961 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 266 | Ngô Thị Thu | 05/03/1962 | Nữ | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 267 | Ngô Thị Thu Thủy | 10/11/1971 | Nữ | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 268 | Nguyễn Thị Hồng Thủy | 24/11/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 269 | Hoàng Trung Tiến | 27/12/1973 | Nam | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 270 | Mai Thị Thu Trang | 11/08/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 271 | Đỗ Thị Thanh Trúc | 07/06/1987 | Nữ | | Tiến sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 272 | Nguyễn Thành Trung | 30/03/1961 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 273 | Lưu Thiên Tú | 05/11/1981 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 274 | Nguyễn Anh Tuấn | 18/05/1967 | Nam | | Đại học | Quản trị kinh doanh |
| 275 | Tạ Kiến Tường | 22/06/1975 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 276 | Hồ Lê Mai Uyên | 17/03/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 277 | Nguyễn Ngọc Vân Uyên | 29/09/1975 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 278 | Đỗ Thị Cẩm Vân | 05/08/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 279 | Trần Thị Mỹ Vân | 27/09/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 280 | Vũ Quang Vĩnh | 10/04/1990 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 281 | Dương Thiện Vũ | 02/12/1982 | Nam | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 282 | Mai Thị Hoàng Yến | 09/03/1976 | Nữ | | Thạc sĩ | Quản trị kinh doanh |
| 283 | Nguyễn Tuấn Anh | 28/04/1977 | Nam | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----|-------------------------|------------|-----------|-----------|------------------|------------------------|
| 284 | Lê Nguyễn Quỳnh Chi | 19/08/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 285 | Phạm Hữu Công | 09/05/1955 | Nam | | Tiến sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 286 | Phùng Bá Đông | 15/01/1981 | Nam | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 287 | Nguyễn Thị Phương Dung | 25/12/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 288 | Nguyễn Phan Thượng Duy | 08/05/1983 | Nam | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 289 | Nguyễn Ngọc My Hà | 19/08/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 290 | Trần Thị Thúy Hằng | 17/10/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 291 | Văn Thị Thu Hiền | 15/12/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 292 | Trần Xuân Hưng | 08/07/1980 | Nam | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 293 | Phan Thiệu Huy | 06/11/1981 | Nam | | Tiến sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 294 | Châu Thị Mỹ Khánh | 02/09/1983 | Nữ | | Đại học | Thiết kế công nghiệp |
| 295 | Huỳnh Minh Khánh | 02/09/1970 | Nam | | Đại học | Thiết kế công nghiệp |
| 296 | Trần Thị Hà Linh | 21/12/1983 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 297 | Trần Văn Lĩnh | 03/07/1984 | Nam | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 298 | Mai Chi Mai | 19/12/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 299 | Trần Thanh Mau | 28/12/1967 | Nam | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 300 | Nguyễn Thị Huỳnh Nguyên | 20/12/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 301 | Nguyễn Hằng Nguyệt | 12/08/1977 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 302 | Ôn Ngọc Yến Nhi | 06/01/1990 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 303 | Nguyễn Thị Ngọc Thái | 23/04/1988 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 304 | Nguyễn Tiến Thành | 22/12/1956 | Nam | | Tiến sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 305 | Phạm Thị Minh Thoa | 10/08/1984 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |

| STT | Họ và tên | Năm sinh | Giới tính | Chức danh | Trình độ đào tạo | Chuyên ngành giảng dạy |
|-----------|------------------------------|------------|-----------|-------------|------------------|------------------------|
| 306 | Phạm Nguyễn Hoàng Thiên Toàn | 15/04/1981 | Nam | | Đại học | Thiết kế công nghiệp |
| 307 | Phạm Thị Kiều Trang | 06/04/1991 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 308 | Bùi Ngọc Trinh | 23/01/1982 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 309 | Đinh Thị Thanh Trúc | 02/08/1978 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 310 | Đỗ Lệnh Hùng Tú | 01/04/1957 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 311 | Huỳnh Hoa Hồng Tú | 02/11/1980 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 312 | Nguyễn Thị Kim Vân | 17/10/1974 | Nữ | | Thạc sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| 313 | Nguyễn Thị Hoa Xinh | 12/09/1961 | Nữ | | Tiến sĩ | Thiết kế công nghiệp |
| II | Thạc sĩ | | | | | |
| 1 | Hoàng Kim Anh | 1972 | Nữ | Phó Giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ Thực phẩm |
| 2 | Lưu Duẩn | 1938 | Nam | Giáo sư | Tiến sĩ khoa học | Công nghệ Thực phẩm |
| 3 | Phan Thế Đồng | 1955 | Nam | | Tiến sĩ | Công nghệ Thực phẩm |
| 4 | Trần Quang Hiếu | 1978 | Nam | Phó giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ Thực phẩm |
| 5 | Trần Bích Lam | 1954 | Nữ | | Tiến sĩ | Công nghệ Thực phẩm |
| 6 | Phạm Kim Phương | 1952 | Nữ | | Tiến sĩ | Công nghệ Thực phẩm |
| 7 | Nguyễn Duy Thịnh | 1944 | Nam | Phó Giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ Thực phẩm |
| 8 | Đông Thị Thanh Thu | 1945 | Nữ | Phó Giáo sư | Tiến sĩ | Công nghệ Thực phẩm |

C. Công khai tỷ lệ sinh viên/giảng viên quy đổi

| STT | Khối ngành | Tỷ lệ Sinh viên/Giảng viên cơ hữu quy đổi |
|-----|------------------------|---|
| 1 | Khối ngành II | 4.43 |
| 2 | Khối ngành III | 23.33 |
| 3 | Khối ngành V | 17.63 |
| | Tỷ lệ trung bình chung | 17.18 |

Người tổng hợp: Hoàng Thị Thu Nguyệt 



Số: 492.5-22/BC-DSG-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2022

THÔNG BÁO

Công khai tài chính của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn năm học 2021 - 2022

(Thực hiện công khai theo Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017

của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Học phí/ISV/năm | Dự kiến Học phí/ISV của cả khóa học |
|-----------|---|----------------|-----------------|-------------------------------------|
| I | Học phí chính quy chương trình đại trà | | | |
| 1 | Thạc sỹ | | | |
| | - Công nghệ Thực phẩm | Triệu đồng/năm | 40 | 60 |
| 2 | Đại học | | | |
| | Khối ngành II | | | |
| | - Thiết kế công nghiệp | Triệu đồng/năm | 35 | 101 |
| | Khối ngành III | | | |
| | - Quản trị kinh doanh | Triệu đồng/năm | 28 | 77 |
| | Khối ngành V | | | |
| | - Công nghệ Thông tin | Triệu đồng/năm | 28 | 110 |
| | - Công nghệ Kỹ thuật Cơ điện tử | Triệu đồng/năm | 28 | 102 |
| | - Công nghệ Kỹ thuật Điện điện tử | Triệu đồng/năm | 28 | 92 |
| | - Công nghệ Kỹ thuật Điện tử viễn thông | Triệu đồng/năm | 28 | 92 |
| | - Công nghệ Thực phẩm | Triệu đồng/năm | 35 | 107 |
| | - Kỹ thuật Xây dựng | Triệu đồng/năm | 28 | 94 |
| II | Học phí chính quy chương trình khác | | | |
| 1 | Tiến sĩ | Triệu đồng/năm | | |
| | Khối ngành... | Triệu đồng/năm | | |
| 2 | Thạc sỹ | Triệu đồng/năm | | |
| | Khối ngành... | Triệu đồng/năm | | |
| 3 | Đại học | Triệu đồng/năm | | |
| | Khối ngành... | Triệu đồng/năm | | |

| STT | Nội dung | Đơn vị tính | Học phí/1SV/năm | Dự kiến Học phí/1SV của cả khóa học |
|------------|---|----------------|-----------------|-------------------------------------|
| 4 | Cao đẳng sư phạm | Triệu đồng/năm | | |
| 5 | Trung cấp sư phạm | Triệu đồng/năm | | |
| III | Học phí hình thức vừa học vừa làm | | | |
| 1 | Đại học | Triệu đồng/năm | | |
| | Khối ngành... | Triệu đồng/năm | | |
| 2 | Cao đẳng sư phạm | Triệu đồng/năm | | |
| 3 | Trung cấp sư phạm | Triệu đồng/năm | | |
| IV | Tổng thu năm (01/01 đến 31/12) | Tỷ đồng | 157 | |
| 1 | Từ ngân sách | Tỷ đồng | | |
| 2 | Từ học phí | Tỷ đồng | 156 | |
| 3 | Từ nghiên cứu khoa học và chuyên giao công nghệ | Tỷ đồng | 0 | |
| 4 | Từ nguồn hợp pháp khác | Tỷ đồng | 1 | |

Người tổng hợp: Hoàng Thị Thu Nguyệt *HT*



PGS. TS. Cao Hào Thi